

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC

DỰ ÁN MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI
TẠI VIỆT NAM

TÀI LIỆU TẬP HUẤN

**CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN TRIỂN KHAI
MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN
LỚP 6**

(Lưu hành nội bộ)

Hà Nội, tháng 7/2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG		<i>Trang</i>
Phần I	Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp THCS	5
A	Khái quát về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở	5
I	Quá trình nghiên cứu và thực nghiệm mô hình trường học mới ở Việt Nam	5
II	Đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới trung học cơ sở	6
B	Kế hoạch giáo dục lớp 6 theo mô hình trường học mới	7
I	Khung kế hoạch chung đối với các môn học/HĐGD lớp 6	7
II	Yêu cầu chung về kế hoạch bài học	8
C	Các đặc trưng cơ bản của mô hình trường học mới	10
I	Tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học	10
II	Tổ chức lớp học	20
D	Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	44
I	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo	44
II	Sự khác nhau giữa môn học/HĐGD và hoạt động trải nghiệm sáng tạo	44
III	Một số hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS	45
Đ	Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới cấp THCS	46
I	Mục đích đánh giá	46
II	Nguyên tắc đánh giá	47
III	Nội dung đánh giá	47
IV	Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ	48
V	Tổng hợp đánh giá định kỳ và xét khen thưởng	51
VI	Hồ sơ đánh giá	52
VII	Sử dụng kết quả đánh giá	53
VIII	Tổ chức thực hiện việc đánh giá học sinh	54

E	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và tham gia các hoạt động chuyên môn trên mạng "Trường học kết nối"	55
I	Tổ chức sinh hoạt chuyên môn	55
II	Tham gia các hoạt động chuyên môn trên “Trường học kết nối”	61
G	Trách nhiệm của các cấp quản lý địa phương trong việc triển khai mô hình trường học mới cấp THCS	96
I	Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo	96
II	Trách nhiệm của Phòng Giáo dục và Đào tạo	97
III	Trách nhiệm của hiệu trưởng	97
Phần II	Tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân lớp 6 theo mô hình trường học mới	99
I	Vị trí, đặc điểm môn học	99
II	Chương trình môn học	101
III	Hướng dẫn tổ chức hoạt động học theo chủ đề	110
IV	Hướng dẫn kiểm tra đánh giá	144
	Phụ lục	172
	Tài liệu tham khảo	188

PHẦN THỨ NHẤT

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

A. KHÁI QUÁT VỀ MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

I. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU VÀ THỰC NGHIỆM MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI Ở VIỆT NAM

Từ năm học 2011-2012, Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai mô hình trường học mới đối với cấp tiểu học với mục tiêu là đổi mới đồng bộ các hoạt động sư phạm trong nhà trường; bảo đảm cho học sinh được tự quản, tự tin trong học tập, chiếm lĩnh được kiến thức, kỹ năng qua tự học và hoạt động tập thể; phù hợp với điều kiện về năng lực đội ngũ giáo viên, thiết bị giáo dục của hầu hết các trường học Việt Nam, đồng thời có giải pháp thu hút các gia đình và cộng đồng tích cực tham gia cùng nhà trường thực hiện chức năng giáo dục. Qua ba năm triển khai ở cấp tiểu học đã khẳng định trường học mới là một kiểu mô hình nhà trường hiện đại, tiên tiến, phù hợp với mục tiêu đổi mới và đặc điểm của giáo dục Việt Nam. Đến năm học 2014-2015 đã có 1447 trường tiểu học trên phạm vi toàn quốc có học sinh học hết lớp 5 theo mô hình này. Từ 1447 trường được hỗ trợ qua dự án, đã có nhiều trường tự đảm bảo các điều kiện để triển khai áp dụng mô hình trường học mới. Năm học 2015-2016, cả nước có trên 3700 trường triển khai áp dụng mô hình này.

Nhằm tạo điều kiện cho học sinh THCS học theo mô hình trường học mới, nhất là những học sinh đã học theo mô hình trường học mới cấp tiểu học, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chỉ đạo 6 tỉnh (Lào Cai, Hà Giang, Hòa Bình, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Kon Tum) triển khai thực nghiệm thành công mô hình ở 48 lớp 6 của 24 trường THCS

Từ năm học 2015-2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục triển khai thực điểm mô hình trường học mới ở lớp 7 tại 6 tỉnh nói trên với các học sinh đã hoàn thành chương trình lớp 6; đồng thời nhân rộng chương trình lớp 6 ra 63 tỉnh, thành phố trong cả nước. Hiện nay đã có hơn 1600 trường THCS đăng kí tham gia triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 năm học 2015-2016.

II. ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI TRUNG HỌC CƠ SỞ

Mô hình trường học mới THCS được triển khai dựa trên sự phối hợp giữa hoạt động học tập cá thể với sự tương tác học sinh - học sinh và học sinh - giáo viên; hướng học sinh đến sự phát triển toàn diện, không chỉ hoạt động lĩnh hội kiến thức mà còn rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào thực tế sinh động, năng lực tự học, kỹ năng sống, tự phục vụ bản thân, tự quản tập thể, bồi dưỡng hứng thú học tập để học tập suốt đời. Mô hình trường học mới THCS chú trọng phát huy năng lực riêng của từng học sinh, không ứng xử một cách đồng loạt bằng cách quan tâm đến từng học sinh ngay trong quá trình học, kịp thời động viên kết quả đạt được, phát hiện những điểm mạnh để khuyến khích, những khó khăn để hướng dẫn, trợ giúp; đánh giá sự tiến bộ của từng học sinh theo yêu cầu giáo dục, không so sánh học sinh này với học sinh khác. Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới THCS so với mô hình trường học hiện nay là:

1. Hoạt động học của học sinh được coi là trung tâm của quá trình dạy học. Học sinh tự thiết lập tiến độ và các bước đi cho quá trình học tập, với một chương trình tự học theo từng bước và tăng cường sự ưu việt của hoạt động nhóm. Học sinh được khuyến khích, tạo cơ hội tham gia tích cực vào các hoạt động học tập, đặc biệt là hoạt động theo nhóm và tự học. Từ đó, các em có thể khám phá và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng mới; đồng thời phát triển nhiều phẩm chất và năng lực quan trọng như: tính chủ động, tự tin, khả năng suy nghĩ độc lập, năng lực tư duy phê phán và tư duy sáng tạo, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác. Giáo viên tận dụng khả năng tổ chức các hoạt động để giúp học sinh vận dụng kiến thức, kỹ năng vào cuộc sống.
2. Tài liệu hướng dẫn học tập được thiết kế cho học sinh hoạt động, học nhóm, tự học; dùng chung cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh. Trong tài liệu, cấu trúc các hoạt động học tập theo các chủ đề; cung cấp kiến thức học kết hợp hướng dẫn phương pháp, hình thức học và phương pháp tư duy; nội dung học lồng ghép với các bước của các hoạt động học tập.
3. Giáo viên duy trì một môi trường học tập cởi mở, thân thiện, hiệu quả và đóng vai trò là người hướng dẫn học, quan tâm đến sự khác biệt trong việc tiếp thu kiến thức của học sinh. Thông qua tổ chức các hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh, góc học tập, góc cộng đồng,... và hoạt động nhóm để hỗ trợ tích cực cho học tập và giáo dục học sinh. Từ đó học sinh được tự chủ, có trách nhiệm với hoạt động học tập của mình; rèn luyện, phát triển khả năng giao tiếp và lãnh đạo; nâng cao các phẩm chất và phong cách con người.

4. Nhà trường thiết lập mối liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh và cộng đồng, trong đó các thành viên của gia đình được tham gia vào quá trình giáo dục và các dự án học tập tại cộng đồng.
5. Đánh giá học sinh thường xuyên theo quá trình học tập nhằm kiểm tra và hướng dẫn phương pháp học tập có hiệu quả cho học sinh. coi trọng việc học sinh tự đánh giá, đánh giá lẫn nhau và đánh giá của cha mẹ học sinh, cộng đồng. Kết hợp đánh giá kiến thức, kỹ năng với đánh giá năng lực và phẩm chất của học sinh.
6. Giáo viên có vị trí mới, được bồi dưỡng thường xuyên để nâng cao trình độ và năng lực nghề nghiệp, đáp ứng vai trò quan trọng là người hướng dẫn, tổ chức và quyết định trong các hoạt động học tập, giáo dục, đánh giá học sinh và phối hợp với cha mẹ học sinh và cộng đồng.

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC LỚP 6 TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. KHUNG KẾ HOẠCH CHUNG ĐỐI VỚI CÁC MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC LỚP 6

Trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, các sở/phòng giáo dục và đào tạo giao quyền chủ động cho các trường thực hiện mô hình trường học mới xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực học sinh với khung thời gian 37 tuần (học kỳ I: 19 tuần, học kỳ II: 18 tuần), đảm bảo thời gian kết thúc năm học thống nhất cả nước, có đủ thời lượng dành cho ôn tập, thí nghiệm, thực hành, tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo và kiểm tra định kỳ. Thời lượng thực hiện chương trình giáo dục cả năm học (được tính bằng 35 tuần) đối với từng môn và hoạt động giáo dục (HĐGD) lớp 6 như sau:

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
1	Toán	4	140
2	Ngữ văn	4	140
3	Khoa học tự nhiên (Vật lí, Hóa học, Sinh học)	3	105
4	Khoa học xã hội (Lịch sử, Địa lí)	2	70
5	Giáo dục công dân	1	35

TT	Môn học/HĐGD	Số tiết trung bình/tuần	Tổng số tiết/năm
6	Công nghệ	2	70
7	Tin học	2	70
8	Ngoại ngữ	3	105
9	Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)	4	140
10	Giáo dục tập thể	2	70
11	Tự chọn (Ngoại ngữ 2; Kỹ năng sống; Nghề phổ thông; Hoạt động tập thể, giáo dục địa phương)	2	70

Tài liệu Hướng dẫn học các môn học/HĐGD được biên soạn với thời lượng 35 tuần (bao gồm cả ôn tập, kiểm tra). Các trường có thể sử dụng 2 tuần còn lại để giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục học kỳ 1 và cả năm học; tổ chức một số hoạt động đầu năm học gồm: Tổ chức tuần sinh hoạt đầu năm học; Hướng dẫn tham gia một số hoạt động trong và ngoài nhà trường;... và dự phòng.

II. YÊU CẦU CHUNG VỀ KẾ HOẠCH BÀI HỌC

Để đảm bảo các nguyên tắc tổ chức hoạt động học trong mô hình trường học mới, mỗi bài học thường được xây dựng dựa trên một chủ đề dạy học, nhằm giải quyết một vấn đề/nhiệm vụ học tập tương đối hoàn chỉnh, từ việc hình thành kiến thức, kỹ năng mới đến vận dụng chúng vào giải quyết những vấn đề gắn với thực tiễn. Kế hoạch tổ chức hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học cần đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Chuỗi hoạt động học của học sinh thể hiện rõ tiến trình sự phạm của phương pháp dạy học tích cực được áp dụng trong toàn bộ bài học. Nhìn chung, tiến trình hoạt động học của học sinh theo các phương pháp dạy học tích cực đều phù hợp với tiến trình nhận thức chung: huy động những kiến thức, kỹ năng của mình để giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập; nhận thức được sự chưa đầy đủ về kiến thức, kỹ năng của mình; xuất hiện nhu cầu và học tập để bổ sung, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng mới; vận dụng kiến thức, kỹ năng mới để tiếp tục giải quyết tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập ban đầu và các tình huống/câu hỏi/vấn đề/nhiệm vụ học tập mới...

Ví dụ: Trong dạy học ở trường THCS, để xây dựng một kiến thức cụ thể cho học sinh, tiến trình hoạt động giải quyết vấn đề được mô tả như sau: đề xuất vấn đề - suy đoán giải pháp - khảo sát lí thuyết và/hoặc thực nghiệm - kiểm tra, vận dụng kết quả.

Theo đó, chuỗi hoạt động học của học sinh phù hợp với tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học giải quyết vấn đề sẽ bao gồm:

- a) Hoạt động khởi động: Từ nhiệm vụ cần giải quyết, học sinh huy động kiến thức, kỹ năng đã biết và nảy sinh nhu cầu về kiến thức, kỹ năng còn chưa biết, nhưng hi vọng có thể tìm tòi, xây dựng được; diễn đạt nhu cầu đó thành câu hỏi.
- b) Hoạt động hình thành kiến thức và Hoạt động luyện tập: Để giải quyết vấn đề đặt ra, học sinh cần phải học lí thuyết hoặc/và thiết kế phương án thực nghiệm, tiến hành thực nghiệm, thu lượm các dữ liệu cần thiết và xem xét, rút ra kết luận. Kiến thức, kỹ năng mới được hình thành giúp cho việc giải quyết được câu hỏi/vấn đề đặt ra.
- c) Hoạt động vận dụng: Trên cơ sở kiến thức, kỹ năng mới được hình thành, học sinh vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong học tập và cuộc sống hàng ngày.
- d) Hoạt động tìm tòi, mở rộng: Học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức thông qua các nguồn tư liệu, học liệu, khác nhau; tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

2. Mỗi hoạt động học tương ứng với một nhiệm vụ học tập giao cho học sinh, thể hiện rõ: mục đích, nội dung, phương thức hoạt động và sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Quá trình tổ chức mỗi hoạt động học của học sinh được thực hiện theo các bước như sau:

- a) Chuyển giao nhiệm vụ: Việc chuyển giao nhiệm vụ có thể được thực hiện thông qua nhiều hình thức khác nhau: lời nói trực tiếp của giáo viên; tài liệu, học liệu..., đảm bảo tất cả học sinh quan tâm đến nhiệm vụ đặt ra, sẵn sàng nhận và tự nguyện thực hiện nhiệm vụ học tập.
- b) Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh hoạt động độc lập, tự chủ, trao đổi, tìm tòi cách thức để vượt qua khó khăn giải quyết nhiệm vụ. Trong quá trình đó, khi cần phải có sự định hướng của giáo viên.
- c) Tranh luận, khái quát hóa, vận dụng tri thức mới: Dưới sự hướng dẫn của giáo viên, học sinh trình bày, tranh luận, bảo vệ sản phẩm học tập đã hoàn thành. Giáo viên bổ sung, chính xác hóa và khái quát hóa kiến thức cho học sinh.

3. Thiết bị dạy học và học liệu được sử dụng trong bài học phải đảm bảo sự phù hợp với từng hoạt động học đã thiết kế. Việc sử dụng các thiết bị dạy học và học liệu đó được thể hiện rõ trong phương thức hoạt động học và sản phẩm học tập tương ứng mà học sinh phải hoàn thành trong mỗi hoạt động học.

4. Phương án kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học phải đảm bảo sự đồng bộ với phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng. Cần tăng cường đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh thông qua quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập, thông qua các sản phẩm học tập mà học sinh đã hoàn thành; tăng cường hoạt động tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của học sinh.

C. CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN HỌC VÀ PHƯƠNG THỨC DẠY HỌC

1. Các loại tài liệu trong mô hình trường học mới

1.1. Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6

Các môn học lớp 6 theo mô hình trường học mới được thiết kế từ các môn học hiện hành trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành với việc tích hợp một số môn học theo định hướng mới: các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học tích hợp thành môn Khoa học tự nhiên; các môn Lịch sử, Địa lý tích hợp thành môn Khoa học xã hội; các môn Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật tích hợp thành Hoạt động giáo dục. Ngoài các môn ngoại ngữ được thực hiện theo Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008 – 2020", tài liệu Hướng dẫn học các môn học theo mô hình trường học mới được thiết kế, biên soạn lại trên cơ sở đảm bảo mục tiêu và nội dung của chương trình giáo dục phổ thông hiện hành, bao gồm:

- Hướng dẫn học Toán lớp 6;
- Hướng dẫn học Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học tự nhiên lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Vật lý, Hóa học và Sinh học lớp 6;
- Hướng dẫn học Khoa học xã hội lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Địa lý và Lịch sử lớp 6;
- Hướng dẫn học Công nghệ lớp 6;

- Hướng dẫn học Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn học Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn hoạt động giáo dục lớp 6: Được tổ chức lại trên cơ sở tích hợp nội dung dạy học các môn Âm Nhạc, Mỹ thuật, Thể dục lớp 6.

Như vậy, so với quy định hiện hành, số lượng các môn học trong mô hình trường học mới giảm đi nhưng vẫn đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của từng môn học trong chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS hiện hành, đồng thời khắc phục được sự trùng lặp về nội dung trong nội bộ môn học cũng như trùng lặp giữa các môn học như hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức hoạt động học theo các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát triển năng lực và phẩm chất học sinh.

1.2. Tài liệu hướng dẫn giáo viên

Tài liệu hướng dẫn giáo viên được biên soạn nhằm giúp giáo viên hiểu rõ hơn về việc tích hợp các nội dung dạy học để xây dựng các chủ đề, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng để tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi chủ đề theo tài liệu Hướng dẫn học. Tài liệu hướng dẫn giáo viên gồm có:

- Hướng dẫn giáo viên Toán lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Ngữ văn lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học tự nhiên lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Khoa học xã hội lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Công nghệ 6;
- Hướng dẫn giáo viên Tin học lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên Giáo dục công dân lớp 6;
- Hướng dẫn giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục lớp 6;
- Hướng dẫn phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

2. Cấu trúc tài liệu Hướng dẫn học và phương thức dạy học

2.1. Nguyên tắc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học

Theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, quá trình dạy học theo mô hình trường học mới, học sinh được phát huy tối đa vai trò dân chủ trong học

tập và thi đua lành mạnh. Theo đó, việc xây dựng tài liệu Hướng dẫn học được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- Về nội dung, tài liệu Hướng dẫn học các môn học được biên soạn theo các chủ đề tích hợp để có thể tổ chức hoạt động học tích cực và tự lực của học sinh. Hoạt động học mỗi chủ đề có thể và cần phải được thực hiện một cách linh hoạt ở trong lớp, ngoài lớp, trong trường, ở nhà và cộng đồng. Số tiết phân phối cho mỗi chủ đề là số tiết dành để tổ chức các hoạt động trên lớp, cùng với các hoạt động học ở ngoài lớp học tạo thành chuỗi hoạt động học theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng.

Đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội và Hoạt động giáo dục, ngoài các chủ đề tích hợp trong các phân môn, có một số chủ đề tích hợp liên môn được xây dựng từ các nội dung dạy học trùng nhau hoặc có liên quan chặt chẽ với nhau trong các phân môn.

- Về phương pháp dạy học, tài liệu Hướng dẫn học được biên soạn theo các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực, thể hiện ở các hoạt động học tích cực, tự lực và sáng tạo của học sinh. Trong mỗi chủ đề, các hoạt động học được thiết kế theo tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học được sử dụng, phù hợp với đặc thù môn học và nội dung học tập. Tuy có những điểm khác nhau nhưng nhìn chung chuỗi hoạt động học của mỗi chủ đề đều phải tuân theo con đường nhận thức chung là: từ một vấn đề mới đòi hỏi phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới để giải quyết; có thêm kiến thức, kỹ năng mới cần tiếp tục tìm tòi, mở rộng và vận dụng vào thực tiễn; khi vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn lại nảy sinh vấn đề mới... Theo tiến trình đó, mỗi hoạt động học, học sinh được giao một nhiệm vụ học tập cụ thể để có thể tự học một cách tích cực, tự lực và sáng tạo, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm nhỏ và toàn lớp.

- Về đánh giá, mỗi hoạt động học của học sinh được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học đều phải thể hiện rõ sản phẩm học tập mà học sinh phải hoàn thành. Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, giáo viên quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải để có biện pháp hỗ trợ phù hợp; hướng dẫn học sinh hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập; nhận xét, đánh giá quá trình và sản phẩm học tập của học sinh, qua đó đánh giá về sự hình thành và phát triển năng lực của học sinh.

2.2. Mô hình cấu trúc bài học

Trong mỗi bài học của tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD luôn đảm bảo 5 hoạt động cơ bản sau:

a) Hoạt động khởi động

Mục đích của hoạt động này là tạo tâm thế học tập cho học sinh, giúp học sinh ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. Giáo viên sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân học sinh có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong tài liệu hướng dẫn học; làm bộc lộ "cái" học sinh đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân học sinh còn thiếu, giúp học sinh nhận ra "cái" chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này. Từ đó, giúp học sinh suy nghĩ và xuất hiện những quan niệm ban đầu của mình về vấn đề sắp tìm hiểu, học tập.

Lưu ý: Nhiệm vụ học tập được giao cho học sinh trong hoạt động "Khởi động" cần đảm bảo rằng học sinh không thể giải quyết trọn vẹn với kiến thức, kỹ năng cũ mà cần phải học thêm kiến thức, kỹ năng mới trong các hoạt động "Hình thành kiến thức" và "Luyện tập" để hoàn thiện. Có thể hình dung 3 hoạt động này đã đáp ứng đầy đủ mục tiêu dạy học theo chương trình, sách giáo khoa hiện hành, cần đảm bảo cho tất cả học sinh đều thực hiện được.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh lĩnh hội được kiến thức, kỹ năng mới và đưa các kiến thức, kỹ năng mới vào hệ thống kiến thức, kỹ năng đã có của bản thân. Giáo viên sẽ giúp học sinh xây dựng kiến thức, kỹ năng mới của bản thân trên cơ sở đối chiếu kiến thức, kinh nghiệm sẵn có với những hiểu biết mới; kết nối/sắp xếp kiến thức, kỹ năng cũ và mới dựa trên việc phát biểu, viết ra các kết luận/khái niệm/công thức mới...

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kỹ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh thực hiện các nhiệm vụ, làm các bài tập cụ thể giống như các nhiệm vụ, bài tập trong bước hình thành kiến thức, để diễn đạt được đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, từ đó áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống/vấn đề mới, không giống với những tình huống/vấn đề đã được hướng dẫn hay đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống/vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống. Giáo viên sẽ hướng dẫn học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống/vấn đề tương

tự tình huống/vấn đề đã học. Đây có thể là những hoạt động mang tính nghiên cứu, sáng tạo, vì thế cần hướng dẫn học sinh tranh thủ sự hướng dẫn của gia đình, địa phương để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Trước một vấn đề, học sinh có thể có nhiều cách giải quyết khác nhau.

đ) Hoạt động tìm tòi mở rộng

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh không bao giờ bằng lòng, thỏa mãn với những gì đã học và hiểu rằng ngoài những kiến thức được học trong nhà trường còn rất nhiều điều có thể và cần phải tiếp tục học tập, học tập suốt đời. Giáo viên cần khuyến khích học sinh tiếp tục tìm tòi và mở rộng kiến thức ngoài lớp học. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.

Lưu ý: Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" là các hoạt động giao cho học sinh thực hiện ở ngoài lớp học, giáo viên không tổ chức dạy học hoàn toàn trên lớp. Vì vậy nội dung các hoạt động này trong tài liệu Hướng dẫn học chỉ là những yêu cầu, định hướng và gợi ý về phương pháp thực hiện, mô tả sản phẩm học tập phải hoàn thành,... để học sinh tự phát hiện, lựa chọn tình huống thực tiễn nhằm vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học được trong bài học; tìm tòi mở rộng thêm theo sở thích, sở trường, hứng thú của mình. Các hoạt động này hết sức cần thiết và quan trọng, giúp cho việc phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh, cần phải tổ chức thực hiện đầy đủ và hiệu quả. Tuy nhiên, giáo viên cần hiểu rõ rằng không được/không nên yêu cầu tất cả học sinh phải thực hiện giống nhau đối với các hoạt động này; sản phẩm học tập của mỗi học sinh/nhóm học sinh trong các hoạt động này có thể không giống nhau.

Hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" có bản chất là hoạt động trải nghiệm của học sinh, có thể được thực hiện trong phòng thí nghiệm ở trường, tại viện bảo tàng, các địa danh lịch sử văn hóa hoặc tìm hiểu và giải quyết các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày, ở nhà và cộng đồng. Trong mỗi bài học, tùy vào nội dung kiến thức, cần gợi ý cho học sinh quan sát, phát hiện những hiện tượng, sự kiện, tình huống, vấn đề có liên quan trong hoạt động sống hàng ngày để vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết. Những hoạt động đó bắt đầu từ các nhiệm vụ học tập như:

- Thực hiện thí nghiệm trong phòng thí nghiệm của nhà trường để chứng minh cho kiến thức đã học;

- Tìm kiếm tư liệu và minh chứng để chứng minh cho một kiến thức đã học hoặc làm rõ về một sự kiện, một di tích hay một di sản...

- Xác định một vấn đề để báo cáo sau một chuyến tham quan thực tế, đọc một bài văn hay xem một bộ phim khoa học;

- Sáng tác một điệu nhảy, một bài hát, một điệu nhạc; viết và thể hiện một bài thuyết trình; sáng tác và thể hiện một tiểu phẩm;...

- Vận dụng kiến thức đã học để giải thích các tình huống thực tiễn.

2.3. Tổ chức dạy học theo dự án

2.3.1. Quan niệm dạy học dự án

Dạy học theo dự án là một hình thức dạy học, trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, có tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu, báo cáo. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học tập, từ việc xác định mục đích, lập kế hoạch, đến việc thực hiện dự án, kiểm tra, điều chỉnh, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện. Làm việc nhóm là hình thức cơ bản của dạy học theo dự án.

2.3.2. Đặc điểm của dạy học dự án

Trong các tài liệu về dạy học dự án có rất nhiều đặc điểm được đưa ra. Các nhà sư phạm khi xác lập cơ sở lý thuyết cho dạy học dự án này đã nêu ra 3 đặc điểm cốt lõi của dạy học dự án: định hướng học sinh, định hướng thực tiễn và định hướng sản phẩm. Có thể cụ thể hoá các đặc điểm của dạy học dự án như sau:

a) Định hướng thực tiễn: Chủ đề của dự án xuất phát từ những tình huống của thực tiễn xã hội và đời sống. Nhiệm vụ dự án cần chứa đựng những vấn đề phù hợp với trình độ và khả năng của học sinh.

b) Có ý nghĩa thực tiễn xã hội: Các dự án học tập góp phần gắn việc học tập trong nhà trường với thực tiễn đời sống, xã hội. Trong những trường hợp lý tưởng, việc thực hiện các dự án có thể mang lại những tác động xã hội tích cực.

c) Định hướng hứng thú học sinh: Học sinh được tham gia chọn đề tài, nội dung học tập phù hợp với khả năng và hứng thú cá nhân. Ngoài ra, hứng thú của học sinh cần được tiếp tục phát triển trong quá trình thực hiện dự án.

d) Tính phức hợp: Nội dung dự án có sự kết hợp tri thức của nhiều lĩnh vực hoặc môn học khác nhau nhằm giải quyết một vấn đề mang tính phức hợp.

đ) Định hướng hành động: Trong quá trình thực hiện dự án có sự kết hợp giữa nghiên cứu lý thuyết và vận dụng lý thuyết vào trong hoạt động thực tiễn, thực hành.

Thông qua đó, kiểm tra, củng cố, mở rộng hiểu biết lý thuyết cũng như rèn luyện kỹ năng hành động, kinh nghiệm thực tiễn của học sinh.

e) Tính tự lực cao của học sinh: Trong dạy học dự án, học sinh cần tham gia tích cực và tự lực vào các giai đoạn của quá trình dạy học. Điều đó cũng đòi hỏi và khuyến khích tính trách nhiệm, sự sáng tạo của học sinh. Giáo viên chủ yếu đóng vai trò tư vấn, hướng dẫn, giúp đỡ. Tuy nhiên mức độ tự lực cần phù hợp với kinh nghiệm, khả năng của học sinh và mức độ khó khăn của nhiệm vụ.

g) Cộng tác làm việc: Các dự án học tập thường được thực hiện theo nhóm, trong đó có sự cộng tác làm việc và sự phân công công việc giữa các thành viên trong nhóm. Dạy học dự án đòi hỏi và rèn luyện tính sẵn sàng và kỹ năng cộng tác làm việc giữa các thành viên tham gia, giữa học sinh và giáo viên cũng như với các lực lượng xã hội khác tham gia trong dự án. Đặc điểm này còn được gọi là học tập mang tính xã hội.

h) Định hướng sản phẩm: Trong quá trình thực hiện dự án, các sản phẩm được tạo ra. Sản phẩm của dự án không giới hạn trong những thu hoạch lý thuyết, mà trong đa số trường hợp các dự án học tập tạo ra những sản phẩm vật chất của hoạt động thực tiễn, thực hành. Những sản phẩm này có thể sử dụng, công bố, giới thiệu.

2.3.3. Các dạng của dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án có thể được phân loại theo nhiều phương diện khác nhau. Sau đây là một số cách phân loại dạy học theo dự án:

a) Phân loại theo chuyên môn

- Dự án trong một môn học: trọng tâm nội dung nằm trong một môn học.
- Dự án liên môn: trọng tâm nội dung nằm ở nhiều môn khác nhau.
- Dự án ngoài môn học: Là các dự án không phụ thuộc trực tiếp vào các môn học, ví dụ dự án chuẩn bị cho các lễ hội trong trường.

b) Phân loại theo sự tham gia của học sinh: Dự án cho nhóm học sinh, dự án cá nhân. Dự án dành cho nhóm học sinh là hình thức dự án dạy học chủ yếu.

c) Phân loại theo sự tham gia của giáo viên: dự án dưới sự hướng dẫn của một giáo viên, dự án với sự cộng tác hướng dẫn của nhiều giáo viên.

d) Phân loại theo quỹ thời gian: Có thể phân chia như sau:

- Dự án nhỏ: thực hiện trong một số giờ học, có thể từ 2-6 giờ học.
- Dự án trung bình: dự án trong một hoặc một số ngày, nhưng giới hạn là một tuần hoặc 40 giờ học.

- Dự án lớn: dự án thực hiện với quỹ thời gian lớn, tối thiểu là một tuần (hay 40 giờ học), có thể kéo dài nhiều tuần.

đ) Phân loại theo nhiệm vụ

Dựa theo nhiệm vụ trọng tâm của dự án, có thể phân loại các dự án theo các dạng sau:

- Dự án tìm hiểu: là dự án khảo sát thực trạng đối tượng.
- Dự án nghiên cứu: nhằm giải quyết các vấn đề, giải thích các hiện tượng, quá trình.
- Dự án thực hành: có thể gọi là dự án kiến tạo sản phẩm, trọng tâm là việc tạo ra các sản phẩm vật chất hoặc thực hiện một kế hoạch hành động thực tiễn, nhằm thực hiện những nhiệm vụ như trang trí, trưng bày, biểu diễn, sáng tác.
- Dự án hỗn hợp: là các dự án có nội dung kết hợp các dạng nêu trên.

Các loại dự án trên không hoàn toàn tách biệt với nhau. Trong từng lĩnh vực chuyên môn có thể phân loại các dạng dự án theo đặc thù riêng.

2.3.4. Tiến trình thực hiện dạy học theo dự án

Dựa trên cấu trúc của tiến trình phương pháp, người ta có thể chia cấu trúc của dạy học theo dự án làm nhiều giai đoạn nhỏ hơn. Sau đây trình bày một cách phân chia các giai đoạn của dạy học theo dự án theo 5 giai đoạn.

a) Chọn đề tài và xác định mục đích của dự án: Giáo viên và học sinh cùng nhau đề xuất, xác định đề tài và mục đích của dự án. Cần tạo ra một tình huống xuất phát, chứa đựng một vấn đề, hoặc đặt một nhiệm vụ cần giải quyết, trong đó chú ý đến việc liên hệ với hoàn cảnh thực tiễn xã hội và đời sống. Cần chú ý đến hứng thú của học sinh cũng như ý nghĩa xã hội của đề tài. Giáo viên có thể giới thiệu một số hướng đề tài để học sinh lựa chọn và cụ thể hoá. Trong trường hợp thích hợp, sáng kiến về việc xác định đề tài có thể xuất phát từ phía học sinh. Giai đoạn này được mô tả thành hai giai đoạn là đề xuất sáng kiến và thảo luận sáng kiến.

b) Xây dựng kế hoạch thực hiện: Trong giai đoạn này học sinh với sự hướng dẫn của giáo viên xây dựng đề cương cũng như kế hoạch cho việc thực hiện dự án. Trong việc xây dựng kế hoạch cần xác định những công việc cần làm, thời gian dự kiến, vật liệu, kinh phí, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.

c) Thực hiện dự án: Các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Trong giai đoạn này học sinh thực hiện các hoạt động trí tuệ và hoạt động thực tiễn, thực hành, những hoạt động này xen kẽ và tác động qua lại lẫn nhau. Kiến thức lý thuyết, các phương án giải quyết vấn đề được thử nghiệm qua thực tiễn. Trong quá trình đó sản phẩm của dự án và thông tin mới được tạo ra.

d) Thu thập kết quả và công bố sản phẩm: Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo,... Trong nhiều dự án các sản phẩm vật chất được tạo ra qua hoạt động thực hành. Sản phẩm của dự án cũng có thể là những hành động phi vật chất, chẳng hạn việc biểu diễn một vở kịch, việc tổ chức một sinh hoạt nhằm tạo ra các tác động xã hội. Sản phẩm của dự án có thể được trình bày giữa các nhóm học sinh, có thể được giới thiệu trong nhà trường hay ngoài xã hội.

đ) Đánh giá dự án: Giáo viên và học sinh đánh giá quá trình thực hiện và kết quả cũng như kinh nghiệm đạt được. Từ đó rút ra những kinh nghiệm cho việc thực hiện các dự án tiếp theo. Kết quả của dự án cũng có thể được đánh giá từ bên ngoài. Hai giai đoạn cuối này cũng có thể được mô tả chung thành giai đoạn kết thúc dự án.

Việc phân chia các giai đoạn trên đây chỉ mang tính chất tương đối. Trong thực tế chúng có thể xen kẽ và thâm nhập lẫn nhau. Việc tự kiểm tra, điều chỉnh cần được thực hiện trong tất cả các giai đoạn của dự án. Với những dạng dự án khác nhau có thể xây dựng cấu trúc chi tiết riêng phù hợp với nhiệm vụ dự án. Giai đoạn 4 và 5 cũng thường được mô tả chung thành một giai đoạn (giai đoạn kết thúc dự án).

Như vậy, dạy học dự án là một hình thức dạy học quan trọng để thực hiện quan điểm dạy học định hướng vào người học, quan điểm dạy học định hướng hoạt động và quan điểm dạy học tích hợp. Dạy học dự án góp phần gắn lý thuyết với thực hành, tư duy và hành động, nhà trường và xã hội, tham gia tích cực vào việc phát triển năng lực làm việc tự lực, năng lực sáng tạo, năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp, tinh thần trách nhiệm và khả năng cộng tác làm việc của học sinh. Những đặc trưng và ưu điểm của dạy học dự án rất phù hợp với đặc trưng của mô hình trường học mới THCS.

Đề tận dụng những ưu điểm của dạy học dự án vào mô hình trường học mới THCS, đồng thời giúp học sinh làm quen dần với hoạt động nghiên cứu khoa học dành cho học sinh trung học, giáo viên bộ môn cần xây dựng một số dự án học tập (tối thiểu 2 dự án/phân môn/lớp), tập trung vào các chủ đề liên môn với nội dung giáo dục liên quan đến các vấn đề thời sự của địa phương, đất nước, ví dụ: Giáo dục đạo đức, pháp luật; Bảo vệ và sử dụng hiệu quả các nguồn nước; Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai; Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sống; Giới và bình đẳng giới; An toàn giao thông; Sử dụng năng lượng hiệu quả; Ứng dụng kiến thức, kỹ năng trong chương trình học vào thực tiễn; ... Trong tài liệu hướng dẫn giáo viên có gợi ý một số dự án dạy học để giáo viên tham khảo xây dựng các dự án dạy học của môn học/HĐGD. Tùy điều kiện thực tế, các bài học theo dự án này được bổ sung vào kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục của nhà trường.

2.4. Đánh giá trong quá trình tổ chức hoạt động dạy học

Trong quá trình tổ chức hoạt động học của học sinh, các sản phẩm học tập được nhận xét, đánh giá, chia sẻ dưới nhiều hình thức. Sau mỗi hoạt động học, học sinh cần phải hoàn thành một sản phẩm học tập, báo cáo với giáo viên để được nhận xét, đánh giá.

- Hình thức đánh giá trong quá trình hoạt động học trên lớp chủ yếu là nhận xét bằng lời, đồng thời gợi ý, hướng dẫn để học sinh tiếp tục hoàn thiện sản phẩm học tập và học tiếp. Khi giáo viên nhận xét bằng lời, cần lưu ý rèn luyện cho học sinh thói quen ghi chép lại những lời nhận xét đó vào vở để hoàn thiện sản phẩm học tập, đồng thời để sử dụng trong quá trình ôn tập về sau.

- Đối với một số học sinh đặc biệt (học sinh có quá trình hoạt động học và đạt được kết quả tốt hoặc học sinh còn yếu, kém) thì giáo viên có thể ghi trực tiếp những lời nhận xét, đánh giá và vở của học sinh, để vừa động viên, nhắc nhở học sinh, vừa phối hợp với gia đình trong việc động viên, giúp đỡ học sinh tiến bộ.

- Trong các hoạt động học, nhất là hoạt động "Luyện tập", sản phẩm học tập của học sinh có thể là kết quả thí nghiệm; câu trả lời cho các câu hỏi định tính; lời giải cho các bài tập định lượng; lời lập luận, giải thích cho các ứng dụng thực tiễn..., giáo viên có thể nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thành đồng thời gợi ý, định hướng để học sinh tiếp tục hoàn thiện. Trong giai đoạn đầu, khi học sinh chưa quen với việc chỉ được đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, giáo viên cũng có thể cho điểm kèm theo để học sinh biết được mức độ hoàn thành bài luyện tập của mình. Tuy nhiên, cần thông báo cho học sinh biết điểm này sẽ không sử dụng khi đánh giá kết quả học tập của học sinh trong môn học. Kết quả học tập môn học được ghi nhận theo hướng dẫn trong mục D.

- Ngoài việc được đánh giá, nhận xét, các sản phẩm học tập của học sinh, bao gồm sản phẩm hoạt động học trên lớp và nhất là các sản phẩm học tập ở nhà và cộng đồng (Hoạt động vận dụng và Hoạt động tìm tòi, mở rộng), các dự án học tập... cần được chia sẻ cho đông đảo học sinh trong lớp bằng nhiều hình thức như: tổ chức báo cáo và thảo luận trên lớp; đưa vào góc học tập, góc thư viện; giao nhiệm vụ cho học sinh trong lớp tìm đọc, lựa chọn và nhận xét các sản phẩm học tập của bạn...

Với việc tổ chức như trên, ngoài việc thực hiện được mục tiêu tăng cường hoạt động tự chủ, tự lực, sáng tạo của học sinh trong học tập trong lớp, trong trường, ngoài trường; tạo không khí thi đua học tập giữa các học sinh với nhau; đồng thời tạo được mối quan hệ chặt chẽ giữa giáo viên - học sinh, học sinh - học sinh, gia đình - nhà trường - xã hội như chúng ta hằng mong muốn.

II. TỔ CHỨC LỚP HỌC

1. Số lượng học sinh/lớp và số buổi học/tuần

1.1. Số lượng học sinh/lớp thực hiện theo quy định tại Điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT và Đào tạo ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, tối đa là 45 học sinh/lớp. Khuyến khích các trường tùy theo điều kiện thực tế giảm sĩ số học sinh/lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức dạy học theo mô hình trường học mới.

1.2. Chương trình dạy học theo mô hình trường học mới THCS được thiết kế cho đối tượng học sinh học 1 buổi/ngày. Khuyến khích các trường dạy hơn 6 buổi/tuần bằng các biện pháp tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo ngoài lớp học. Việc tổ chức dạy học hơn 6 buổi/tuần cho các lớp học mô hình trường học mới (nếu có) được vận dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo một cách phù hợp.

2. Bố trí giáo viên giảng dạy

Việc phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giáo viên bộ môn về cơ bản được thực hiện theo quy định hiện hành. Trong thời gian trước mắt, việc dạy học các chủ đề thuộc phân môn trong các môn học tích hợp (Vật lí, Hóa học, Sinh học trong môn Khoa học Tự nhiên; Lịch sử, Địa lý trong môn Khoa học Xã hội; Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục trong môn Hoạt động giáo dục) do giáo viên bộ môn hiện nay đảm nhận. Đối với các chủ đề tích hợp, các tổ/nhóm chuyên môn thảo luận, tham mưu để Hiệu trưởng lựa chọn phân công giáo viên thực hiện, nếu có chủ đề chung của các phân môn thì phân công giáo viên có điều kiện thuận lợi nhất giảng dạy. Thông qua việc triển khai thí điểm mô hình trường học mới và qua sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn, giáo viên được bồi dưỡng để tiến tới mỗi giáo viên có thể đảm nhận nhiều phân môn trong một môn học.

3. Về bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị

Các lớp học theo mô hình trường học mới cần được ưu tiên sử dụng các trang thiết bị thí nghiệm, học liệu, thư viện, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ... để tổ chức các hoạt động học tập. Căn cứ vào tiến trình dạy học của từng chủ đề cụ thể theo tài liệu Hướng dẫn học của môn học/HĐGD, giáo viên đăng kí sử dụng thiết bị dạy học, học liệu, các phòng thí nghiệm, phòng học bộ môn, phòng học ngoại ngữ..., đồng thời động

viên giáo viên, học sinh tự làm đồ dùng dạy học để tổ chức các hoạt động học tương ứng cho học sinh.

4. Tổ chức các hoạt động học của học sinh

4.1. Các hình thức hoạt động học của học sinh

a) Hoạt động cá nhân: Loại hoạt động này yêu cầu học sinh thực hiện các bài tập/nhiệm vụ một cách độc lập nhằm tăng cường khả năng làm việc độc lập của học sinh. Nó diễn ra khá phổ biến, đặc biệt là với các bài tập/nhiệm vụ có yêu cầu khám phá, sáng tạo hoặc rèn luyện đặc thù. Giáo viên cần đặc biệt coi trọng hoạt động cá nhân vì nếu thiếu nó, nhận thức của học sinh sẽ không đạt tới mức độ sâu sắc và chắc chắn cần thiết, cũng như các kỹ năng sẽ không được rèn luyện một cách tập trung.

b) Hoạt động cặp đôi và hoạt động nhóm: Loại hoạt động này nhằm giúp học sinh phát triển năng lực hợp tác, tăng cường sự chia sẻ và tính cộng đồng. Thông thường, hình thức hoạt động cặp đôi được sử dụng trong những trường hợp các bài tập/nhiệm vụ cần sự chia sẻ, hợp tác trong nhóm nhỏ gồm 2 em. Ví dụ: kể cho nhau nghe, nói với nhau một nội dung nào đó, đổi bài cho nhau để đánh giá chéo,...; còn hình thức hoạt động nhóm (từ 3 em trở lên) được sử dụng trong trường hợp tương tự, nhưng nghiêng về sự hợp tác, thảo luận với số lượng thành viên nhiều hơn.

c) Hoạt động chung cả lớp: Hình thức hoạt động này phù hợp với số đông học sinh, nhằm tăng cường tính cộng đồng, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự chia sẻ, tinh thần chung sống hài hoà. Hoạt động chung cả lớp thường được vận dụng trong các tình huống sau: nghe giáo viên hướng dẫn chung; nghe giáo viên nhắc nhở, tổng kết, rút kinh nghiệm; học sinh luyện tập trình bày miệng trước tập thể lớp... Khi tổ chức hoạt động chung cả lớp, giáo viên tránh biến giờ học thành giờ nghe thuyết giảng hoặc vấn đáp vì như vậy sẽ làm giảm hiệu quả và sai mục đích của hình thức hoạt động này.

d) Hoạt động với cộng đồng: Hoạt động với cộng đồng là hình thức hoạt động của học sinh trong mối tương tác với xã hội, bao gồm các hình thức, từ đơn giản như: nói chuyện với bạn bè, hỏi người thân trong gia đình,... đến những hình thức phức tạp hơn như: tham gia bảo vệ môi trường, tìm hiểu các di tích văn hoá, lịch sử ở địa phương, tham gia các dự án cộng đồng...

4.2. Tiến trình hoạt động nhóm

Ở các lớp học theo mô hình trường học mới, học sinh ngồi học theo nhóm. Tuy nhiên, không phải lúc nào học sinh cũng hoạt động theo nhóm. Học sinh vẫn phải làm

việc cá nhân, theo cặp trong nhóm. Các hình thức làm việc trong nhóm được thay đổi thường xuyên căn cứ vào yêu cầu của tài liệu Hướng dẫn học và của thiết kế hoạt động của giáo viên.

a) Làm việc cá nhân: Trước khi tham gia phối hợp với bạn học trong các nhóm nhỏ, cá nhân luôn có một khoảng thời gian với các hoạt động để tự lĩnh hội kiến thức, chuẩn bị cho các hoạt động đóng vai hay thảo luận trong nhóm. Phổ biến nhất có thể kể đến các hoạt động như đọc mục tiêu bài học, đọc văn bản, giải bài toán để tìm kết quả,...

Cá nhân làm việc độc lập nhưng vẫn có thể tranh thủ hỏi hay trả lời bạn trong nhóm, vẫn thực hiện các yêu cầu của của nhóm trưởng (nếu có) để phục vụ cho các hoạt động cá nhân.

Tần suất của các hoạt động cá nhân trong nhóm rất lớn và chiếm ưu thế hơn so với các hoạt động khác. Làm việc cá nhân giúp học sinh có thời gian tập trung tự nghiên cứu, tự khám phá kiến thức, tự chuẩn bị những gì cần thiết trước khi sử dụng nó để có những hoạt động khác cùng cả nhóm. Trong quá trình làm việc cá nhân, gặp những gì không hiểu, học sinh có thể hỏi bạn ngồi cạnh hoặc nêu ra trong nhóm để các thành viên khác cùng trao đổi và nếu nhóm không giải quyết được vấn đề thì nhóm trưởng có thể nhờ giáo viên hỗ trợ.

b) Làm việc theo cặp (2 học sinh): Tùy theo hoạt động học tập, có lúc học sinh sẽ làm việc theo cặp trong nhóm. Giáo viên lưu ý cách chia nhóm sao cho không học sinh nào bị lẻ khi hoạt động theo cặp. Nếu không, giáo viên phải cho đan chéo giữa các nhóm để đảm bảo tất cả học sinh đều được làm việc. Làm việc theo cặp rất phù hợp với các công việc như: kiểm tra dữ liệu, giải thích, chia sẻ thông tin; thực hành kỹ năng giao tiếp cơ bản (ví dụ như nghe, đặt câu hỏi, làm rõ một vấn đề), đóng vai.

Làm việc theo cặp sẽ giúp học sinh tự tin và tập trung tốt vào công việc nhóm. Quy mô nhỏ này cũng là nền tảng cho sự chia sẻ và hợp tác trong nhóm lớn hơn sau này.

c) Làm việc chung cả nhóm: Trong các giờ học của trường học mới luôn có các hoạt động cả nhóm cùng hợp tác. Ví dụ, sau khi học sinh tự đọc một câu chuyện, trưởng nhóm sẽ dẫn dắt các bạn trao đổi về một số vấn đề của câu chuyện đó; hoặc sau khi một cá nhân trong nhóm đã đưa ra kết quả của một bài toán, nhóm sẽ cùng trao đổi nhận xét, bổ sung về cách giải bài toán đó; hoặc là học sinh trong nhóm sẽ cùng thực hiện một dự án nhỏ với sự chuẩn bị và phân chia công việc rõ ràng;... Nhóm là hình thức học tập phát huy rất tốt khả năng sáng tạo nên hình thức này để phù hợp với các hoạt động cần thu thập ý kiến và phát huy sự sáng tạo. Điều quan trọng là phải giúp học sinh cần phải biết mình làm gì và làm như thế nào khi tham gia làm việc nhóm.

d) Làm việc cả lớp: Khi học sinh có nhiều ý kiến khác nhau xung quanh một vấn đề hoặc có những khó khăn mà nhiều học sinh không thể vượt qua, giáo viên có thể dừng công việc của các nhóm lại để tập trung cả lớp làm sáng tỏ các vấn đề còn băn khoăn hoặc bàn cãi. Lưu ý rằng những tình huống như vậy không xuất hiện thường xuyên trong lớp học.

Như vậy, việc lựa chọn hình thức làm việc nào: cá nhân, cặp đôi, nhóm hay cả lớp đều phụ thuộc vào yêu cầu của các loại hình hoạt động và luyện tập. Tài liệu Hướng dẫn học chỉ là một gợi ý cho việc tổ chức các hình thức hợp tác này, giáo viên cần lưu ý là không phải luôn tuân theo một cách máy móc thiết kế có sẵn của tài liệu. Tùy vào tình hình chung của cả lớp và thiết kế của cá nhân, giáo viên có sự thay đổi, ứng dụng linh động và phù hợp, đảm bảo tính hiệu quả cho bài học và sự hứng thú cho học sinh.

Cần tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian, bắt học sinh theo kịp tiến độ một cách khiên cưỡng, thông báo chung hoặc ghi các nội dung trên bảng trong khi hầu hết học sinh đã hiểu và làm được; chốt kiến thức trong từng phần nhỏ; cho học sinh giơ tay phát biểu quá nhiều gây mất thời gian; thay vì dạy cả lớp như hiện hành thì lại dạy cho nhiều nhóm nên việc giảng giải lặp đi lặp lại ở các nhóm khác nhau; sử dụng câu hỏi phát vấn nhiều và vụn vặt...

4.3. Vai trò của các thành viên trong hoạt động nhóm

Để tránh việc tổ chức hoạt động nhóm mang tính hình thức. Trong khi thảo luận nhóm, cần phân rõ vai trò của cá nhân, nhóm trưởng, giáo viên. Cụ thể là:

a) Cá nhân: tự đọc, suy nghĩ, giải quyết nhiệm vụ, có thể hỏi các bạn trong nhóm về những điều mình chưa hiểu; khi các bạn cũng gặp khó khăn như mình thì yêu cầu sự trợ giúp của giáo viên; thực hiện các yêu cầu của nhóm trưởng và yêu cầu của giáo viên.

b) Nhóm trưởng: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như những bạn khác; bao quát nhóm xem các bạn có khó khăn gì không; phân công các bạn giúp đỡ nhau; tổ chức cho cả nhóm thảo luận những vấn đề khó khăn; thay mặt nhóm để liên hệ với giáo viên và xin trợ giúp; báo cáo tiến trình học tập nhóm; điều hành chốt kiến thức trong nhóm. Nhóm trưởng tạo cơ hội để mọi thành viên tự giác trong tự học, tích cực tham gia các hoạt động nhóm. Đối với các bạn nhút nhát thiếu tự tin, cần được khuyến khích nói nhiều, trao đổi nhiều, thể hiện nhiều trong hoạt động nhóm. Không để tình trạng một số thành viên làm thay, làm hộ các thành viên khác trong nhóm. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm nhóm trưởng.

c) Thư kí của nhóm: thực hiện các nhiệm vụ của cá nhân như các bạn khác; là người ghi chép hoặc vẽ lại những nội dung trao đổi hoặc kết quả công việc của nhóm. Việc ghi chép này giúp nhóm tổng hợp công việc mình đã thực hiện, trao đổi với các nhóm khác hoặc chia sẻ trước cả lớp. Để việc tổng hợp ý kiến, công việc của nhóm được thú vị và hấp dẫn, giáo viên có thể cùng các em sáng tạo ra nhiều hình thức trình bày như tranh hoá hoặc sơ đồ hoá với các hình ảnh ngộ nghĩnh. Thư kí còn là người đánh dấu vào bảng tiến độ công việc để giúp nhóm trưởng báo cáo giáo viên. Giáo viên lưu ý phân công học sinh luân phiên nhau làm thư kí.

4.4. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động nhóm

- Chọn luân phiên các nhóm trưởng, thư kí nhóm để giúp giáo viên triển khai các hoạt động học tập.

- Xác định và phân công nhiệm vụ cho các nhóm một cách cụ thể và rõ ràng.

- Đứng ở vị trí thuận lợi để dễ dàng quan sát các nhóm học sinh làm việc và có thể hỗ trợ kịp thời cho các nhóm. Không nên dành thời gian làm việc ở một nhóm quá lâu, đứng một chỗ ở khu vực bàn giáo viên.

- Giúp đỡ học sinh, gợi mở để học sinh phát huy tìm tòi kiến thức mới, hỗ trợ cho cả lớp, hướng dẫn học sinh báo cáo sản phẩm. Khi cần tạo tình huống để học tập, giáo viên có thể gọi học sinh còn yếu; khi cần biểu dương khích lệ học tập, giáo viên có thể gọi học sinh khá giỏi thay mặt nhóm để báo cáo; giao thêm nhiệm vụ cho những học sinh hoàn thành trước nhiệm vụ (giao thêm bài tập hoặc yêu cầu hướng dẫn các bạn khác...).

- Vừa hướng dẫn học tập cho một nhóm, vừa kết hợp quan sát, đánh giá và thúc đẩy các nhóm khác làm việc. Việc chỉ định học sinh phát biểu, trình bày báo cáo ... phải được cân nhắc phù hợp với nội dung hoạt động, đối tượng học sinh, không tập trung vào một số học sinh trong lớp, trong nhóm.

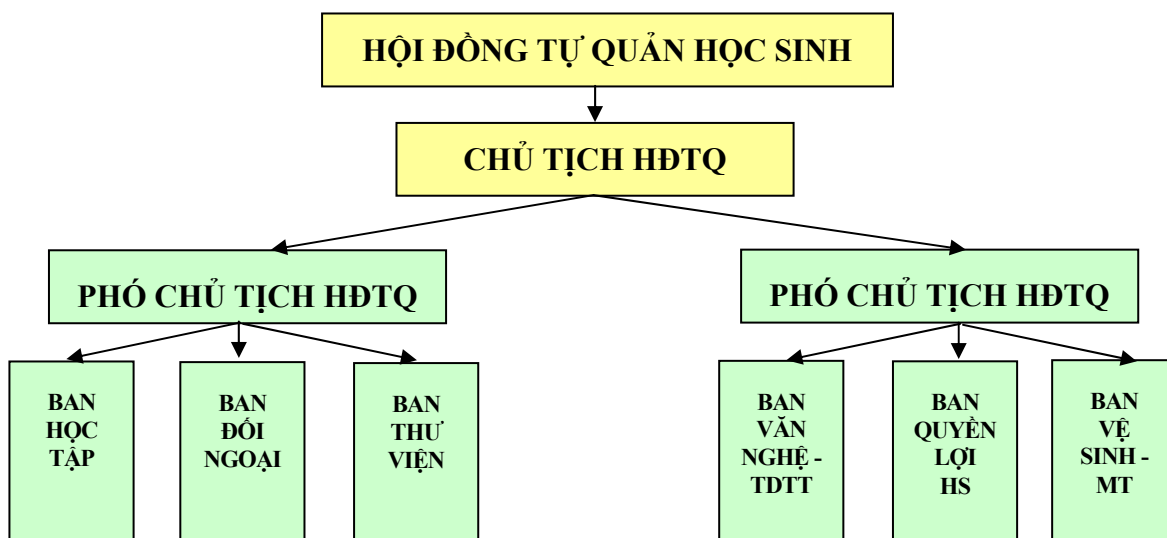
- Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. Học sinh hoặc nhóm học sinh đã hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

- Việc trợ giúp học sinh cần có độ sâu, giao nhiệm vụ cần cụ thể chi tiết, phân phối thời gian hợp lí, linh hoạt để trợ giúp cho học sinh. Cần huy động được sự trợ giúp của học sinh khá giỏi, các nhóm đã hoàn thành nhiệm vụ trong lớp để trợ giúp học sinh và các nhóm chậm hơn, yếu hơn.

5. Hội đồng tự quản học sinh

5.1. Giới thiệu về Hội đồng tự quản học sinh

Cơ cấu tổ chức của Hội đồng tự quản học sinh như sau:



Hội đồng tự quản học sinh là một tổ chức của học sinh, do học sinh thành lập ở từng lớp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh để tổ chức các hoạt động học tập, vui chơi của chính các em đồng thời quản lý, giám sát, điều chỉnh các hoạt động đó; bảo đảm cho các em tham gia một cách dân chủ và tích cực vào đời sống học đường; khuyến khích các em tham gia một cách toàn diện vào các hoạt động của nhà trường và phát triển lòng khoan dung, sự tôn trọng, bình đẳng, tinh thần hợp tác và đoàn kết cho học sinh.

Tổ chức Hội đồng tự quản học sinh là một biện pháp giáo dục nhằm thúc đẩy sự phát triển về đạo đức, tình cảm và xã hội của học sinh thông qua những kinh nghiệm hoạt động thực tế của học sinh trong nhà trường và mối quan hệ với những người xung quanh.

Tham gia Hội đồng tự quản học sinh, học sinh sẽ có những tiến bộ rõ rệt về khả năng tự ý thức, lòng tự trọng, tính tự tin, các hành vi cư xử tôn trọng và bình đẳng giữa học sinh nam và học sinh nữ; phát triển kỹ năng ra quyết định, kỹ năng hợp tác và kỹ năng lãnh đạo đồng thời cũng chuẩn bị cho các em ý thức trách nhiệm khi thực hiện những quyền và bổn phận của mình.

5.2. Quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh

a) Chuẩn bị thành lập Hội đồng tự quản học sinh

Quá trình tiến hành thành lập Hội đồng tự quản học sinh nhất thiết phải có sự tham gia của giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh với vai trò là người cố vấn khích lệ, hỗ

trợ, giám sát và cung cấp nguồn lực cho các em. Giáo viên chủ nhiệm cần thông báo trước cho cha mẹ học sinh về việc thành lập Hội đồng tự quản học sinh để bất kì mối lo ngại, băn khoăn nào cũng sẽ được nêu lên ngay từ đầu chứ không phải trong một vài tuần đầu khi Hội đồng tự quản học sinh đã đi vào hoạt động, bởi vì những tuần đầu tiên là thời điểm mà hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh dễ bị “trục trặc” nhất. Giáo viên chủ nhiệm cũng phải chuẩn bị để thích ứng dần với vai trò hỗ trợ, định hướng của mình, khi học sinh được tin tưởng trao quyền chủ động hơn.

Học sinh nên được tạo cơ hội thảo luận cùng nhau về các vấn đề thế nào là Hội đồng tự quản học sinh? Mục đích thành lập Hội đồng tự quản học sinh là gì? Vì sao học sinh nên tham gia Hội đồng tự quản học sinh? Những lợi ích có thể có của Hội đồng tự quản học sinh tới cuộc sống của chính các em trong nhà trường? Những vai trò, trách nhiệm mà các em sẽ gánh vác?

Giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh trao đổi về kế hoạch hoạt động (nội dung, cách thức hoạt động) của Hội đồng tự quản học sinh; các ban chuyên trách có thể thành lập và nhiệm vụ của các ban; tiêu chuẩn học sinh được tham gia vào các ban; kế hoạch bầu cử,...

b) Tiến hành sinh hoạt tập thể để tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh

b1. Hoạt động chuẩn bị cho việc bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi đã hoàn thành bước chuẩn bị về tư tưởng cho học sinh, giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thảo luận về cơ cấu của Hội đồng tự quản học sinh. Thông thường là 1 chủ tịch, 2 phó chủ tịch. Tuy nhiên, số lượng phó chủ tịch có thể khác nhau tùy vào đặc điểm của từng lớp. Với sự định hướng của giáo viên chủ nhiệm, học sinh trao đổi về những phẩm chất, năng lực cần có của các bạn trong Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý sử dụng những ngôn từ đơn giản, dễ hiểu cho học sinh.

Sau đó, học sinh lập danh sách ứng cử (những học sinh tự nguyện đăng kí) và danh sách đề cử (những bạn được các bạn khác tín nhiệm giới thiệu).

Học sinh tiến hành bầu ban kiểm phiếu gồm trưởng ban và một số các thành viên tùy vào số lượng học sinh của lớp. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý hướng dẫn kĩ cách làm việc của ban kiểm phiếu: chuẩn bị phiếu bầu (có thể phải có dấu hiệu gì đó để đảm bảo là phiếu của ban kiểm phiếu phát ra như chữ kí của trưởng ban kiểm phiếu hay của giáo viên chủ nhiệm), cách ghi phiếu bầu, kiểm phiếu bầu, công bố kết quả kiểm phiếu.

Các ứng viên sẽ có thời gian để chuẩn bị phần tranh cử của mình. Đây là một hoạt động quan trọng nhằm tạo điều kiện cho học sinh được cảm thấy sự dân chủ, công

bằng, bình đẳng và được học cách thuyết trình trước đám đông. Học sinh có thể nhờ tới sự tư vấn, hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh và các bạn học trong việc chuẩn bị tranh cử. Bài tranh cử của học sinh cần có những nội dung như: Giới thiệu về bản thân, những mong muốn của em về lớp học, những việc em sẽ làm nếu em trở thành Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh,... Những lời hứa này phải khả thi.

Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, một học sinh sẽ được hướng dẫn trước để điều khiển quá trình bầu cử.

b2. Tổ chức bầu cử Hội đồng tự quản học sinh

Việc tổ chức bầu Hội đồng tự quản học sinh cần được tiến hành đúng quy trình, dân chủ, tự nguyện và hấp dẫn như một ngày hội.

- Bầu Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh:

Học sinh điều khiển quá trình bầu cử thông qua nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh và tiêu chuẩn nhân sự.

Các ứng viên sẽ lần lượt tranh cử bằng các bài thuyết trình đã được chuẩn bị trước. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý không để học sinh cầm giấy đọc mà để các em chủ động thể hiện khả năng thuyết trình của mình.

Sau khi các ứng viên đã thuyết trình xong, ban kiểm phiếu làm việc (phát phiếu bầu, thu phiếu, kiểm phiếu). Các học sinh có số phiếu cao nhất từ trên xuống sẽ trúng cử vào vị trí Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh. Chủ tịch, các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh ra mắt cả lớp.

- Thành lập các ban chuyên trách:

Chủ tịch và các Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh giới thiệu với cả lớp về mục đích thành lập các ban chuyên trách như: Ban học tập; Ban thư viện; Ban văn nghệ, thể thao; Ban đối ngoại; Ban vệ sinh; Ban hoà giải,... và nhiệm vụ của mỗi ban.

Sau khi cả lớp đã thống nhất và quyết định thành lập một số ban nào đó trong lớp, Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch cho các bạn trong lớp tự nguyện đăng kí tham gia các ban. Nên khuyến khích mỗi học sinh trong lớp đều tham gia ít nhất một ban. Với những học sinh không đăng kí tham gia một ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể dành thời gian để tìm hiểu sở thích, nguyện vọng của các em đó để tư vấn đúng hướng hoặc nhờ tới sự trợ giúp của cha mẹ học sinh và các bạn trong lớp. Trong trường hợp vẫn còn một số học sinh do nhút nhát không tự đăng kí vào bất cứ ban nào, giáo viên chủ nhiệm có thể thành lập riêng một ban dành cho các em và gọi là Ban hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm.

Giáo viên chủ nhiệm cần trực tiếp hỗ trợ, động viên và tổ chức cho học sinh, cho cha mẹ học sinh giúp đỡ từng em trong Ban, tạo điều kiện cho từng em làm giúp thầy cô một số công việc trên lớp để các em mạnh dạn dần, đến khi các em chủ động đăng kí vào một ban nào đó.

Sau khi học sinh đã đăng kí xong vào các ban, Chủ tịch và Phó chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh cùng giáo viên chủ nhiệm thống nhất danh sách các ban, có thể vận động một số học sinh chuyển sang ban khác nếu cần thiết để có sự điều chỉnh hợp lí đối với từng ban. Tiếp theo, các ban sẽ tổ chức bầu Trưởng ban. Dưới sự điều khiển của Trưởng ban, các thành viên cùng lập kế hoạch hành động và phân công nhiệm vụ cụ thể theo nguyên tắc tất cả các thành viên trong ban cùng tham gia hoạt động. Để giúp các ban hoạt động hiệu quả, mỗi ban nên có sự hỗ trợ, tư vấn của cha mẹ học sinh và giáo viên chủ nhiệm. Lưu ý là ở mỗi ban, các học sinh trong ban có nhiệm vụ đề xuất hoạt động và theo dõi việc thực hiện hoạt động đề ra. Các hoạt động này không phải chỉ do các bạn trong ban thực hiện mà cần có sự tham gia của học sinh cả lớp. Do vậy, quá trình thực hiện các hoạt động cũng giúp bản thân học sinh tự hiểu được mình phù hợp với ban nào và giúp giáo viên chủ nhiệm tư vấn đúng cho học sinh trong việc chuyển đổi ban. Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh phân công các Phó chủ tịch nhận trách nhiệm phụ trách các ban trong lớp theo khả năng và nguyện vọng của các Phó chủ tịch.

Một số lưu ý:

- Hội đồng tự quản học sinh có thể thay đổi để đảm bảo tất cả học sinh trong lớp đều có cơ hội được tham gia và trải nghiệm. Thời gian thay một hay toàn bộ các thành viên nòng cốt tùy thuộc vào tình hình mỗi lớp học. Giáo viên chủ nhiệm cần nói rõ điều này ngay từ đầu để tránh cho học sinh khỏi những cảm xúc tiêu cực khi không được tham gia các vai trò quan trọng nữa.

- Nhìn chung, quá trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh nên cố gắng bám sát thực tiễn bầu cử của đất nước và địa phương để giúp học sinh hiểu được quá trình bầu cử tự do, công bằng và dân chủ. Trong quá trình thành lập, giáo viên chủ nhiệm nên khuyến khích học sinh có những biện pháp, ý tưởng mới của chính các em. Học sinh và giáo viên chủ nhiệm cùng tổ chức quá trình bầu cử. Cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng có thể được mời tham gia với tư cách quan sát viên.

5.3. Tăng cường năng lực cho Hội đồng tự quản học sinh

Sau khi Hội đồng tự quản học sinh của lớp được thành lập, giáo viên chủ nhiệm cần bồi dưỡng những kĩ năng hoạt động cần thiết cho Hội đồng tự quản học sinh, các kĩ năng cần có của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban.

Để Hội đồng tự quản học sinh hoạt động có hiệu quả, giáo viên chủ nhiệm nên vận dụng kinh nghiệm của bản thân, của đồng nghiệp để hướng dẫn tổ chức hoạt động cho Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm có thể thực hiện những công việc sau:

- Hợp với Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Trưởng ban để giúp các em lập kế hoạch hoạt động cho từng ban một các thực tế và khả thi.

- Thường xuyên rút kinh nghiệm về nội dung hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh với sự tham gia của học sinh và cha mẹ học sinh trong lớp.

- Thường xuyên giám sát, hỗ trợ Hội đồng tự quản học sinh, đồng thời động viên, khuyến khích nhiều học sinh mạnh dạn tham gia ứng cử vào Hội đồng tự quản học sinh. Giáo viên chủ nhiệm nên chủ động thực hiện các hoạt động mẫu để hướng dẫn các em làm quen và dễ dàng thực hiện; cần kiên trì hướng dẫn, trân trọng từng hoạt động của học sinh.

- Luôn làm mới Hội đồng tự quản học sinh về nội dung và cơ cấu tổ chức nhân sự, mỗi năm học cần kiện toàn tổ chức Hội đồng tự quản học sinh ít nhất 2 lần.

- Theo dõi, đánh giá học sinh và ghi nhật kí đánh giá. Thực hiện đánh giá và khen thưởng kịp thời cuối học kì, cuối năm học và khen thưởng đột xuất với những cá nhân có đóng góp tích cực, hiệu quả tốt cho Hội đồng tự quản học sinh.

5.4. Một số hoạt động do Hội đồng tự quản học sinh tổ chức

Để Hội đồng tự quản học sinh biết cách chủ động thực hiện các nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục và các sinh hoạt vui chơi khác, bên cạnh các công cụ hỗ trợ trong lớp học, giáo viên cần giới thiệu cho học sinh một số hoạt động và hướng dẫn cách thức tổ chức các hoạt động đó để các em có thể thực hiện tốt vai trò “tự quản” của mình. Căn cứ vào nội dung học tập, vui chơi và tình hình lớp học, Hội đồng tự quản học sinh dưới sự hỗ trợ của giáo viên sẽ lựa chọn các hoạt động phù hợp và tổ chức một cách có hiệu quả các hoạt động học tập, hoạt động hỗ trợ quá trình học tập, hoạt động vui chơi... tránh hình thức và lặp đi lặp lại quá nhiều.

Một số hoạt động của Hội đồng tự quản học sinh đã được thử nghiệm và khẳng định là hữu ích cho công tác quản lí ở lớp học, trường học bao gồm:

a) Tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động quản lí lớp học

- *Mục đích:* Hỗ trợ giáo viên chủ nhiệm về quản lí lớp học; quản lí các hoạt động vui chơi; tổ chức các hoạt động nhóm; tự tổ chức các hoạt động giáo dục; truyền đạt ý kiến phản ánh của học sinh trong lớp. Những hoạt động trên giúp học sinh phát triển sự tự giác,

chủ động khi tham gia các hoạt động của lớp; tạo cơ hội cho học sinh cảm nhận được mình là một phần của tập thể và có trách nhiệm để tập thể đó hoạt động và phát triển tốt; phát huy sự sáng tạo và để các học sinh có điều kiện được hỗ trợ lẫn nhau.

- *Cách tiến hành:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với học sinh trong lớp về việc các em sẽ tham gia tổ chức và quản lý các hoạt động của lớp. Chủ tịch, Phó chủ tịch với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm và các Trưởng ban xây dựng dự thảo Kế hoạch hoạt động và trao đổi về các hoạt động dự kiến sẽ thực hiện với cả lớp. Khi Kế hoạch hoạt động đã được cả lớp nhất trí thông qua, Chủ tịch Hội đồng tự quản học sinh sẽ họp với Phó chủ tịch và các Trưởng ban để phân công nhiệm vụ cho từng ban theo dõi, quản lý, sử dụng các công cụ hỗ trợ đã được xây dựng và đang có trong lớp. Ví dụ:

- + Ban Kỉ luật chịu trách nhiệm về bảng theo dõi sĩ số và việc thực hiện nội quy của lớp. Trưởng ban cần tổng hợp tình hình và báo cáo hằng tuần trước lớp.
- + Ban Học tập chịu trách nhiệm định kì hằng tuần hoặc hằng tháng chia sẻ thông tin trước cả lớp về các lĩnh vực mà các bạn học sinh trong lớp đạt thành công hay tiến bộ, những vướng mắc cần sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm hoặc cha mẹ học sinh. Trưởng ban sẽ thay mặt cả lớp trình bày về điều này trong cuộc họp cha mẹ học sinh.
- + Ban Đối ngoại phụ trách việc bảo quản và thống kê cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi đi thăm một nơi nào đó. Ban đối ngoại có thể viết một bản tin định kì để công bố những thông báo hay kết luận quan trọng về các hoạt động được liệt kê trong Sổ ghi chép khách tham quan. Những thông tin này vừa được lưu giữ làm kỉ niệm, vừa là cơ sở cho nhà trường và giáo viên chủ nhiệm có những cân nhắc điều chỉnh cũng như là cơ hội cho học sinh lưu ý vào những điều hay khi mình đến thăm một nơi nào đó. Đây còn là cơ sở để phục vụ cho các dự án nghiên cứu của học sinh sau này để huy động cộng đồng tham gia.

Thời gian đầu, giáo viên chủ nhiệm nên hướng dẫn chi tiết và theo dõi cụ thể, thường xuyên các ban hoạt động. Dần dần, giáo viên chủ nhiệm giảm bớt sự kiểm soát và để các nhóm chủ động hoạt động. Thành viên của các ban có thể luân phiên thay đổi để đảm bảo tất cả các học sinh đều được tham gia vào các hoạt động quản lý lớp học.

b) Tổ chức xây dựng, quản lý sử dụng và phát triển góc học tập, góc thư viện, góc cộng đồng, bản đồ cộng đồng (được thể hiện chi tiết trong ở mục 6).

c) Công nhận những đức tính tốt

- *Mục đích:* Đây có thể coi là một cách “giáo dục đạo đức” một cách tự nhiên và thú vị. Hoạt động này tạo điều kiện cho học sinh tìm kiếm và nhìn vào những đức tính tốt, những điều hay từ phía bạn học để khích lệ động viên bạn tiếp tục phát huy những điều tốt đẹp đó, đồng thời cũng là cơ hội để học sinh cả lớp cùng học tập những đức tính tốt. Đây còn là cơ hội cho học sinh được chia sẻ, gần gũi nhau hơn, góp phần tạo không khí thân thiện trong lớp.

- *Cách tiến hành:*

Bước 1: Cả lớp hoặc các tổ, nhóm ngồi theo vòng tròn. Giáo viên phát cho mỗi học sinh một tờ bìa. Các em sẽ viết tên của mình lên tờ bìa đó.

Bước 2: Học sinh chuyển tờ bìa cho bạn ngồi bên phải mình. Khi nhận được tờ bìa ghi tên một bạn nào đó, học sinh ghi một điểm tích cực của bạn đó vào tờ bìa. Cứ như vậy, các tờ bìa sẽ được chuyển hết một vòng. Cần lưu ý đảm bảo rằng, mỗi học sinh đều nhận được lời nhận xét tích cực của tất cả các bạn trong nhóm. (Lưu ý: Nên tránh những lời nhận xét về hình thức bề ngoài, xã giao hay cách ăn mặc mà nên nhận xét về tính cách, thái độ, khả năng học tập,... của bạn mình).

Khi học sinh nhận lại được tờ bìa của mình, các em sẽ đọc và nêu được, một số em sẽ chia sẻ những lời ghi trong tờ bìa với cả lớp.

Những tờ bìa này có thể được lưu giữ lại để chia sẻ cùng cha mẹ học sinh vào buổi họp cha mẹ học sinh. Cha mẹ học sinh có thể viết thêm vào các đức tính tốt đẹp của con em mình. Điều này sẽ tạo được sự hào hứng của học sinh cũng như sự phấn khởi của cha mẹ học sinh và tăng thêm sự gắn kết giữa cha mẹ học sinh và lớp học.

Hoạt động này có thể được tổ chức sau mỗi một học kỳ để học sinh thấy được sự cố gắng được ghi nhận của mình trong một giai đoạn và sẽ tiếp tục phát huy những đức tính tốt ở học kỳ tiếp theo.

d) Xây dựng nội quy nhà trường

- *Mục đích:* Tạo cho học sinh cảm giác trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của trường mình, qua đó giúp học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Trường cần tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của trường mình nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác.

Các lớp có thể tổ chức thảo luận trong lớp, sau đó cử đại diện dự buổi họp chung toàn trường để thảo luận, xây dựng nội quy của trường. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh và từng lớp học.

- *Cách sử dụng*: Các bản nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va chạm. Nhà trường và mỗi lớp cũng nên có một ban lo nhiệm vụ theo dõi việc thực hiện nội quy của lớp mình.

Ở một số địa phương, tại các lớp học ít học sinh, bảng nội quy còn thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

đ) Ngày hội thành tựu

- *Mục đích*: Tạo cơ hội cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức cộng đồng cùng gặp nhau trong một ngày để công bố các thành tích và sự tiến bộ học tập của học sinh sau một năm học, đồng thời tham gia vào các hoạt động văn hoá và thực hiện các hoạt động có ý nghĩa đối với nhà trường và cộng đồng. Đây là những cuộc gặp mặt rất quan trọng để tăng cường sự giao tiếp trao đổi giữa những người tham gia, trình bày và đưa ra các dự án, các kết quả và thành tích đạt được, các chương trình hành động tương lai có lợi cho cộng đồng và xây dựng tinh thần tôn trọng giữ gìn bản sắc văn hoá địa phương.

- *Cách tổ chức*: Nhà trường, giáo viên, học sinh cùng cha mẹ học sinh và đại diện cộng đồng cùng bàn bạc về nội dung và hình thức tổ chức Ngày hội thành tựu. Có thể đan xen vào ngày hội một số hoạt động:

- + Báo cáo các thành tích của học sinh.
- + Các hoạt động văn hoá đặc sắc của địa phương.
- + Sự giao lưu từ cộng đồng.
- + Những dự án tiếp theo có lợi cho học sinh và cộng đồng và cần sự phối hợp của cộng đồng và cha mẹ học sinh...

Ngày hội thành tựu nên được tổ chức một năm một lần để đảm bảo sự liên kết thường xuyên giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng.

Những vấn đề cơ bản về quy trình thành lập Hội đồng tự quản học sinh và hướng dẫn học sinh thành lập Hội đồng tự quản học sinh của lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

6. Không gian lớp học trong mô hình trường học mới

6.1. Khái quát về không gian lớp học mô hình trường học mới

Trong các lớp học theo mô hình trường học mới, cần bố trí một số không gian và tài liệu được giáo viên và Hội đồng tự quản học sinh sử dụng hàng ngày/tuần/tháng để

phục vụ quá trình học tập tại lớp và tạo ra các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập và các sinh hoạt tập thể khác như: Góc học tập; Góc sáng tạo; Góc thư viện; Góc cộng đồng; Hòm thư “nhịp cầu bè bạn”; Hòm thư “điều em muốn nói”; Sổ đối nội, đối ngoại; Nhật kí cha mẹ học sinh;... (Gọi chung là công cụ hỗ trợ)

Học sinh cần được hướng dẫn sử dụng chúng để tham gia vào các hoạt động của lớp, giúp các em phát triển sự đam mê, sự sáng tạo, hình thành nhân cách và các kĩ năng hợp tác trong học tập; qua đó, giáo viên chủ nhiệm có thể phát hiện và nuôi dưỡng các tiềm năng, giải đáp những băn khoăn, lo lắng.

Học sinh sử dụng các không gian và tài liệu đó dựa trên vốn hiểu biết của mình, có thể có sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, để chúng phát huy tác dụng trong việc quản lí, tổ chức, thúc đẩy quá trình học tập. Đây không phải là những hoạt động mang tính cạnh tranh mà là sự hỗ trợ lẫn nhau học tập trong một môi trường lớp học thân thiện. Giáo viên chủ nhiệm nên chú ý động viên các em tham gia và bên cạnh việc hỗ trợ, giáo viên chủ nhiệm nên tạo ra những thách thức mới để gây hứng thú và nâng cao tinh thần trách nhiệm của các em.

Giáo viên chủ nhiệm lưu ý trao đổi cùng cha mẹ học sinh và học sinh để xây dựng và sử dụng các không gian và tài liệu phù hợp nhất với điều kiện của lớp, để phục vụ có hiệu quả cho học tập và các hoạt động của lớp, tránh việc xây dựng và sử dụng một cách máy móc, hình thức.

Tùy không gian lớp học mà giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn Hội đồng tự quản học sinh lựa chọn và xây dựng số công cụ hỗ trợ phù hợp. Tránh tình trạng làm hình thức hoặc làm phức tạp cho không gian lớp học.

6.2. Một số công cụ hỗ trợ đã được thử nghiệm và có tác dụng tốt cho hoạt động học và công tác quản lí ở lớp học, trường học mới

a) Bảng theo dõi sĩ số

- *Mục đích:* Bảng này được thiết kế để theo dõi sĩ số của các em học sinh. Công cụ này như một bảng đánh giá cá nhân hoặc cho tập thể theo tuần, tháng hoặc theo kì. Bảng theo dõi sĩ số giúp học sinh phát triển tính tự giác, đi học đúng giờ và có tinh thần trách nhiệm trong học tập đồng thời xây dựng cho các em ý thức được đi học là một quyền lợi đặc biệt, chứ không phải là nghĩa vụ bắt buộc. học sinh cần có được cảm giác thoải mái, vui vẻ khi đi học.

- *Cách xây dựng:* Có thể làm bảng chung của cả lớp hoặc theo nhóm. Trên bảng cần có tên của học sinh, ngày tháng và các ô tương ứng. Giáo viên chủ nhiệm cùng bàn

bạc với học sinh hình thức điền vào ô như điền tên, tích, cắm cờ hoặc dán những hình ảnh yêu thích của mình. Bảng nên thay đổi theo tháng để tạo sự hứng thú cho học sinh.

- *Cách sử dụng:* Mỗi học sinh khi đến lớp sẽ tự động điền vào phần ô tương ứng với ngày đi học. Để học sinh chủ động làm việc này, thay vì trưởng nhóm hoặc trưởng ban, sẽ tạo hứng thú cho các em. Học sinh mong đến trường để tự mình ghi thêm thành tích chuyên cần cho mình. Vào cuối tuần, đại diện các nhóm sẽ có một bản báo cáo ngắn gọn gửi giáo viên chủ nhiệm.

b) Sổ nhật kí học tập và tham gia hoạt động của học sinh

- *Mục đích:* Cuốn sổ này giúp học sinh có ý thức hơn và cố gắng nhiều hơn trong việc học tập và tham gia tích cực vào các hoạt động của lớp học, trường học. Việc thường xuyên chia sẻ thông tin trong cuốn sổ còn là hình thức khuyến khích và ghi nhận những thành tích của học sinh. Đây còn là công cụ giúp việc liên lạc, trao đổi với cha mẹ học sinh được thường xuyên và tốt hơn.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh và học sinh về mục đích của cuốn sổ. Học sinh sẽ tự chuẩn bị và trang trí cuốn sổ riêng của mình. Giáo viên chủ nhiệm chỉ lưu ý nhắc nhở các em về kích thước để không gây khó khăn trong việc bảo quản, cất giữ.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm giải thích rõ cho học sinh về việc dùng cuốn sổ để ghi lại thành tích học tập (có thể là điểm số, những lời nhận xét tích cực của giáo viên chủ nhiệm và các bạn học về việc học tập, những sản phẩm học tập có thể đính kèm...) và kết quả hoạt động học tập xuất sắc của mình. Cuốn sổ này cũng mang tính cá nhân và không nhất thiết là phải đem so sánh với bất kì ai.

c) Hộp thư cá nhân

- *Mục đích:* Tạo cơ hội cho giáo viên chủ nhiệm và học sinh trong lớp trao đổi, tiếp nhận thông tin giữa học sinh với học sinh và giữa học sinh với giáo viên. Hộp thư cá nhân giúp hình thành cho học sinh thói quen quan tâm, chia sẻ với mọi người; rèn luyện học sinh biết tôn trọng sự riêng tư của bạn. Công cụ này còn là cách để giáo viên chủ nhiệm động viên, khích lệ học sinh, hiểu được học sinh hơn.

- *Cách xây dựng*

- *Bước 1:* Giáo viên chủ nhiệm cho mỗi học sinh tự tạo một hộp thư nhỏ từ các vật dụng như hộp các-tông nhỏ, giấy bìa, tranh ảnh, giấy màu, giấy trắng,... giáo viên chủ nhiệm để học sinh tự vẽ, cắt dán, trang trí những hình ảnh các em yêu thích, không nên làm đồng loạt giống nhau. Trên mỗi hộp thư cá nhân

có tên của học sinh. Công việc này cũng có thể thực hiện ở nhà. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý học sinh về kích cỡ tối đa cho mỗi hộp thư cá nhân.

- *Bước 2:* Cùng gắn những hộp thư cá nhân của cả lớp tại một vị trí, hoặc chia thành các nhóm. Lưu ý gắn ở vị trí thuận tiện, vừa tầm để đảm bảo tất cả các học sinh dễ tham gia và sử dụng.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm cùng trao đổi với học sinh về tác dụng của hộp thư cá nhân; giải thích cho học sinh thấy mỗi cá nhân trong lớp đều nên có một hộp thư riêng. Bất cứ điều gì các em muốn chia sẻ, trao đổi với bạn hoặc thầy cô giáo, các em có thể viết thư và bỏ vào hộp thư riêng của bạn/thầy cô giáo. Các em có thể đề tên của mình trong thư hoặc không. Giáo viên chủ nhiệm nên sử dụng hộp thư cá nhân để khích lệ, động viên, góp ý với học sinh mà không làm các em xấu hổ trước lớp. Giáo viên chủ nhiệm cũng có thể bỏ vào hộp thư cá nhân của các em những bài tập theo đúng trình độ để tăng thêm hứng thú học tập cho các em.

Giáo viên chủ nhiệm nên dành thời gian vào các giờ nghỉ giải lao hay các buổi sinh hoạt tập thể để học sinh viết thư cho nhau. Giáo viên chủ nhiệm nên thường xuyên sử dụng hộp thư này để tạo phong trào và hình thành dần thói quen trong lớp. Lưu ý: Hộp thư tuy của cá nhân nhưng không nên dán kín hay "bảo mật" vì các em luôn cần được giáo dục, rèn luyện tính trung thực, lòng tự trọng, không tự ý xem thư của người khác.

d) Hộp thư "Điều em muốn nói"

- *Mục đích:* Đây là công cụ giúp học sinh được bày tỏ ý kiến của mình. Những ý kiến của học sinh có thể là những tình cảm, cảm nhận, mong muốn, đề nghị hoặc bất cứ điều gì các em muốn nói về thầy cô, bạn bè, cha mẹ, nhân viên phục vụ, điều kiện học tập – sinh hoạt và các hoạt động vui chơi,... mà các em không thể hoặc chưa dám nói trực tiếp. Qua hộp thư này, người lớn (thầy cô, cha mẹ,...) sẽ có điều kiện hiểu các em nhiều hơn, đồng thời điều chỉnh các hoạt động giáo dục, sinh hoạt sao cho phù hợp. Bên cạnh đó, công cụ này còn có ý nghĩa giúp các em nhận biết mình là một thành viên của nhà trường, quyền cơ bản của trẻ được tạo điều kiện thể hiện (quyền được học tập – quyền được vui chơi – quyền được tham gia ý kiến,...). Từ đó, các em có ý thức, tự giác và chủ động khi tham gia các hoạt động của chính các em.

- *Cách xây dựng:* Hộp thư có thể được làm bởi cha mẹ học sinh hoặc giáo viên chủ nhiệm cùng học sinh thực hiện. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh trang trí thêm những hình ảnh vui nhộn và được đặt tại các vị trí thuận tiện trong lớp, vừa tầm với của học sinh. Một số nơi còn có thêm các biện pháp bảo vệ cho hộp thư để chỉ những người

có trách nhiệm mở hộp thư mới mở được để đảm bảo giữ kín những thông tin của học sinh.

- *Cách sử dụng*: Giáo viên chủ nhiệm giải thích cho học sinh về mục đích của hộp thư. Khuyến khích các em sử dụng hộp thư này để giúp cho tình hình và các điều kiện của lớp học, trường học được tốt hơn. Giáo viên chủ nhiệm cũng nên nhấn mạnh tới việc học sinh không cần thiết phải đề tên mình trong thư, nếu muốn. Để quản lí Hộp thư "Điều em muốn nói" cần có sự tham gia của Chủ tịch, Phó chủ tịch và Trưởng các ban của Hội đồng tự quản học sinh và giáo viên. Hộp thư cần được mở hằng ngày hoặc hằng tuần để ghi nhận, trả lời những ý kiến của học sinh cũng như giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lớp, trường. Tuy nhiên, tốt nhất nên mở hộp thư hằng ngày để đảm bảo cập nhật và giải quyết kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Giáo viên chủ nhiệm lưu ý, những vấn đề mang tính cá nhân thì cần trao đổi với cá nhân học sinh, những vấn đề mang tính chất tập thể thì cần có sự trao đổi, bàn bạc trước cả lớp để tìm ra phương án giải quyết.

đ) Sinh nhật hồng

- *Mục đích*: Tạo sự vui tươi trong lớp học; giúp học sinh biết cách quan tâm đến bạn bè, biết cách tổ chức những buổi kỉ niệm nho nhỏ; tạo sự gắn kết của các thành viên trong lớp.

- *Cách xây dựng*: Giáo viên chủ nhiệm có thể trao đổi với một ban trong lớp học về cách xây dựng góc sinh nhật. Có thể là cây với 12 bông hoa tương ứng với 12 tháng trong năm và trên mỗi bông hoa tháng là tên các bạn có ngày sinh trong tháng. Có thể là những hành tinh nhỏ mang tên tháng trong vũ trụ,... học sinh hoàn toàn có thể thực hiện được công việc này. Giáo viên chủ nhiệm hãy để các em tự trao đổi và thống nhất cách thực hiện.

Cũng có cách xây dựng khác nữa là giáo viên chủ nhiệm chia lớp ra thành nhóm phụ trách từng tháng. Nhóm học sinh của tháng sẽ cùng bàn bạc để tổ chức sinh nhật của tháng mình theo cách mà các em thích nhất.

- *Cách sử dụng*: Góc sinh nhật giúp cả lớp cùng biết được sắp đến sinh nhật của bạn nào. Một ban sẽ phụ trách phần tổ chức sinh nhật cho các bạn trong tháng (hoặc có thể tổ chức đơn lẻ cho từng bạn). Cũng có thể dùng hình thức luân phiên các ban tổ chức hoặc nhóm các bạn có sinh nhật tháng này sẽ tổ chức cho nhóm các bạn có ngày sinh nhật của tháng khác. Việc tổ chức không cần cầu kì, các học sinh có thể lên kịch bản cho một chương trình văn nghệ, trò chơi,... giáo viên chủ nhiệm hãy để cho các học sinh trong lớp được chúc mừng bạn mình và nên gợi ý học sinh sử dụng các công

cụ khác (Ví dụ: Hộp thư bè bạn, những lời yêu thương,...) để thể hiện tình cảm với bạn mình trong ngày sinh nhật của các em. Giáo viên chủ nhiệm nên tạo điều kiện cho học sinh được tổ chức sinh nhật nói về bản thân mình, về những thay đổi khi một tuổi mới đã đến với em. Mỗi tháng qua đi, học sinh có thể gỡ tháng đó xuống để học sinh cảm nhận được thời gian của năm.

e) Những lời yêu thương

- *Mục đích:* Học sinh được chia sẻ những câu nói, câu thơ hay, có ý nghĩa với mục đích giáo dục học sinh hướng đến những điều tốt đẹp.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm và học sinh cùng thảo luận để quyết định chọn một hình thức phù hợp với điều kiện lớp học để làm góc của những lời yêu thương. Có thể làm trên khổ giấy A0, trang trí thành cây với những chiếc lá, bông hoa là những lời yêu thương và được dán lên tường. Có thể là cây thông góc lớp với những lời yêu thương được gắn lên cây,... Cũng có thể ghi những lời nói yêu thương, những câu danh ngôn phù hợp, dễ hiểu, dễ nhớ liên quan đến tuổi học trò trên các hành lang, lối đi, thư viện, sân/vườn trường,... nơi học sinh dễ quan sát và thường xuyên nhắc nhở mình thực hiện.

- *Cách sử dụng:* Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn học sinh sưu tầm những câu nói hay, những lời yêu thương về tình cảm gia đình, thầy trò, bạn bè... Học sinh cũng có thể nhờ cha mẹ học sinh sưu tầm cùng. Giáo viên chủ nhiệm có thể giao cho các ban quản lí góc này xây dựng chủ đề theo từng tháng, từng sự kiện để học sinh sưu tầm những câu nói, câu thơ hay theo các chủ điểm đó. Trong các buổi sinh hoạt lớp, giáo viên chủ nhiệm dành thời gian để cùng học sinh trò chuyện về những lời yêu thương này để giáo dục học sinh biết hướng tới những điều tốt đẹp và yêu thương trong cuộc sống.

g) Bảng nội quy lớp học

- *Mục đích:* Giúp các em thấy có trách nhiệm khi tự mình xây dựng nội quy của lớp mình; qua đó, học sinh có ý thức hơn trong việc thực hiện nội quy.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm tổ chức cho học sinh tham gia xây dựng nội quy của lớp nhằm giúp học sinh hiểu rõ và làm theo nội quy một cách tự giác. Nội quy cần ngắn gọn, cụ thể, dễ hiểu để học sinh dễ nhớ và thực hiện. Có thể bổ sung, điều chỉnh nội quy sau mỗi năm học và nội quy cũng cần được công bố ở các kì họp cha mẹ học sinh.

- *Cách sử dụng:* Bảng nội quy nên được đặt ở nơi mọi người dễ dàng nhìn thấy, không quá cao để học sinh không đọc được, cũng không quá thấp để bị hư hỏng do va

chạm. Ở những lớp rộng rãi và ít học sinh, bảng nội quy có thể thiết kế thêm các ô để học sinh dán các bông hoa có tên mình mỗi tháng một lần vào các nội dung mà mình đã thực hiện tốt.

h) Sổ ghi chép đối nội – đối ngoại

- *Mục đích:* Dùng ghi lại cảm tưởng của những người khách đến thăm trường/lớp hoặc cảm xúc của học sinh khi tham quan một nơi nào đó.

- *Cách xây dựng:* Giáo viên chủ nhiệm có thể bàn bạc trước lớp và giao cho một ban thực hiện việc thiết kế và ghi chép sổ. Sổ nên có các thông tin về ngày tháng, tên đoàn khách, học sinh nhà trường; cảm xúc của khách hoặc của học sinh, có thể có phần để dán những hình ảnh (nếu có) về những sự kiện đó.

- *Cách sử dụng:* Khách đến từ các tổ chức, hiệp hội hoặc giáo viên chủ nhiệm và các bạn học sinh đến từ các trường, lớp khác, đến thăm trường, lớp mình, sẽ ghi lại những cảm xúc, suy nghĩ của họ. Đây là một cơ hội cho khách có những đề xuất, ý kiến hay chỉ ra các quan điểm về một vấn đề cụ thể. Khi học sinh đi tham quan cũng thực hiện tương tự như vậy.

6.3. Các góc hỗ trợ trong lớp học

a) Góc học tập

- *Góc học tập* là không gian trong lớp học trang bị những tài liệu, đồ dùng dạy học, các vật dụng,... phục vụ cho việc học tập của học sinh

- *Vai trò và ý nghĩa của góc học tập*

- + Góc học tập làm tăng hứng thú học tập của học sinh, tăng các nguồn kiến thức trong dạy học của giáo viên. Giáo viên sử dụng phương pháp trực quan trong dạy học giúp học sinh nắm kiến thức một cách chủ động, vững chắc. Góc học tập có một vai trò rất quan trọng đối với việc dạy và học trong trường THCS.
- + Góc học tập cung cấp sách vở, tài liệu tham khảo, đồ dùng học tập ngay tại lớp học rất thuận lợi cho học tập và tham khảo tài liệu khi cần thiết mà không phải đến thư viện.
- + Giáo viên làm phong phú thêm bài giảng của mình bằng sách và các tư liệu tham khảo trong góc học tập; có thể quan sát được hiệu quả dạy học, biết được hứng thú nghề nghiệp của học sinh, từ đó có thể hướng nghiệp cho các em.
- + Giúp học sinh thu nhận và tổng hợp kiến thức thông qua việc quan sát và thao tác sử dụng các tài liệu, đồ vật ở góc học tập; làm phong phú kiến thức và phát huy trí tưởng tượng của các em.

- + Học sinh sẽ hứng thú học tập hơn khi sử dụng góc học tập dưới sự hướng dẫn của giáo viên; hoặc tự nghiên cứu theo nhóm hay từng cá nhân, qua đó, hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu của học sinh.

- *Các tài liệu và đồ dùng ở góc học tập*

- + Ngay từ đầu năm học, giáo viên căn cứ trên yêu cầu chương trình và nội dung môn học; quan sát tâm lí và sở thích của học sinh để chuẩn bị kế hoạch xây dựng góc học tập phù hợp. Bằng kinh nghiệm của mình, giáo viên suy nghĩ xem tài liệu nào, dụng cụ học tập nào góc học tập có thể giúp học sinh học tập có kết quả tốt hơn, hiệu quả hơn; đồng thời góp phần phát huy năng khiếu, sở thích và định hướng nghề nghiệp cho các em.
- + Trong mỗi môn học, giáo viên cần sưu tầm những loại tài liệu và đồ dùng học tập sau:
 - Tài liệu in ấn phục vụ học tập: Sách tham khảo, các loại sách giáo khoa, báo, tạp chí,... liên quan đến nội dung môn học; sơ đồ, biểu đồ, bản đồ, tranh ảnh,... tạo hứng thú và mở rộng hiểu biết cho học sinh.
 - Đồ dùng dạy và học: Đây là những vật dụng mà học sinh và giáo viên có thể sử dụng trong các giờ thực hành, thí nghiệm như các dụng cụ đo lường (cân, nhiệt kế, ampe kế,...), mô hình trái đất, các mẫu vật,...
 - Vật dụng phục vụ cuộc sống: Những đồ dùng thiết thực phục vụ cuộc sống như các loại công cụ lao động, đồ dùng sinh hoạt hằng ngày, trang phục, nhạc cụ, lương thực, thực phẩm,...
 - Tài liệu sáng tạo nghệ thuật: Các vật dụng có tính nghệ thuật dùng cho học tập, phát huy tính tưởng tượng và sáng tạo nghệ thuật của học sinh như các con rối, rôbốt,...
 - Đồ dùng do học sinh tự làm: Các bài làm đạt điểm tốt của học sinh, các vật dụng do học sinh sáng chế,...
- + Ngoài ra, ở góc học tập còn có tài liệu hướng dẫn học các môn, hướng dẫn sử dụng các tài liệu, nhất là hướng dẫn sử dụng các tài liệu liên quan đến môn học.

- *Quản lí góc học tập*

- + Hội đồng tự quản học sinh phân công các bạn học sinh thay phiên nhau chăm sóc góc học tập; dọn dẹp lại cho ngăn nắp sau mỗi buổi học, quét dọn, lau sạch bụi bặm, vết bẩn sau khi sử dụng.

- + Hội đồng tự quản học sinh tổ chức đọc sách, thảo luận theo nhóm cùng sở thích và giúp nhau học tập một cách hiệu quả...

b) Góc thư viện

- Góc thư viện là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp, là nơi để các tài liệu tham khảo (từ điển, sách, báo, truyện,...) do thư viện nhà trường hỗ trợ, giáo viên và học sinh sưu tầm, do cha mẹ học sinh cùng cộng đồng đóng góp.

Góc thư viện trong lớp học là một công cụ quan trọng tạo cơ hội cho học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, đồng thời cung cấp các nguồn tài liệu khác nhau để học sinh học tập và thư giãn.

Nguồn thông tin trong góc thư viện là một công cụ đắc lực hỗ trợ cho giáo viên và học sinh trong dạy - học tích cực. Giáo viên có thể sử dụng nguồn thông tin ở góc thư viện để giải đáp rõ hơn những nội dung có trong tài liệu hướng dẫn học hoặc làm giàu thêm vốn kiến thức của mình cũng như học sinh. Với mỗi chủ đề hay bài học, giáo viên cần tham khảo thêm tư liệu về chủ đề hay bài học đó trong góc thư viện và cung cấp cho học sinh tên, trang, mục tài liệu cần tham khảo để hoàn thành bài học. Góc thư viện trong lớp học có thể hỗ trợ cho từng đối tượng học sinh trong quá trình học tập khác nhau. Với học sinh trung bình, các em có thể tìm thông tin để giải thích rõ hơn cho các khái niệm trong tài liệu hướng dẫn học. Với các học sinh khá, giỏi, các em có thể tìm hiểu sâu hơn, mở rộng hơn nội dung bài học qua những tài liệu có trong góc thư viện.

Góc thư viện đóng vai trò hỗ trợ nguồn tài liệu phong phú cho một môn học hay một chủ đề. Mặc dù tài liệu hướng dẫn học đã cung cấp cho học sinh những nội dung cơ bản cần thiết, nhưng vẫn có lúc học sinh vướng mắc và không hiểu rõ về một khái niệm hay một thông tin nào đó có liên quan đến bài học. Trong trường hợp này, giáo viên nên hướng dẫn học sinh đến góc thư viện để tìm những cách giảng giải, chú thích khác phù hợp hơn với trình độ và khả năng nhận thức của học sinh. Sau khi đọc về một chủ đề tương tự trong góc thư viện, học sinh có thể tiếp tục học và làm việc với tài liệu hướng dẫn học.

Góc thư viện là nơi rất hữu ích để học sinh tiến hành các dự án nghiên cứu nhỏ của một số môn học. Tại đây các em có thể thực hiện việc tìm kiếm thông tin cho bài tập trong dự án nghiên cứu của mình. Nhiều khi tài liệu hướng dẫn học không cung cấp đủ nội dung để hoàn thành mục tiêu bài học như đã đề xuất. Vì vậy, việc tìm kiếm các thông tin tham khảo ở góc thư viện sẽ là rất cần thiết. Mô hình trường học mới tăng cường khả năng tự học của học sinh, vì vậy nguồn thông tin trong góc thư viện sẽ hỗ trợ rất tốt cho các em trong việc tự học.

Góc thư viện trong lớp học đồng thời cũng được sử dụng để giúp học sinh giải trí và phát triển óc sáng tạo. Sách là nguồn giải trí rất lớn đối với trẻ em cũng như người lớn. Qua việc đọc sách, chúng ta có thể giáo dục chính mình, tích lũy và tăng khả năng tưởng tượng, trải nghiệm một cách gián tiếp. Ví dụ, như thưởng thức một chuyến đi lên mặt trăng hay thám hiểm một địa bàn khảo cổ; hoặc có thể sáng tác những bức tranh dựa trên các câu chuyện đã đọc; đóng vai thể hiện lại các nhân vật, sự kiện trong các câu chuyện,...

Ngoài việc cung cấp thông tin cho học sinh, góc thư viện còn góp phần hình thành, phát triển thói quen đọc sách cho các em, xây dựng nền tảng văn hoá đọc của mỗi người trong suốt cả cuộc đời.

c) Góc cộng đồng và bản đồ cộng đồng

c1) Góc cộng đồng

Góc cộng đồng là khu vực được bố trí riêng biệt trong lớp học, là nơi để các hiện vật, dụng cụ, tranh ảnh,... thể hiện sinh động đời sống vật chất hay tinh thần của cộng đồng địa phương. Góc cộng đồng được hiểu là sự mô tả một cách đơn giản về mối quan hệ giữa nhà trường và cộng đồng địa phương, trong đó bao gồm các thông tin về bản đồ cộng đồng, về mùa vụ, sản xuất, kinh doanh, ngành nghề, phong tục tập quán, văn hoá, lễ hội, trang phục đặc sắc, lịch sử, di sản, địa lí, khí hậu thời tiết,... và một số sản vật đặc trưng của địa phương. Góc cộng đồng là hình ảnh thu nhỏ về những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng trong phạm vi hẹp hoặc phạm vi rộng hơn nhưng có cùng những đặc điểm chung.

Góc cộng đồng giúp giáo viên, học sinh biết rõ về môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương; thấy được sự gắn gũi, gắn bó giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng; tận dụng những yếu tố tích cực của môi trường địa phương vào nội dung các hoạt động dạy học. Qua đó, giúp các em thuận lợi trong việc áp dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. Giáo viên cần tìm ra những nguồn lực sẵn có về vật chất, con người hoặc ngành nghề thủ công của địa phương để hỗ trợ, liên kết, hợp tác giáo dục với nhà trường. Nhà trường vận động những nghệ nhân, doanh nhân giỏi ở địa phương đến trường để phổ biến cho học sinh những kiến thức, kinh nghiệm kinh doanh,... Từ đó, học sinh tăng thêm niềm tự hào về quê hương, đất nước, con người Việt Nam, mong muốn được duy trì và phát triển các tinh hoa văn hoá, truyền thống của các vùng miền và của quê hương.

Cùng tham gia vào quá trình xây dựng "Góc cộng đồng" có các thành viên trong cộng đồng như chính quyền địa phương, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên, ... cùng với cha

mẹ học sinh, học sinh, giáo viên chủ nhiệm lớp và các giáo viên bộ môn. Khi thiết lập góc cộng đồng, giáo viên chủ nhiệm cần tổ chức một cuộc họp, gặp gỡ các thành viên trong cộng đồng để cùng nhau xây dựng góc cộng đồng. Tại cuộc họp này các đại biểu có thể vẽ trên giấy khổ to, hoặc trên tấm vải trắng để mô tả thông tin về mùa vụ, ngành nghề, lễ hội, khí hậu thời tiết,... của địa phương bằng các màu sắc sinh động. Mọi người có thể đóng góp hoặc sưu tầm một số sản phẩm đặc trưng của địa phương để trưng bày tại góc cộng đồng.

Tóm lại, góc cộng đồng giúp nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết rõ môi trường vật chất và tinh thần của cộng đồng địa phương.
- + Sử dụng các yếu tố tích cực của môi trường vật chất và tinh thần ở địa phương vào trong các hoạt động dạy học tại lớp học.
- + Giúp học sinh áp dụng kiến thức học ở lớp vào thực tiễn cuộc sống ở gia đình và cộng đồng.
- + Tìm ra những nguồn lực sẵn có trong cộng đồng để hỗ trợ nhà trường trong giáo dục học sinh, đặc biệt là những người có ảnh hưởng lớn ở cộng đồng như trưởng bản, già làng, trưởng dòng họ, hội trưởng các hội: phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, cựu giáo chức,... và các nguồn lực tình nguyện khác.
- + Là nguồn thông tin để học sinh giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại lớp/trường mình.

c2) Bản đồ cộng đồng

Bản đồ cộng đồng là bản đồ của địa phương mà trên đó có sự mô tả một cách đơn giản, bằng hình vẽ trên giấy khổ to hoặc trên một miếng vải, về cộng đồng địa phương. Nổi bật trên bản đồ cộng đồng là vị trí trường học, vị trí nhà ở gia đình của tất cả học sinh trong lớp. Ngoài ra, bản đồ cộng đồng phải thể hiện được những vị trí, địa điểm nổi bật của cơ quan hành chính, những đặc điểm về tự nhiên, văn hoá, xã hội và kinh tế; những di tích lịch sử, di tích văn hóa, công trình khoa học-kỹ thuật... của địa phương thuộc khu vực trường đóng.

Có thể nói, bản đồ cộng đồng là bản vẽ thu nhỏ những đặc điểm cơ bản của cộng đồng - nơi nhà trường đang tồn tại và phát triển. Nó khẳng định cộng đồng và nhà trường luôn tồn tại, gắn bó, hỗ trợ và không thể tách rời.

Bản đồ cộng đồng nhà trường, giáo viên và học sinh:

- + Biết được khoảng cách mà mỗi học sinh phải đi học từ nhà đến trường.

- + Xác định được những thuận lợi và khó khăn khi học sinh đi học.
- + Biết được những địa điểm mà học sinh có thể gặp nguy hiểm để hướng dẫn các em phòng tránh rủi ro.
- + Biết được những địa điểm cần thiết để chỉ dẫn cho học sinh đến khi cần sự trợ giúp hoặc vui chơi.
- + Biết được những địa điểm và cách đi thăm gia đình học sinh.
- + Là nguồn thông tin giới thiệu về cộng đồng với những người đến thăm và làm việc tại trường.
- + Giúp học sinh biết tìm đường đến thăm nhà bạn để hỏi bài, vui chơi, đường đến trường an toàn, thuận tiện nhất, đường đến hiệu sách, chợ, uỷ ban nhân dân, đồn công an, bưu điện,...

Bản đồ cộng đồng được treo tại góc cộng đồng, nơi dễ quan sát trong lớp học. Mọi học sinh có thể quan sát và đọc được thông tin trên đó. Khi có khách tham quan lớp học, mỗi bạn đều có thể giới thiệu được về lớp mình, ngôi trường của mình, về địa điểm nhà các bạn trong lớp, về cộng đồng. Nếu có một bạn mới được chuyển về lớp học, bạn ấy sẽ được giới thiệu về bản đồ cộng đồng của lớp, bạn ấy và mọi người trong lớp sẽ xác định xem nhà bạn ấy sẽ được vẽ ở đâu trong bản đồ cộng đồng. Và tất nhiên sẽ có tên của bạn ấy gần hình vẽ ngôi nhà trên bản đồ cộng đồng của lớp. Bạn ấy sẽ rất vui vì sẽ biết ngay đường nào thuận tiện khi đến trường, nhà mình ở gần nhà bạn nào để cùng đi đến trường.

Bản đồ cộng đồng giúp học sinh ý thức được mình là một thành viên của cộng đồng, từ đó ý thức xây dựng và giữ gìn cộng đồng được nâng cao.

Giáo viên có thể sử dụng bản đồ cộng đồng trong các hoạt động giáo dục cho học sinh về quan hệ gia đình, cộng đồng; tình bạn và mối quan tâm đến nhau; sự đoàn kết, chia sẻ, gắn bó giữa những con người, những gia đình trong cùng một cộng đồng; củng cố niềm tự hào về gia đình, cộng đồng, quê hương mình.

Những vấn đề cơ bản về của công cụ hỗ trợ hoạt động học của học sinh tại lớp được trình bày trong tài liệu Hướng dẫn tổ chức lớp học của mô hình trường học mới.

D. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Có nhiều quan niệm khác nhau về Hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nhưng tựu trung lại Hoạt động trải nghiệm sáng tạo là hoạt động giáo dục, trong đó, từng cá nhân học sinh được trực tiếp hoạt động thực tiễn trong môi trường nhà trường cũng như môi trường gia đình và xã hội dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục, qua đó phát triển tình cảm, đạo đức, phẩm chất nhân cách, các năng lực..., từ đó tích lũy kinh nghiệm riêng cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân mình.

Theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới, các hoạt động giáo dục trong trường THCS gồm: Hoạt động tập thể (sinh hoạt lớp, sinh hoạt trường, sinh hoạt Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh); hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức theo các chủ đề giáo dục; hoạt động giáo dục hướng nghiệp;... được gọi chung là Hoạt động trải nghiệm sáng tạo.

Đối với mô hình trường học mới THCS, vừa chú trọng đến tính trải nghiệm của học sinh trong các bài học, vừa chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo theo định hướng chương trình giáo dục phổ thông mới nhằm giúp học sinh có cơ hội trải nghiệm nhiều hơn ở ngoài lớp học, chủ động phối hợp cùng cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp và các tổ chức chính trị - xã hội tại địa phương như đoàn, hội, đội để xây dựng một số dự án học tập cộng đồng, gắn nội dung giáo dục trong nhà trường với các hoạt động thường xuyên tại địa phương liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; vệ sinh môi trường; hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục, thể thao;...

II. SỰ KHÁC NHAU GIỮA MÔN HỌC/HĐGD VÀ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Mục đích chính	Hình thành và phát triển hệ thống tri thức khoa học, năng lực nhận thức và hành động của học sinh.	Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại.

Đặc trưng	Môn học/HĐGD	Hoạt động trải nghiệm sáng tạo
Nội dung	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức khoa học, nội dung gắn với các lĩnh vực chuyên môn. - Được thiết kế thành các phần chương, bài, có mối liên hệ logic chặt chẽ hoặc các mô đun tương đối hoàn chỉnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức thực tiễn gắn bó với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, mang tính tổng hợp nhiều lĩnh vực giáo dục, nhiều môn học; dễ vận dụng vào thực tế. - Được thiết kế thành các chủ điểm mang tính mở, không yêu cầu mối liên hệ chặt chẽ giữa các chủ điểm
Hình thức tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng, có quy trình chặt chẽ, hạn chế về không gian, thời gian, quy mô và đối tượng tham gia,... - Học sinh ít cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Người chỉ đạo, tổ chức hoạt động học tập chủ yếu là giáo viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng, phong phú, mềm dẻo, linh hoạt, mở về không gian, thời gian, quy mô, đối tượng và số lượng,... - Học sinh có nhiều cơ hội trải nghiệm cá nhân. - Có nhiều lực lượng tham gia chỉ đạo, tổ chức các hoạt động trải nghiệm với các mức độ khác nhau (giáo viên, cha mẹ học sinh, nhà hoạt động xã hội, chính quyền, doanh nghiệp,...).
Tương tác, phương pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ yếu là thầy - trò. - Thầy chỉ đạo, hướng dẫn, trò hoạt động là chính. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đa chiều. - Học sinh tự hoạt động, trải nghiệm là chính.
Kiểm tra, đánh giá	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh đến năng lực tư duy. - Theo chuẩn chung. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng điểm số. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhấn mạnh đến kinh nghiệm, năng lực thực hiện, tính trải nghiệm. - Theo những yêu cầu riêng, mang tính cá biệt hoá, phân hoá. - Thường đánh giá kết quả đạt được bằng nhận xét.

III. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

Các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS rất đa dạng như: Tham gia các dự án cộng đồng; Tham quan, dã ngoại; Hội thi/cuộc thi; Câu

lạc bộ; Các trò chơi; Tổ chức diễn đàn; Sân khấu tương tác; Hoạt động giao lưu; Hoạt động chiến dịch; Hoạt động nhân đạo; Hoạt động tình nguyện; Lao động công ích; Sinh hoạt tập thể....

Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có tài liệu hướng dẫn riêng về tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong mô hình trường học mới THCS.

Đ. ĐÁNH GIÁ HỌC SINH TRONG MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ

Đánh giá học sinh trong mô hình trường học mới THCS được hiểu là những hoạt động quan sát, theo dõi, trao đổi, kiểm tra, nhận xét quá trình học tập, rèn luyện của học sinh; tư vấn, hướng dẫn, động viên học sinh; nhận xét định tính hoặc định lượng về kết quả học tập, rèn luyện, sự hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất của học sinh THCS nhằm mục đích giúp:

1. Học sinh tự rút kinh nghiệm và nhận xét lẫn nhau trong quá trình học tập, tự điều chỉnh cách học, qua đó dần hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức, khả năng tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề trong môi trường giao tiếp, hợp tác; bồi dưỡng hứng thú học tập và rèn luyện của học sinh trong quá trình giáo dục.

2. Giáo viên rút kinh nghiệm, điều chỉnh hoạt động dạy học và giáo dục ngay trong quá trình và kết thúc mỗi giai đoạn dạy học và giáo dục; kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh để động viên, khích lệ; phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ; đưa ra nhận định phù hợp về những ưu điểm nổi bật và những hạn chế của mỗi học sinh để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh.

3. Cán bộ quản lý giáo dục các cấp có căn cứ để kịp thời chỉ đạo các hoạt động giáo dục, đổi mới phương pháp và hình thức dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đạt hiệu quả giáo dục.

4. Cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ (sau đây gọi chung là cha mẹ học sinh), cộng đồng quan tâm và tham gia nhận xét, góp ý quá trình và kết quả học tập, rèn luyện, phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; tích cực hợp tác với nhà trường trong các hoạt động dạy học và giáo dục học sinh.

II. NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá phải hướng tới sự phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng, thái độ và các biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh dựa trên mục tiêu giáo dục THCS; coi trọng đánh giá để giúp đỡ học sinh về phương pháp học tập.
2. Chú trọng đánh giá thường xuyên đối với tất cả học sinh: đánh giá các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình (bài viết, bài trình chiếu, video clip,...) về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập (sau đây gọi chung là sản phẩm học tập); kết hợp đánh giá trong quá trình dạy học, giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Kết hợp đánh giá của giáo viên với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh, đánh giá của cha mẹ học sinh và cộng đồng.
3. Coi trọng đánh giá sự tiến bộ của mỗi học sinh, không so sánh học sinh này với học sinh khác; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự hứng thú, tính tích cực và vượt khó trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy năng khiếu cá nhân; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.
4. Việc đánh giá học sinh khuyết tật học hòa nhập phải bảo đảm quyền được chăm sóc và giáo dục đối với tất cả học sinh theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính.

III. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá hoạt động học tập, sự tiến bộ và kết quả học tập của học sinh theo chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục THCS theo từng môn học và hoạt động giáo dục.
2. Đánh giá sự hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh.

Việc đánh giá mức độ đạt được các yêu cầu về phẩm chất và năng lực chung của học sinh cấp THCS được thực hiện thông qua nhận xét các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực. Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ hướng dẫn cụ thể về các biểu hiện chủ yếu của các thành tố trong từng phẩm chất và năng lực của học sinh.

IV. ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KỲ

1. Đánh giá thường xuyên

1.1. Đánh giá thường xuyên là đánh giá trong quá trình học tập, rèn luyện, của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng.

1.2. Tham gia đánh giá thường xuyên gồm có: giáo viên, học sinh (tự rút kinh nghiệm và nhận xét, góp ý bạn qua hoạt động của nhóm, lớp); khuyến khích cha mẹ học sinh và cộng đồng tham gia nhận xét, góp ý cho học sinh, giáo viên, các hoạt động giáo dục của nhà trường.

1.2.1. Giáo viên đánh giá

a) Đánh giá quá trình học tập của học sinh

Trong quá trình dạy học, căn cứ vào đặc điểm và mục tiêu của bài học, của mỗi hoạt động trong bài học, giáo viên tiến hành một số việc như sau:

- Theo dõi, kiểm tra quá trình và từng kết quả thực hiện nhiệm vụ của học sinh/nhóm học sinh theo tiến trình dạy học; quan tâm tiến độ hoàn thành từng nhiệm vụ của học sinh để áp dụng biện pháp cụ thể, kịp thời giúp đỡ học sinh vượt qua khó khăn. Chấp nhận sự khác nhau về thời gian và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các học sinh; những học sinh hoàn thành nhiệm vụ nhanh hơn tiến độ chung thì được giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc giúp đỡ bạn. Hằng tuần, giáo viên lưu ý đến những học sinh có nhiệm vụ chưa hoàn thành, giúp đỡ kịp thời để học sinh biết cách hoàn thành nhiệm vụ.

- Nếu có nhận xét đặc biệt, giáo viên ghi vào phiếu, vở, sản phẩm học tập... của học sinh về những kết quả đã làm được hoặc chưa làm được, mức độ hiểu biết và năng lực vận dụng kiến thức, mức độ thành thạo các thao tác, kỹ năng cần thiết...

b) Đánh giá sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh

Giáo viên quan sát các biểu hiện trong quá trình học tập, sinh hoạt và tham gia các hoạt động tập thể để nhận xét sự hình thành và phát triển một số phẩm chất, năng lực của học sinh; từ đó động viên, khích lệ, giúp học sinh khắc phục khó khăn; phát huy ưu điểm và các phẩm chất, năng lực riêng; điều chỉnh hoạt động, ứng xử để tiến bộ.

c) Lưu ý

Giáo viên không đánh giá bằng cho điểm mà đánh giá bằng nhận xét quá trình và kết quả học tập của học sinh; chủ yếu dùng lời nói để động viên, góp ý, hướng dẫn học

sinh, đồng thời ghi lại những nhận xét đáng chú ý nhất vào "Sổ tay lên lớp" như: những kết quả học sinh đã đạt được hoặc chưa đạt được; các biểu hiện cụ thể về sự hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất của học sinh; những biện pháp đã áp dụng và những điều cần đặc biệt lưu ý để giúp cho quá trình theo dõi, giáo dục đối với cá nhân hoặc nhóm học sinh trong học tập, rèn luyện.

Để đạt hiệu quả cao trong việc động viên, khích lệ học sinh, giáo viên cần đặc biệt quan tâm đến đặc điểm tâm sinh lý, hoàn cảnh riêng... của từng học sinh để có những nhận xét thỏa đáng; biểu dương, khen ngợi kịp thời đối với từng thành tích, tiến bộ giúp học sinh tự tin vươn lên; tuyệt đối tránh những nhận xét có tính xúc phạm, làm tổn thương tâm lý học sinh.

Giáo viên kịp thời trao đổi với cha mẹ học sinh và những người có trách nhiệm để có thêm thông tin và phối hợp giúp cho sự hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

Hằng tháng, đối với những học sinh cần được quan tâm, giáo viên ghi nhận xét vào "Sổ tay lên lớp" của giáo viên về thành tích hoặc hạn chế nổi bật trong học tập và rèn luyện; các biểu hiện của phẩm chất, năng lực; dự kiến áp dụng biện pháp cụ thể, riêng biệt nhằm bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, giúp đỡ kịp thời những học sinh chưa hoàn thành nội dung học tập môn học và hoạt động giáo dục trong tháng.

1.2.2. Học sinh tự đánh giá và tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn

- Học sinh tự rút kinh nghiệm ngay trong quá trình hoặc sau khi thực hiện từng nhiệm vụ học tập, hoạt động giáo dục khác; trao đổi với giáo viên để được góp ý, hướng dẫn.

- Học sinh tham gia nhận xét, góp ý bạn, nhóm bạn ngay trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ học tập môn học và hoạt động giáo dục; thảo luận, hướng dẫn, giúp đỡ bạn hoàn thành nhiệm vụ.

1.2.3. Cha mẹ học sinh tham gia đánh giá

Cha mẹ học sinh được khuyến khích phối hợp với giáo viên và nhà trường động viên, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện; được giáo viên hướng dẫn tham dự, quan sát, hỗ trợ các hoạt động của học sinh; trao đổi với giáo viên bằng các hình thức phù hợp như lời nói, viết thư... về các nhận xét, các biện pháp giúp đỡ học sinh.

2. Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì I và cuối năm học

2.1. Các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ, Tin học được đánh giá qua bài kiểm tra định kì với thời lượng 90 phút.

Đề kiểm tra bao gồm các câu hỏi, bài tập (tự luận hoặc/và trắc nghiệm) theo 4 mức độ yêu cầu:

- *Nhận biết*: học sinh nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả đúng kiến thức, kỹ năng đã học khi được yêu cầu.

- *Thông hiểu*: học sinh diễn đạt đúng kiến thức hoặc mô tả đúng kỹ năng đã học bằng ngôn ngữ theo cách của riêng mình, có thể thêm các hoạt động phân tích, giải thích, so sánh; áp dụng trực tiếp (làm theo mẫu) kiến thức, kỹ năng đã biết để giải quyết các tình huống, vấn đề trong học tập.

- *Vận dụng*: học sinh kết nối và sắp xếp lại các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết thành công tình huống, vấn đề tương tự tình huống, vấn đề đã học.

- *Vận dụng cao*: học sinh vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết các tình huống, vấn đề mới, không giống với những tình huống, vấn đề đã được hướng dẫn; đưa ra những phản hồi hợp lý trước một tình huống, vấn đề mới trong học tập hoặc trong cuộc sống.

Tỷ lệ số câu hỏi, bài tập thuộc các phân môn trong bài kiểm tra đối với các môn Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Công nghệ, Tin học phù hợp với nội dung phân môn đã học tính đến thời điểm kiểm tra.

Căn cứ vào mức độ phát triển năng lực của học sinh ở từng học kỳ và từng khối lớp, giáo viên và nhà trường xác định tỷ lệ các câu hỏi, bài tập theo 4 mức độ yêu cầu trong các bài kiểm tra trên nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với đối tượng học sinh và tăng dần tỷ lệ các câu hỏi, bài tập ở mức độ yêu cầu vận dụng, vận dụng cao.

Đánh giá qua bài kiểm tra định kì được lượng hóa bằng điểm số theo thang điểm 10 hoặc quy đổi về thang điểm 10, kết hợp với nhận xét những ưu điểm, hạn chế và sửa lỗi, góp ý cho học sinh. Nội dung nhận xét phải thỏa đáng, phù hợp với điều kiện học tập, sự tiến bộ, đặc điểm tâm lý học sinh; tránh những nhận xét chung chung, theo mẫu hay những nhận xét mang tính xúc phạm làm tổn thương tâm lý học sinh.

Đối với học sinh có kết quả bài kiểm tra định kì không phù hợp với những nhận xét trong quá trình học tập (quá trình học tập tốt nhưng kết quả kiểm tra quá kém hoặc ngược lại), giáo viên cần tìm hiểu rõ nguyên nhân, nếu thấy cần thiết và hợp lý thì có thể cho học sinh kiểm tra lại.

2.2. Đối với môn Tiếng Anh: ngoài những quy định trên, thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3. Hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục)

Căn cứ chuẩn kiến thức, kỹ năng của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, thái độ tích cực và sự tiến bộ của học sinh để nhận xét kết quả bài kiểm tra định kỳ theo hai mức:

a) Đạt yêu cầu: Nếu đảm bảo ít nhất một trong hai điều kiện sau:

- Thực hiện được cơ bản các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra;

- Có cố gắng, tích cực học tập và tiến bộ rõ rệt trong thực hiện các yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng đối với nội dung trong bài kiểm tra.

b) Chưa đạt yêu cầu: Các trường hợp còn lại.

V. TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ VÀ XÉT KHEN THƯỞNG

1. Vào cuối học kì I và cuối năm học, hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp với các giáo viên bộ môn để đánh giá tổng hợp từng học sinh:

1.1. Nhận xét quá trình và kết quả học tập từng môn học/hoạt động giáo dục: những đặc điểm nổi bật, sự tiến bộ, hạn chế, mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập theo chuẩn kiến thức, kĩ năng; năng khiếu, hứng thú về từng môn học/hoạt động giáo dục; những nội dung học tập chưa hoàn thành (nếu có). Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Hoàn thành" hoặc "Có nội dung chưa hoàn thành".

1.2. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của năng lực để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm năng lực của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Còn hạn chế".

1.3. Dựa vào những biểu hiện nổi bật của phẩm chất để nhận xét về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển theo từng nhóm phẩm chất của học sinh; góp ý với học sinh, khuyến nghị với nhà trường, cha mẹ học sinh. Đánh giá từng học sinh thuộc một trong hai mức: "Đạt" hoặc "Cần rèn luyện thêm".

1.4. Xét khen thưởng học sinh

Giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn tập thể học sinh bình bầu những học sinh đạt thành tích nổi bật hay có tiến bộ vượt bậc trong các nội dung đánh giá, đạt thành tích nổi bật trong các phong trào thi đua và các cuộc thi; tham khảo ý kiến của giáo viên bộ

môn và cha mẹ học sinh; tổng hợp và lập danh sách đề nghị hiệu trưởng tặng giấy khen hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Học sinh có thành tích đột xuất có thể được xét khen thưởng đột xuất hoặc khen thưởng cuối học kỳ, cuối năm học.

Nội dung, số lượng học sinh được khen thưởng, tuyên dương do hiệu trưởng quyết định.

1.5. Lưu ý: Đối với học sinh khuyết tật học theo phương thức giáo dục hòa nhập, nếu khả năng của học sinh có thể đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục chung thì được đánh giá như đối với học sinh bình thường nhưng có giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập. Những môn học hoặc hoạt động giáo dục mà học sinh không có khả năng đáp ứng yêu cầu chung thì được đánh giá theo yêu cầu của kế hoạch giáo dục cá nhân. Việc đánh giá học sinh khuyết tật phải dựa trên sự nỗ lực và tiến bộ của học sinh.

2. Giáo viên chủ nhiệm ghi nhận xét, kết quả tổng hợp đánh giá vào học bạ, phản ánh được mức độ hoàn thành chương trình và xác định những nhiệm vụ, những điều cần khắc phục, giúp đỡ đối với từng học sinh khi bắt đầu vào học kì II hoặc bắt đầu năm học mới.

VI. HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ

1. Hồ sơ đánh giá được coi là minh chứng cho quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh; là phương tiện giúp cho việc thông tin nhằm tăng cường sự phối hợp giáo dục học sinh giữa giáo viên, nhà trường với cha mẹ học sinh.

2. Hồ sơ đánh giá theo năm học của mỗi học sinh gồm:

- a) Học bạ (hoặc Kế hoạch giáo dục cá nhân đối với học sinh khuyết tật);
- b) Bài kiểm tra định kì cuối học kì I và cuối năm học;
- c) Các nhận xét về thành tích nổi bật hoặc những điều cần lưu ý trong học tập và rèn luyện của học sinh (trích từ "Sổ tay lên lớp" của giáo viên).
- d) Các sản phẩm học tập khác như: Bài dự thi, Dự án dự thi khoa học, kĩ thuật đã đoạt giải,... (nếu có);
- đ) Phiếu hoặc sổ liên lạc trao đổi ý kiến của cha mẹ học sinh (nếu có);
- e) Giấy chứng nhận, giấy khen, huy chương,... xác nhận thành tích của học sinh trong năm học (nếu có).

3. Khuyến khích giáo viên, nhà trường sử dụng máy tính (với phần mềm chuyên dụng hoặc các phần mềm thông dụng như word, excel...) để ghi chép và lưu trữ hồ sơ đánh giá học sinh. Cuối mỗi năm học hoặc khi cần thiết, hồ sơ đánh giá học sinh được in ra để giáo viên và lãnh đạo nhà trường kí tên, đóng dấu và lưu giữ tại nhà trường.

4. Đối với học sinh chuyển đi khỏi lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh hoàn thiện theo hướng dẫn này được nộp vào cơ sở giáo dục mới và kết hợp với hồ sơ ở trường mới. Đối với học sinh chuyển đến lớp trường học mới, hồ sơ đánh giá học sinh gồm hồ sơ học tại trường cũ (cập nhật đến thời điểm chuyển đến) và hồ sơ đánh giá thực hiện theo hướng dẫn này.

VII. SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Xét hoàn thành chương trình lớp học: Học sinh được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Điểm các bài kiểm tra định kì cuối năm học các môn Ngữ văn, Toán, Khoa học tự nhiên, Khoa học xã hội, Giáo dục công dân, Công nghệ - Tin học ứng dụng; điểm trung bình cả năm môn Tiếng Anh: Đạt 5 điểm trở lên. Kết quả đánh giá định kì hoạt động giáo dục (Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục): Đạt yêu cầu.

- Tổng hợp đánh giá cuối năm học đối với tất cả các môn học, hoạt động giáo dục: Hoàn thành; Mức độ hình thành và phát triển năng lực: Đạt; Mức độ hình thành và phát triển phẩm chất: Đạt.

2. Đối với học sinh chưa hoàn thành chương trình lớp học, hiệu trưởng phân công giáo viên lập kế hoạch, trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ từng học sinh; đánh giá bổ sung để xét hoàn thành chương trình lớp học vào đầu năm học mới.

3. Đối với những học sinh đã được giáo viên trực tiếp hướng dẫn và giúp đỡ mà vẫn chưa đạt một trong các điều kiện quy định tại điểm 1 mục này, tùy theo mức độ chưa hoàn thành ở các môn học, hoạt động giáo dục, bài kiểm tra định kì, mức độ hình thành và phát triển một số năng lực, phẩm chất, giáo viên lập danh sách báo cáo hiệu trưởng xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Đối với những học sinh có nội dung chưa hoàn thành trong kết quả học tập, cần rèn luyện thêm về phẩm chất hoặc còn hạn chế về năng lực thì vào đầu năm học mới được bàn giao cho giáo viên lớp mới để được tiếp tục giúp đỡ tiến bộ.

4. Kết quả xét hoàn thành chương trình lớp học được ghi vào học bạ.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VIỆC ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1.1. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện đánh giá học sinh; khen thưởng học sinh; báo cáo kết quả thực hiện về phòng Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh; xét hoàn thành chương trình lớp học, cấp học; xét lên lớp; duyệt kết quả đánh giá học sinh cuối năm học; quản lí học bạ trong thời gian học sinh học ở trường.

1.3. Tiếp nhận, giải quyết ý kiến thắc mắc, đề nghị của học sinh, cha mẹ học sinh về nhận xét, đánh giá, khen thưởng theo phạm vi và quyền hạn của hiệu trưởng.

1.4. Hướng dẫn giáo viên sử dụng mẫu học bạ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trách nhiệm của giáo viên

2.1. Giáo viên chủ nhiệm:

a) Chịu trách nhiệm chính, phối hợp giáo viên bộ môn trong việc đánh giá kết quả học tập, phẩm chất, năng lực của học sinh; hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định; tổng hợp đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học sinh;

b) Có trách nhiệm thông báo đánh giá quá trình học tập, rèn luyện và kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh cuối học kì I, cuối năm học hoặc khi được yêu cầu; không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm còn hạn chế của học sinh; duy trì mối liên hệ với cha mẹ học sinh để phối hợp giáo dục học sinh.

2.2. Giáo viên bộ môn:

a) Chịu trách nhiệm đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh đối với môn học/hoạt động giáo dục theo quy định;

b) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy cùng lớp, cha mẹ học sinh lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ học sinh học tập, rèn luyện đối với môn học và hoạt động giáo dục;

c) Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp đánh giá quá trình học tập, phẩm chất, năng lực và kết quả học tập của học sinh, hoàn thành hồ sơ đánh giá học sinh.

E. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN VÀ THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN MẠNG “TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI”

I. TỔ CHỨC SINH HOẠT CHUYÊN MÔN

1. Mục tiêu sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Sinh hoạt chuyên môn là hoạt động thường xuyên của nhà trường và là một trong những hình thức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực sư phạm cho giáo viên, giúp giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, hình thức và phương pháp dạy học cho phù hợp với từng đối tượng học sinh của lớp/trường mình.

Sinh hoạt chuyên môn ở các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới được thực hiện tại trường và cụm trường. Mục tiêu của sinh hoạt chuyên môn nhằm:

1. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên.
2. Đổi mới nhận thức về mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng dạy học tích cực, hướng vào hoạt động học của học sinh, góp phần phát triển năng lực cho mọi học sinh.
3. Giúp giáo viên nắm vững quan điểm, phương pháp, kỹ thuật dạy học, chủ động điều chỉnh tài liệu Hướng dẫn học cho phù hợp với đối tượng học sinh, vùng miền và quá trình tổ chức hoạt động học tập.
4. Xây dựng và phát triển quan hệ đồng nghiệp thân thiện, tôn trọng theo hướng hợp tác, hỗ trợ và dân chủ; đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho mọi giáo viên.
5. Phát triển quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng, đảm bảo cơ hội cho gia đình và cộng đồng tham gia vào quá trình học tập của học sinh.

2. Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở thực hiện mô hình trường học mới

Nội dung sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới bao gồm sinh hoạt chuyên môn thường xuyên và sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề.

2.1. Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên

Sinh hoạt chuyên môn thường xuyên được tổ chức định kỳ 2 lần/tháng theo điều lệ nhà trường, theo định hướng sau:

- Thảo luận các nội dung chuyên môn có liên quan giữa hai lần sinh hoạt chuyên môn định kỳ. Nội dung sinh hoạt chuyên môn phải cụ thể, thiết thực và do chính giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đề xuất, thống nhất và quyết tâm thực hiện;

- Thảo luận các bài sắp dạy trong tài liệu Hướng dẫn học; thống nhất những nội dung điều chỉnh tài liệu, làm cho tài liệu dạy học phù hợp với đặc điểm của học sinh, phù hợp với địa phương; nâng cao năng lực sư phạm, năng lực nghề nghiệp cho giáo viên; hoàn thiện tài liệu thử nghiệm.

- Thảo luận và thực hiện sắp xếp các dụng cụ học tập (có sẵn/tự làm) để bổ sung hoặc thay thế các dụng cụ học tập trong góc học tập và góc cộng đồng;

- Trao đổi kinh nghiệm tổ chức các hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tự quản của học sinh;

- Trao đổi kinh nghiệm đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh;

- Các hoạt động hành chính khác trong nội dung hoạt động của tổ chuyên môn được tiến hành theo quy định của điều lệ nhà trường.

2.2. Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề được tổ chức theo kế hoạch của tháng, học kỳ hoặc cả năm, bao gồm các nội dung:

+ Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị bài dạy; tổ chức dạy học và dự giờ; phân tích thảo luận và đánh giá bài dạy minh họa của giáo viên theo hướng phân tích hoạt động học tập của học sinh; cùng suy ngẫm và vận dụng để hướng dẫn hoạt động học của học sinh...

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học sinh; thảo luận và biên soạn các phiếu đánh giá, hồ sơ kiểm tra đánh giá học sinh;

+ Tổ chức tham quan, tìm hiểu thực tế dạy học tại các trường trên phạm vi huyện, tỉnh, cả nước;

+ Tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể về các chủ đề liên quan tới chuyên môn, nghiệp vụ,...

- Quy trình triển khai sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề:

Để tổ chức một hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề có hiệu quả, cần phải thiết kế được các hoạt động một cách khoa học. Đây là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với việc xây dựng kế hoạch dạy học trước khi lên lớp. Cụ thể, yêu cầu thiết kế một hoạt động gồm các bước sau:

Bước 1: Chuẩn bị

- Các buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề cần có công tác chuẩn bị và phân công rõ ràng công việc cho các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn:

- + Dự kiến nội dung công việc, hình dung được tiến trình hoạt động.
- + Dự kiến những phương tiện cần thiết cho hoạt động.
- + Dự kiến nhiệm vụ cho từng đối tượng, thời gian hoàn thành nhiệm vụ.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng dự kiến những việc sẽ làm để thể hiện sự tương tác tích cực các thành viên trong tổ/nhóm. Để làm được việc này đòi hỏi mỗi giáo viên và tổ trưởng chuyên môn phải có kỹ năng làm việc nhóm.

Bước 2: Điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Lựa chọn thời gian và tiến hành đúng theo thời gian đã chọn.

- Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn điều hành buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề: nêu rõ mục tiêu buổi sinh hoạt, công bố chương trình, cách triển khai, định hướng thảo luận; nêu rõ nguyên tắc làm việc.

- Các thành viên báo cáo nội dung chủ đề đã được phân công.

- Tổ trưởng chuyên môn tổ chức cho các thành viên thảo luận, phát biểu ý kiến; chia nhỏ vấn đề thảo luận bằng việc sử dụng những câu hỏi dẫn dắt hợp lý; lắng nghe, tôn trọng các ý kiến phát biểu.

Bước 3. Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề

- Kết thúc buổi sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề, tổ trưởng chuyên môn phải đưa ra được các kết luận cần thiết, phương hướng triển khai vận dụng kết quả của buổi sinh hoạt đó trong thực tế giảng dạy.

- Đối với các trường qui mô nhỏ, giáo viên mỗi bộ môn ít, nên đẩy mạnh hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề với qui mô cụm trường để trao đổi học thuật, nâng cao năng lực chuyên môn theo yêu cầu.

Như vậy, sinh hoạt chuyên môn trong mô hình trường học mới gắn với quá trình giáo viên hướng dẫn học sinh học tập, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, tìm phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

Sinh hoạt chuyên môn tại các trường trung học cơ sở theo mô hình trường học mới, giáo viên tập trung phân tích các vấn đề liên quan đến người học, như: Học sinh học như thế nào? Học sinh đang gặp khó khăn gì trong học tập? Nội dung và phương pháp dạy học có phù hợp, có gây hứng thú cho học sinh không? Kết quả học tập của học sinh có được cải thiện không? Cần điều chỉnh điều gì và điều chỉnh như thế nào?...

Trong dự giờ sinh hoạt chuyên môn, người dự không tập trung vào quan sát việc giảng dạy của giáo viên để đánh giá, xếp loại giờ học mà quan sát việc học tập của học sinh, ghi lại những minh chứng để giúp giáo viên tìm ra nguyên nhân tại sao học sinh học chưa đạt kết quả như mong muốn, nhất là những học sinh có khó khăn về học tập. Từ đó, giúp giáo viên chủ động điều chỉnh nội dung, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, tạo cơ hội cho mọi học sinh tham gia vào quá trình học tập để nâng cao chất lượng dạy học.

3. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

3.1. Khái niệm sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường (còn gọi là sinh hoạt chuyên môn liên trường) là hình thức tập trung giáo viên, cán bộ quản lý của các trường có khoảng cách địa lý giữa các trường THCS không quá xa, tới một trường THCS để cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn về nội dung, phương pháp và hình thức dạy học, đánh giá học sinh và công tác quản lý các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường có mức độ cao hơn, rộng hơn so với nội dung sinh hoạt chuyên môn định kỳ tại các trường. Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường đề cập tới các vấn đề mang tính tổng kết, đánh giá của các trường; những vấn đề đặt ra đòi hỏi phải có sự phối hợp, tháo gỡ từ nhiều giáo viên, từ nhiều trường học hoặc từ các giáo viên cốt cán, chuyên gia giáo dục giỏi ở địa phương và trung ương.

Cơ chế sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là tự nguyện, do các trường đứng ra tự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ có tính thiết thực, mang lại lợi ích cho chính bản thân các trường cùng tham gia sinh hoạt. Thời gian, địa điểm, chi phí và nội dung sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường trong cụm thỏa thuận và thống nhất trong kế hoạch hành động. Tuy nhiên, do tính chất và tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, các sở/phòng giáo dục và đào tạo có thể quan tâm hướng dẫn, coi đó là biện pháp hiệu quả để bồi dưỡng cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục; đồng thời có thể khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ thường xuyên, mọi mặt cho sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường.

3.2. Tác dụng của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường mang lại tác dụng trên nhiều mặt:

- Tạo nên mạng lưới bồi dưỡng giáo viên năng động và hiệu quả, sát với nhu cầu của giáo viên và yêu cầu của các trường trong cụm.
- Xây dựng được đội ngũ giáo viên cốt cán có năng lực chuyên môn và nghiệp vụ cho các trường trong từng khu vực và cả địa phương.
- Tạo nên sự gắn kết giữa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giữa các trường có điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa tương đồng...

Sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường là một hoạt động tăng cường khả năng phát triển chuyên môn của giáo viên, có tác động trực tiếp đến việc dạy học và công tác quản lý giáo dục của các trường trong cụm, đồng thời khuyến khích giáo viên nhìn lại quá trình dạy học và tự đánh giá về năng lực nghề nghiệp của mình. Thông qua nghiên cứu sáng kiến và khoa học sư phạm ứng dụng, giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao năng lực giải quyết vấn đề và đưa ra các quyết định về chuyên môn một cách chính xác, thiết thực; đổi mới tư duy của giáo viên theo yêu cầu của mô hình trường học mới. Trong thực tế, chính giáo viên đã đưa ra giải pháp có thể tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường, luân phiên tại các điểm trường để mọi giáo viên có cơ hội hiểu biết, chia sẻ kinh nghiệm, cán bộ quản lý có cơ hội nắm bắt hiểu biết sâu hơn tình hình chất lượng, những khó khăn của giáo viên và học sinh tại các điểm trường để có kế hoạch hỗ trợ...

3.3. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường

a) Báo cáo toàn diện hay một vấn đề đặc trưng của mỗi trường về kết quả triển khai mô hình trường học mới cấp THCS

Nội dung báo cáo bao gồm:

- Những ứng dụng có được trong quá trình giảng dạy qua hoạt động của hội đồng tự quản học sinh, qua các không gian và tài liệu học tập như: góc học tập, góc cộng đồng, thư viện lớp học và bản đồ cộng đồng vào môn học và hoạt động giáo dục đã thực hiện trong thời gian vừa qua.
- Những ví dụ thực tế, những bài học kinh nghiệm về sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cộng đồng trong thời gian vừa qua.
- Tổ chức và điều hành nhóm học tập.
- Chia sẻ kinh nghiệm quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình học tập; kỹ thuật ghi chép để đánh giá quá trình học tập của học sinh.

- Chia sẻ các biện pháp hỗ trợ học sinh vượt qua khó khăn trong quá trình học tập; những kinh nghiệm trong việc đánh giá sản phẩm học tập của học sinh...

b) Báo cáo kết quả nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng

Các sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng chủ yếu đề cập đến việc điều chỉnh nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học và hướng dẫn hoạt động giáo dục hoặc những chủ đề chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm liên quan trực tiếp tới mô hình trường học mới. Nội dung các báo cáo được viết dưới dạng một đề tài về nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hoặc đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng, có thể cấu trúc theo ba phần cơ bản sau:

- *Trải nghiệm qua dạy học*: Qua thực tế dạy học, giáo viên quan sát, tìm hiểu học sinh và đặt các câu hỏi:

- + Vì sao hoạt động/nội dung này không thu hút học sinh tham gia?
- + Vì sao kết quả học tập của học sinh sụt giảm khi thực hiện hoạt động hai học nội dung này?
- + Kỹ thuật/phương pháp này có nâng cao kết quả học tập của học sinh không?
- + Có cách nào tốt hơn để thay đổi nhận thức của cha mẹ học sinh về giáo dục trong nhà trường không?

Từ đó, xác định nguyên nhân gây ra thực trạng và chọn một hoặc vài nguyên nhân để tiến hành nghiên cứu, tìm sáng kiến để tác động thay đổi thực trạng.

- *Thử nghiệm trực tiếp tại các trường*: Thử nghiệm sáng kiến, giải pháp thay thế trong lớp/trường học.

- *Kiểm chứng kết quả sáng kiến trong quá trình thực tế dạy học*: Tìm xem sáng kiến, giải pháp thay thế có hiệu quả hay không và hiệu quả được khẳng định qua những minh chứng cụ thể nào.

Việc thực hiện theo cấu trúc ba phần cơ bản trên giúp giáo viên phát hiện được các vấn đề mới, làm cho bài học của thầy và trò cuốn hút và hiệu quả hơn. Các sáng kiến, giải pháp do chính giáo viên nghiên cứu và được điều chỉnh từ mô hình trường học mới hoặc có thể từ mô hình nhà trường truyền thống. Không nên chọn những nội dung để nghiên cứu sáng kiến kinh nghiệm hay đề tài nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng mà không liên quan trực tiếp đến quá trình dạy học hàng ngày của giáo viên.

c) Tham quan lớp học kiểu mẫu của mô hình trường học mới

Chọn lớp tốt nhất, thành công nhất ở địa điểm tổ chức sinh hoạt cụm trường để các đại biểu tới sinh hoạt chuyên môn được tham quan trải nghiệm thực tế. Nên dành thời gian để giáo viên chia sẻ với nhau về những khó khăn tương tự, trao đổi ý tưởng, thực hành và trải nghiệm, áp dụng những cách tiếp cận mới, từ đó thấy được những thành công và khả năng tồn tại khác.

Các đại biểu cũng được giới thiệu và tìm hiểu cách làm các công cụ hỗ trợ học tập, các thiết bị và đồ dùng dạy học do giáo viên, học sinh và cộng đồng tự làm bằng nguyên vật liệu được dùng lại hoặc sẵn có ở địa phương.

Các đại biểu cũng có thể gặp đại diện cha mẹ học sinh, cộng đồng để trao đổi cách làm, cách học từ cuộc sống hằng ngày tại cộng đồng. Ngược lại, cộng đồng cũng báo cáo học được gì từ nhà trường và đã thay đổi gia đình và cộng đồng như thế nào.

d) Chuẩn bị kế hoạch cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo

Việc xây dựng kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường cho lần tổ chức sinh hoạt tiếp theo là quan trọng và cần thiết. Các trường trong cụm cần thống nhất được những nội dung cụ thể cho lần sinh hoạt tiếp theo và có kế hoạch chuẩn bị; phân công hết sức cụ thể cho từng tập thể, cá nhân chuẩn bị các nội dung liên quan và các điều kiện cần thiết để lần sinh hoạt cụm tiếp theo đem lại hiệu quả cao.

Kế hoạch sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường phải luôn luôn khả thi vì các hoạt động của sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường do các trường tự xây dựng theo yêu cầu, mục đích thiết thực và phải đem lại lợi ích cụ thể cho từng trường. Do vị trí địa lý của các trường tham gia sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường gần nhau nên giáo viên và cán bộ quản lý có thể đi lại bằng phương tiện cá nhân, tiết kiệm được thời gian lưu trú khi tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn.

II. THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN TRÊN "TRƯỜNG HỌC KẾT NỐI"

1. Hướng dẫn sử dụng "Nghị vụ trường học"

1.1. Tài khoản cấp trường

Tóm tắt Hướng dẫn Tài khoản cấp trường:

Bước 1: Đăng nhập

Bước 2: Khai báo thông tin trường

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Khai báo thông tin chung**”.

Khai báo Tên trường, địa chỉ trường.

Ấn nút “**Đồng ý**” để xác định khai báo.

Bước 3: Khai báo thông tin cá nhân TK trường

Đổi mật khẩu.

Đổi tên tài khoản.

Khai báo thông tin.

Upload ảnh đại diện của trường.

Bước 4: Quản lý giáo viên

Bước 5: Quản lý lớp học

Bước 6: Quản lý học sinh

Bước 7: Phân công giảng dạy và sắp xếp thời khóa biểu

Bước 8: Theo dõi hoạt động Sinh hoạt chuyên môn

a) Khai báo thông tin chung



LƯU Ý QUAN TRỌNG: Lần đăng nhập đầu tiên, trường phổ thông phải khai báo để khởi tạo không gian riêng trong mục “**Khai báo thông tin chung**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN KHỞI TẠO CỦA TRƯỜNG

Tên trường	THPT Hai Bà Trưng
Tỉnh/thành phố	Hà Nội
Quận/huyện	Hai Bà Trưng
Số nhà, đường phố, xã	254 - Minh Khai <i>*Lưu ý: Chỉ nhập số nhà, đường phố, xã.</i>
Địa chỉ	254 - Minh Khai - Hai Bà Trưng - Hà Nội

[Đồng ý](#)

Trong trang này, phải khai báo đầy đủ thông tin: Loại trường (THPT/THCS), Tên trường (Ví dụ: Hai Bà Trưng), Địa chỉ của trường,...

Sau khi khai báo thông tin của trường, nếu phát hiện sai sót, có thể chỉnh sửa lại bằng cách chọn nút “**Chỉnh sửa**”.

KHAI BÁO THÔNG TIN

Mã trường: THA.98.00001

Tên trường: Toàn học

Địa chỉ: 136 Xuân Thủy - Cầu Giấy - Hà Nội

[Chỉnh sửa](#)
[Trở lại](#)

b) Quản lý giáo viên

- Quản lý danh sách giáo viên:

Để truy cập không gian quản lý giáo viên, quý thầy/cô chọn nút “**Quản lý giáo viên**” trên thanh menu ngang.

Danh sách thông tin giáo viên của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin khai báo của giáo viên như họ tên, học hàm, học vị, ngày sinh, chuyên môn, chức vụ, địa chỉ, thông tin liên lạc...

Có thể chọn nút “**Xem lịch dạy**” tương ứng với mỗi giáo viên để xem thời khóa biểu do nhà trường phân công giảng dạy cho giáo viên đó (tính năng này sẽ được trình bày cụ thể hơn ở mục 3.4.).

- Tạo tài khoản cho giáo viên:

Để tạo tài khoản cho giáo viên, chọn nút “**Tạo TK GV**” trong không gian quản lý giáo viên.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Quản lý giáo viên > Tạo tài khoản giáo viên

TẠO TÀI KHOẢN GIÁO VIÊN

Số TK giáo viên tối đa: 100. Còn lại: 81 TK.

Tài khoản

Mật khẩu

Họ và tên

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này. Tuy nhiên, người dùng có thể yêu cầu thay đổi một chuỗi mật khẩu khác bằng cách kích chuột vào “**Sinh mật khẩu**”.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, người dùng cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho giáo viên. Nếu không thực hiện bước copy này, người dùng sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp người dùng quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày ở dưới đây để khắc phục.

Người dùng cần lưu ý số hạn ngạch tài khoản giáo viên do Sở GD&ĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, hãy liên lạc với quản trị cấp Sở để được tăng số hạn ngạch.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **GV.00109.020** với mật khẩu truy cập **JgC8oxNd**).

- Đổi mật khẩu cho giáo viên:

Trường hợp khi tạo tài khoản giáo viên không lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, giáo viên quên mật khẩu truy cập, quản

trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho giáo viên bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên của trường.

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với giáo viên.

1	 Th.S. Nguyễn Xuân Trung (Xem lịch dạy)	Mã GV: GV.00109.001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 01/12/1976 Chuyên môn: Vật lý Chức vụ: Phó Hiệu trưởng	Điện thoại: 0913568506 Email: trungthptbnd@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
Mật khẩu mới: EGOrmus6 Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu					

Hãy lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho giáo viên.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản giáo viên.

Có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản giáo viên đó.

- Xóa tài khoản giáo viên:

Để xóa tài khoản giáo viên không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với giáo viên trong danh sách giáo viên.

Sau khi xóa, tài khoản giáo viên đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản giáo viên, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa như trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản giáo viên:

Để khôi phục lại các tài khoản giáo viên đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục GV**” trong không gian quản lý giáo viên. Danh sách tài khoản giáo viên đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên. Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng với giáo viên để khôi phục lại tài khoản. Sau khi được khôi phục, tài khoản giáo viên đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

c) **Quản lý lớp học**

Để truy cập không gian “**Quản lý lớp học**”, chọn mục “**Quản lý lớp học**” trên thanh menu ngang.

- Tạo lớp học mới:

Chọn nút “**Tạo lớp học**” để vào không gian tạo một lớp học mới.

Điền các thông tin cơ bản của lớp học:



Tên lớp: ví dụ, muốn tạo lớp 12A5, chọn lớp 12 và gõ A5 vào ô bên cạnh.

Mô tả: mô tả chung về lớp học (sĩ số, thành tích lớp học,...).

Hình ảnh minh họa: hình ảnh hiển thị cho lớp học (có thể là hình ảnh tập thể của lớp).

Số học sinh: sĩ số của lớp học.

Giáo viên chủ nhiệm: lựa chọn giáo viên chủ nhiệm cho lớp học trong số giáo viên trong trường.

Lựa chọn lớp học theo trường học mới (nếu cần). Lưu ý: chỉ có những trường thí điểm theo mô hình trường học mới mới có tính năng này. Các lớp học trường học mới sẽ có không gian quản trị điểm số khác so với các lớp học thường.

Cuối cùng, chọn nút “**Đồng ý**” để tạo một lớp học mới.

- Tạo tài khoản học sinh theo đơn vị lớp:

Sau khi tạo lớp học thành công, lớp học mới sẽ hiển thị trong danh sách ở mục “**Quản lý lớp học**”.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đông (Toán)	Chi tiết	32	Tạo tài khoản HS	Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------	-----	-----

Để tạo tài khoản cho học sinh theo đơn vị lớp, chọn nút “**Tạo tài khoản học sinh**” tương ứng với lớp học.

Sau khi tạo thành công, các file định dạng excel và pdf chứa danh sách tài khoản và mật khẩu sẽ hiện ra tương ứng với lớp học.

11	12A5	TS. Phạm Đức Đông (Toán)	Chi tiết	32	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
----	------	--------------------------	----------	----	------------------------------	---	---	-----	-----

Có thể download các danh sách trên về và gửi cho lớp học.

*** Lưu ý:** nếu số hạn ngạch tài khoản học sinh của trường còn ít hơn số học sinh của lớp thì sẽ không thể tạo được tài khoản học sinh cho lớp học đó.

- Chỉnh sửa lớp học:

Trong quá trình tạo lớp học, nếu có sai sót, có thể chỉnh sửa lại thông tin của lớp học bằng cách chọn nút “**Sửa**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp của trường. Không gian chỉnh sửa lớp học sẽ hiện ra tương tự như không gian tạo lớp học. Sau khi chỉnh sửa lại các thông tin cần thiết, ấn nút “**Đồng ý**” để xác nhận chỉnh sửa.

*** Lưu ý:** số lớp chỉ có thể thay đổi khi chưa tạo tài khoản học sinh theo danh sách lớp. Trong trường hợp đã tạo tài khoản cho học sinh nhưng vẫn muốn chỉnh sửa số lớp học thì có thể vận dụng các chức năng sẽ được trình bày ở dưới đây để thực hiện.

- Xóa lớp học: Các lớp học đã được tạo có thể được xóa bỏ bằng cách chọn nút “**Xóa**” tương ứng với lớp học đó.

*** Lưu ý:** với các lớp học đã được tạo học sinh, sau khi lớp học bị xóa, học sinh thuộc lớp học đó sẽ được chuyển thành “**học sinh tự do**” (học sinh không thuộc lớp học nào). Khi đó có thể sử dụng các tính năng khác để gán những học sinh đó vào một lớp học khác.





- Quản lý thông tin từng lớp học:

+ *Xem danh sách lớp:* Để xem danh sách lớp, chọn “**Xem chi tiết**” tương ứng với lớp học trong danh sách lớp học của trường.

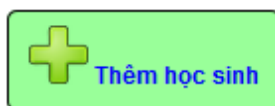
#	Lớp	Giáo viên chủ nhiệm	TKB	Sĩ số	DS lớp	Excel	PDF	Sửa	Xóa
1	6A	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lí)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
2	3N	TS. Nguyễn Thị Thanh Bình (Tiếng Nga)	Chi tiết	8	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
3	12B	ThS. Nguyễn Xuân Trung (Vật lí)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
4	12A	CN. Nguyễn Thị Thanh Hà (Khoa học tự nhiên)	Chi tiết	45	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
5	12A	CN. Trần Thị Sơn (Vật lí)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa
6	12test	CN. Trần Thị Sơn (Vật lí)	Chi tiết	30	Xem chi tiết			Sửa	Xóa

Danh sách thông tin học sinh của lớp học đó sẽ hiện ra với các thông tin cơ bản mà học sinh khai báo như mã học sinh, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...

* Danh sách có 32 học sinh.
 1 2 3 4 5 6 7 Số lượng hiển thị: 10

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
1	 HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
2	 HS.00109.00302	Mã HS: HS.00109.00302 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
3	 HS.00109.00303	Mã HS: HS.00109.00303 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
4	 HS.00109.00304	Mã HS: HS.00109.00304 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa

+ *Thêm học sinh vào lớp*: có thể thêm các học sinh tự do (học sinh đang không thuộc lớp nào) vào lớp học bằng cách chọn nút “**Thêm học sinh**” trong không gian quản trị của lớp học.



Danh sách học sinh tự do của trường sẽ hiện ra.

GÁN HỌC SINH VÀO LỚP 12A5
 Danh sách học sinh tự do (10)


Chọn tất cả | Xóa tất cả
 1 Số lượng hiển thị: 10

#	MÃ HS	Họ tên	Giới tính	Ngày sinh	Trạng thái
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00271				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00272				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00273				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00274				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00275				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00276				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00277				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00278				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00279				Xóa lớp
<input type="checkbox"/>	HS.00109.00280				Xóa lớp

Tích chọn các học sinh muốn gán vào lớp rồi ấn nút “**Gán học sinh**”.

+ *Chuyển trạng thái học sinh (thôi học, đuổi học, bảo lưu)*: Trong quá trình học tập, học sinh có thể bị đuổi học, xin thôi học hay xin bảo lưu kết quả học tập, nhà

trường có thể chuyển trạng thái của học sinh đó thành “thôi học”, “đuôi học”, “bảo lưu” bằng cách chọn nút “**Chọn trạng thái**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của lớp.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	<input type="button" value="Chọn trạng thái"/>	<input type="button" value="Chuyển lớp"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn nút tương ứng với trạng thái muốn chuyển thành của học sinh.


1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	<input type="button" value="Chọn trạng thái"/>	<input type="button" value="Chuyển lớp"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
<input type="button" value="Thôi học"/> <input type="button" value="Đuôi học"/> <input type="button" value="Bảo lưu"/>						

Sau khi đã chuyển trạng thái, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

+ *Chuyển lớp cho học sinh*: có thể chuyển học sinh từ lớp học này sang lớp học khác bằng cách chọn nút “**Chuyển lớp**” tương ứng với mỗi học sinh.


1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	<input type="button" value="Chọn trạng thái"/>	<input type="button" value="Chuyển lớp"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Chọn lớp học muốn chuyển tới rồi ấn nút “**Chuyển**”.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	<input type="button" value="Chọn trạng thái"/>	<input type="button" value="Chuyển lớp"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
<input type="text" value="12B"/> <input type="button" value="Chuyển"/>						

Thông tin của học sinh được chuyển đi sẽ được hiển thị trong danh sách của lớp chuyển tới.

+ *Xóa học sinh*: Để xóa học sinh, chọn nút “**Xóa**” tương ứng.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	<input type="button" value="Chọn trạng thái"/>	<input type="button" value="Chuyển lớp"/>	<input type="button" value="Xóa"/>
---	---	--	-----------------------------------	--	---	------------------------------------

Sẽ có hai lựa chọn xóa được hiển thị.

1	 NO PHOTO HS.00109.00301	Mã HS: HS.00109.00301 Giới tính: Ngày sinh: Lớp: 12A5	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Chọn trạng thái	Chuyển lớp	Xóa
Xóa khỏi lớp Xóa						

“**Xóa khỏi lớp**” : xóa học sinh này ra khỏi danh sách lớp học, nếu chọn nút này, học sinh đó sẽ chuyển thành học sinh tự do (không thuộc lớp nào) và có thể gán học sinh đó vào một lớp học khác.

“**Xóa**” : xóa hẳn tài khoản học sinh, nếu chọn nút này, tài khoản học sinh đó sẽ bị xóa và không thể truy cập được nữa. Tuy nhiên, trong trường hợp xóa nhầm vẫn có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

d) Quản lý học sinh

- Quản lý danh sách học sinh: Để truy cập không gian quản lý học sinh, chọn nút “**Quản lý học sinh**” trên thanh menu ngang. Danh sách thông tin học sinh của nhà trường sẽ hiện ra bao gồm các thông tin của học sinh như họ tên, ngày sinh, lớp học, địa chỉ...

- Tạo tài khoản cho học sinh: Để tạo tài khoản cho học sinh, chọn nút “**Tạo TK học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Trang chủ > Không gian trường học > Quản lý trường > Quản lý học sinh > Tạo tài khoản học sinh

Số TK học sinh tối đa: 500. Còn lại: 168 TK.

Tài khoản:

Mật khẩu:

Tạo tài khoản

Hai mục “**Tài khoản**” và “**Mật khẩu**” có dữ liệu do hệ thống tự động sinh ra, người dùng **KHÔNG** có quyền sửa chữa trực tiếp hai mục này.

LƯU Ý QUAN TRỌNG: Trước khi kích chuột vào nút “**Đồng ý**”, cần copy dữ liệu ở hai mục này lại trước để gửi cho học sinh. Nếu không thực hiện bước copy này, sẽ không thể nhớ được dữ liệu của tài khoản vừa được tạo ra. Tuy nhiên, trong trường hợp quên không thực hiện thao tác này thì có thể sử dụng tính năng sẽ được trình bày dưới đây để khắc phục.


Số lượng tài khoản học sinh do sở GDĐT cấp cho mỗi trường, nếu số tài khoản còn lại là 0, cần liên lạc với quản trị cấp sở để được tăng số lượng.

Sau khi ấn nút “**Đồng ý**”, hệ thống sẽ tạo ra một tài khoản mới (ví dụ trong trường hợp này là tài khoản có tên truy cập **học sinh.00109.00333** với mật khẩu truy cập **IfV4N31h**).

- **Đổi mật khẩu cho học sinh:** Trong trường hợp khi tạo tài khoản học sinh quên lưu lại thông tin khởi tạo (đặc biệt là mật khẩu truy cập) hoặc trong quá trình sử dụng, học sinh quên mật khẩu truy cập, quản trị nhà trường có thể cấp lại một mật khẩu truy cập mới cho học sinh bằng cách chọn “**Đổi mật khẩu**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh của trường.

1	 Đỗ Xuân Đông	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bái Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	---	--	---------------------	-----

Khung thay đổi mật khẩu sẽ hiện ra bên dưới tương ứng với học sinh

1	 Đỗ Xuân Đông	Mã HS: HS.00109.00001 Giới tính: Nam Ngày sinh: 16/01/1971 Lớp: 6A	Điện thoại: 0905990003 Email: binhminh@hnue.edu.vn Địa chỉ: Bái Thượng - Đoàn Bái - Hiệp Hòa - Bắc Giang	Đổi mật khẩu	Xóa
<p>Mật khẩu mới: gbcVlvqB Sinh mật khẩu Đổi mật khẩu</p>					

Lưu lại mật khẩu trong khung trắng để gửi lại cho học sinh.

LƯU Ý: mật khẩu hiển thị ở đây là một chuỗi mật khẩu **HOÀN TOÀN MỚI** chứ không phải mật khẩu cũ của tài khoản học sinh, có thể yêu cầu một chuỗi mật khẩu mới nếu chuỗi hiện tại có các kí tự dễ nhầm lẫn bằng cách chọn nút “**Sinh mật khẩu**”.

Cuối cùng, hãy ấn vào nút “**Đổi mật khẩu**” để xác nhận thay đổi mật khẩu cho tài khoản học sinh đó.

- **Xóa tài khoản học sinh:** Để xóa tài khoản học sinh không dùng tới, chọn nút “**Xóa**” tương ứng với học sinh trong danh sách học sinh.

2	 Nguyễn Mai Lan	Mã HS: HS.00109.00002 Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Lớp: 6A	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com Địa chỉ: Xóm 35 - Xuân Hồng - Xuân Trường - Nam Định	Đổi mật khẩu	Xóa
---	---	--	---	---------------------	------------

Sau khi xóa, tài khoản học sinh đó sẽ không thể truy cập được nữa.

Trong trường hợp xóa nhầm tài khoản học sinh, chúng ta có thể khôi phục lại trong vòng 10 ngày kể từ ngày xóa bằng tính năng sẽ được trình bày dưới đây.

- Khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa: Để khôi phục tài khoản học sinh đã bị xóa, chọn mục “**Khôi phục học sinh**” trong không gian quản lý học sinh.

Danh sách tài khoản đã bị xóa trong vòng 10 ngày trở lại sẽ hiện lên.

KHÔI PHỤC TÀI KHOẢN HỌC SINH				
<i>* Danh sách có 1 học sinh.</i>				
1 Số lượng hiển thị: 10				
Mã HS	Thông tin	Điện thoại/Email	Ngày xóa	Khôi phục
 HS.00109.00002	Họ tên: Nguyễn Mai Lan Giới tính: Nữ Ngày sinh: 01/01/2002 Trạng thái:	Điện thoại: 903990066 Email: lan@gmail.com	10:38 13/03/2015	Khôi phục

Chọn nút “**Khôi phục**” tương ứng để khôi phục lại tài khoản.

Sau khi được khôi phục, tài khoản học sinh đó sẽ có thể truy cập và sử dụng lại bình thường.

e) Sắp xếp thời khóa biểu

Nhiệm vụ sắp xếp thời khóa biểu nhà trường được xây dựng trong mục “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

LƯU Ý: cần lưu ý thao tác đầu tiên trước khi sử dụng các tính năng được trình bày trong mục này là điều khiển trạng thái học kì của trường mình. Trạng thái này sẽ ảnh hưởng tới thông tin được tạo ra khi sử dụng các tính năng liên quan đến thời khóa biểu của nhà trường.

Để điều khiển trạng thái học kì của trường mình, thực hiện như sau:

Chọn “**Thời khóa biểu**” trên thanh menu ngang.

[Trang chủ](#) > [Không gian trường học](#) > [Quản lý trường](#) > [Phân công giảng dạy](#)

PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

NĂM HỌC 2014 - 2015
Học kì:

Trong khung điều khiển “**Học kì**”, hãy chọn học kì tương ứng với thời gian hiện tại.

- Phân công giáo viên giảng dạy: Trước khi tiến hành sắp xếp thời khóa biểu, cần phân công các giáo viên giảng dạy cho từng lớp học muốn xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

#	Môn học	Giáo viên
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán) ✕
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý) ✕
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh) ✕
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn) ✕
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕
9	Công nghệ	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
10	GDCD	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
11	Mỹ thuật	
12	GDQPAN	

Giáo viên

Huân (Toán)	Nga (Toán)
Trang (Toán)	Trung (Toán)
Tuấn (Toán)	An (Toán)
Vương (Toán)	Ý (Toán)
Thuật (Toán)	Đào (Toán)

1 2 3 4 5 6 7 8 9

Hãy chọn lớp học muốn phân công giáo viên giảng dạy.

Nhập giáo viên muốn phân công giảng dạy trong khung “**Giáo viên**” và thả vào bảng tương ứng với môn học.

Ấn nút “**Ghi lại**” để xác nhận.

Nếu thả nhầm hoặc muốn xóa giáo viên đã được phân công giảng dạy, chọn nút “**X**” tương ứng với giáo viên đó để xóa đi và ấn nút “**Ghi lại**” để lưu lại thông tin.

- Sắp xếp thời khóa biểu: Sau khi hoàn thành phân công giảng dạy, chúng ta có thể tiến hành sắp xếp thời khóa biểu.

Chọn mục “**Sắp xếp thời khóa biểu**” trong không gian thời khóa biểu để truy cập không gian sắp xếp thời khóa biểu.

CHỌN LỚP: 10A1

Thứ	Tiết	Sáng	Giáo viên	Chiều	Giáo viên
	1	Chào cờ ✕		Sinh ✕	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh) ✕
	2	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Sử ✕	Trịnh Ngọc Thu (Sử) ✕
2	3	Toán ✕	Phạm Thị Nga (Toán) ✕	Địa ✕	Đỗ Thị Kim Dung (Địa) ✕
	4	Lý ✕	Đặng Văn Phiên (Lý) ✕	Công nghệ ✕	Trần Hữu Anh (Công nghệ) ✕
	5	Hóa ✕	Phan Thị Thủy Hương (Hóa) ✕	GDCD ✕	Phạm Minh Lương (GDCD) ✕
	1	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
	2	Toán ✕	Nguyễn Văn Thanh (Tin) ✕		
3	3				
	4				
	5				
	1				
	2				

THỐNG KÊ

Môn	Số tiết
Chào cờ	1
Toán	1
Sinh	1
Sử	1
Địa	1
Công nghệ	1
Hóa	1
GDCD	1
Tin	0
Địa	0
Tin	0
Mỹ thuật	1
GDQPAN	1
Tiếng Anh	1
Thể dục	1
Nhạc	1
KHTN	1
KHXH	1

Môn học

Chào cờ	Toán
Hóa	Sinh
Sử	Địa
Công nghệ	GDCD
GDQPAN	Tiếng Anh
Nhạc	KHTN

Giáo viên

Thanh (Tin)	Nga (Toán)
Phiên (Lý)	Hương (Hóa)
Anh (Sinh)	Nhung (Văn)
Thu (Sử)	Dung (Địa)
Anh (CN)	Lương (GDCD)

1 2

Đầu tiên, hãy chọn lớp muốn xếp thời khóa biểu trước.

Hãy nhập các môn học trong khung “**Môn học**” và thả vào ô tương ứng trong bảng (tiết, thứ, buổi), nhập các giáo viên trong khung “**Giáo viên**” và thả vào ô tương ứng với môn học.

*Lưu ý: chỉ có các giáo viên đã được phân công giảng dạy trong lớp đang xếp thời khóa biểu mới hiển thị trong khung “**Giáo viên**”.*

Nếu thả nhầm, có thể chọn nút “**X**” tương ứng để xóa đi và làm lại.

Cuối cùng, hãy ấn nút “**Ghi lại**” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Hệ thống hiển thị khung “**Thông kê**” ở bên phải để có thể xem thông kê sơ bộ số tiết tương ứng với các môn học của lớp học đó, tiện cho việc kiểm soát và sắp xếp thời khóa biểu.

- Xem thời khóa biểu toàn trường: Sau khi sắp xếp thời khóa biểu cho các lớp học, có thể xem lại thời khóa biểu tổng thể của nhà trường bằng cách chọn mục “**Thời khóa biểu toàn trường**” trong không gian thời khóa biểu.

Thứ	Tiết	10A1	10A2	10B1	10B2	10B3	10B4	10B5	10B6	10B7	10B8	10B9	11A1	11A2	11B1	11B2	11B3
	1	Chào cờ	Sinh														
	2	Toán	Sinh														
2	3	Toán	Sử														
	4	Lý	Địa														
	5	Lý	Tiếng Anh														
	1																
	2																
3	3																
	4																
	5																

f) Tiếp nhận hồ sơ học sinh/giáo viên chuyển tới

Học sinh/giáo viên xin chuyển trường, chuyển công tác tới sẽ được hiển thị trong mục “**Xin chuyển đến**”. Quản trị trường cần xác nhận yêu cầu chuyển đó thì học sinh/giáo viên xin chuyển tới mới có thể thuộc quyền quản lý của trường mình.

Chọn nút “**Tiếp nhận**” để xác nhận yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Sau khi tiếp nhận, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên sẽ được chuyển về trường mới.

Chọn nút “**Hủy bỏ**” để hủy bỏ yêu cầu chuyển trường của học sinh/giáo viên. Khi đó, yêu cầu xin chuyển trường của học sinh/giáo viên sẽ bị hủy bỏ, quyền quản lý thông tin của học sinh/giáo viên đó vẫn thuộc về trường cũ.

1.2. Tài khoản giáo viên

a) Quản lý danh sách lớp chủ nhiệm và lớp giảng dạy

Trong “**Không gian trường học**”, chọn mục “**Danh sách lớp**” trên thanh menu bên phải. Danh sách các lớp chủ nhiệm và các lớp được phân công giảng dạy sẽ hiện ra.

DANH SÁCH LỚP

Trường:

Năm học: **2014 - 2015**

1. Danh sách lớp chủ nhiệm

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
13GiaoVien	83	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	<input type="button" value="Xem danh sách lớp"/>
13GVChauThanh	84	ThS. Nguyễn Văn Thanh (Tin học)	<input type="button" value="Xem danh sách lớp"/>

2. Danh sách lớp giảng dạy

Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Xem danh sách
10A2	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	<input type="button" value="Xem danh sách lớp"/>
10A1 (VNEN)	31	CN. Bùi Thị Thanh Huân (Toán)	<input type="button" value="Xem danh sách lớp"/>

Để xem danh sách học sinh của lớp, chọn nút “**Xem danh sách lớp**” tương ứng.

b) Quản lý điểm

- Nhập điểm và nhận xét cho học sinh:

Để chấm điểm và nhận xét cho các lớp giảng dạy, truy cập mục “**Quản lý điểm**” trong “**Không gian trường học**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp:

Nhận xét:

HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
HÃY CHỌN LỚP TRƯỚC						

Đầu tiên, hãy chọn lớp để vào điểm. Danh sách học sinh sẽ hiện ra.

Trang chủ > Không gian trường học > Không gian quản lý điểm của giáo viên

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đia) | Nhận xét: Bật Tắt

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)	10 10 10 4.5	8 8 9 8	10 9 2.5 3.5		9.2
2	Phạm Đức Đông (HS.02753.00395)	8 7 1.5	8	6 5 5.5		6.8
3						
4						
5						
6						
7						
8						

0 0.5
1 1.5
2 2.5
3 3.5
4 4.5
5 5.5
6 6.5
7 7.5
8 8.5
9 9.5
10 NX

Để vào điểm, chọn điểm tương ứng và kéo thả vào các ô tương ứng (Hệ số 1,2,3 ..) với mỗi học sinh. Khi cho điểm, lưu ý lựa chọn “**Nhận xét**”.

Nếu “**Bật**”: với mỗi điểm số, cần cho một nhận xét tương ứng.

Ví dụ khi cho điểm với trạng thái nhận xét bật:

KHÔNG GIAN QUẢN LÝ ĐIỂM CỦA GIÁO VIÊN

Chọn lớp: 10A2 (Đia) | Nhận xét: Bật Tắt

#	Học sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Hệ số 3	Khác	TBM
1	Nguyễn Hùng Chính (HS.02753.00394)					9.2
2	Phạm Đức Đông (HS.02753.00395)					6.8
3						
4						
5						
6						

Nhận xét
Nhận xét: Bài chưa tốt!
Đồng ý Hủy

0 0.5
1 1.5
2 2.5
3 3.5
4 4.5
5 5.5
6 6.5
7 7.5
8 8.5
9 9.5

Hộp thoại nhận xét hiện lên, gõ lời nhận xét sau đó ấn nút “**Đồng ý**”.

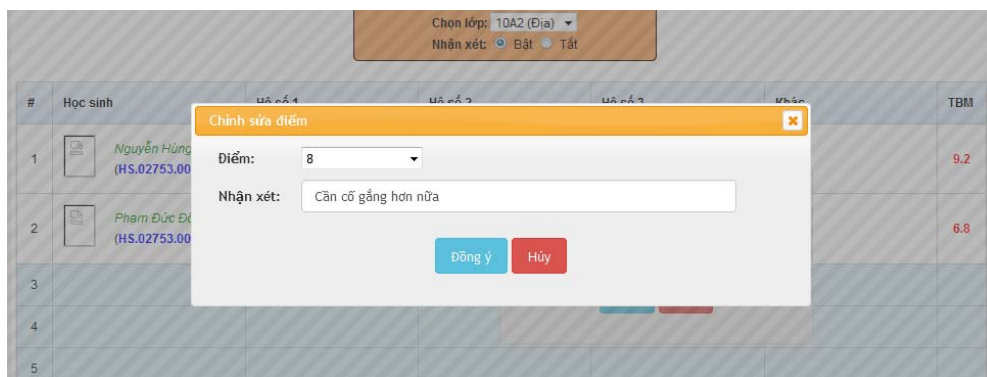
Nếu “**Tắt**”: chỉ cho điểm, không có nhận xét.

Sau khi cho điểm, có thể chỉnh sửa hoặc xóa điểm số đã cho bằng cách ấn vào điểm tương ứng.

Hệ số 2	Hệ số 3	Khác
8 8 9 8	10 9 2.5 3.5	4.5
8		

Chi tiết
Điểm: 8
Nhận xét: Căn cố gắng hơn nữa
Sửa Xóa

Để sửa điểm số hoặc lời nhận xét, chọn nút “Sửa”. Khung chỉnh sửa sẽ hiện lên.



Chỉnh sửa điểm và nhận xét rồi ấn nút “Đồng ý”.

Để xóa điểm số, chọn nút “Xóa”.

Sau khi hoàn thành việc cho điểm và nhận xét, ấn nút “Ghi lại” ở cuối trang để lưu lại thông tin.

Lưu ý: Dành cho các lớp học theo Mô hình trường học mới

Các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ có không gian quản lý điểm khác so với các lớp học bình thường (hình dưới).

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN				
#	Học sinh	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Cao Hoàng Ân (HS.02753.00199)	10 10 9	10 10 NX	9.5
2	Lê Đình Phương Anh (HS.02753.00200)			
3	Nguyễn Hải Anh (HS.02753.00201)	10		
4	Đường Trúc Duyên (HS.02753.00202)			
5	Đoàn Ngọc Thiên Đạt (HS.02753.00203)			
6	Lê Tuấn Anh Hải (HS.02753.00204)			
	Lê Thị Ngọc Hân			

Đánh giá học sinh trong các lớp học theo mô hình trường học mới sẽ được chia thành hai mục chính:

Đánh giá thường xuyên: đánh giá quá trình học tập, rèn luyện của học sinh, được thực hiện theo tiến trình nội dung của các môn học và hoạt động giáo dục, trong đó có quá trình vận dụng kiến thức, kỹ năng ở nhà trường, gia đình và cộng đồng. Đánh giá Biểu hiện về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các

phong trào, các hoạt động giáo dục. Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, những điều cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có).

Đánh giá định kì kết quả học tập cuối học kì, cuối năm học.

- Tổng kết môn: Sau khi hoàn thiện điểm số trong học kì cho học sinh, có thể tính điểm tổng kết cho học sinh bằng cách chọn nút “**Tổng kết môn**” ở cuối trang. Điểm số này được tính tự động theo điểm số trong 3 mục Hệ số 1, hệ số 2 và hệ số 3.

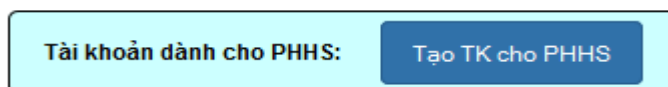
c) Trao đổi giữa giáo viên và cha mẹ học sinh

Để truy cập không gian trao đổi giữa giáo viên và phụ huynh học sinh, kích chuột vào tên lớp trong “**Danh sách lớp**”.

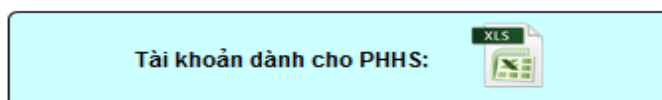


- Giáo viên chủ nhiệm tạo tài khoản cho cha mẹ học sinh

Để sinh tài khoản cho phụ huynh học sinh, “**Giáo viên chủ nhiệm**” chọn nút “**Tạo TK cho PH học sinh**” trong không gian trao đổi.



Sau khi tạo tài khoản cho phụ huynh học sinh, một file định dạng excel sẽ được hệ thống tạo ra lưu trữ thông tin danh sách tài khoản và mật khẩu truy cập của phụ huynh. “**Giáo viên chủ nhiệm**” tải file này xuống và gửi tới cha mẹ học sinh tương ứng trong danh sách.



Ngoài ra, có thể lựa chọn tạo từng tài khoản CM học sinh tương ứng với mỗi học sinh thay vì tạo theo danh sách lớp (ví dụ trong trường hợp có học sinh mới chuyển tới mà chưa cho CM học sinh kèm theo) bằng cách chọn nút “**Tạo tài khoản PH học sinh**” tương ứng với mỗi học sinh.

1		Mã HS: HS.02753.01248 Giới tính: Ngày sinh:	Điện thoại: Email: Địa chỉ:	Xem chi tiết	Tạo tài khoản PHHS
---	--	--	-----------------------------------	------------------------------	------------------------------------

- Trao đổi cá nhân giữa giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh học sinh:

Để trao đổi cá nhân với mỗi phụ huynh học sinh, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi vị phụ huynh.

#	Họ tên	Thông tin cơ bản	Thông tin liên lạc	Kết quả học tập	Trao đổi với PHHS
1	 Cao Hoàng Ân	Mã HS: HS.02753.00199 Giới tính: Nam Ngày sinh: 10/11/1999	Điện thoại: 0643827361 Email: caohoangan1999@gmail.com Địa chỉ: 31 Hùng Vương - Phước Hưng - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu	Xem chi tiết	Phạm Văn Đức Điện thoại: 012345678 Email: profdongphd@gmail.com Trao đổi 

Để khởi tạo một chủ đề thảo luận mới với phụ huynh học sinh, gõ nội dung vào khung soạn thảo, sau đó ấn nút “**Gửi**”.

Trang chủ > Không gian trường học > Danh sách lớp học > Lớp 10A1 > Trao đổi với phụ huynh em: Cao Hoàng Ân

 NO PHOTO HS.02753.00199	Họ và tên: Cao Hoàng Ân Trường: THPT Châu Thành Lớp: 10A1 Kết quả học tập: Xem chi tiết
---	--

Phụ huynh học sinh: Ông. Phạm Văn Đức (Tel: 012345678)

 Gắn đây em Ân học rất tốt, thưa bác!

CHƯA CÓ TRAO ĐỔI NÀO

***Lưu ý:** thảo luận trong mục này là thảo luận cá nhân giữa giáo viên và phụ huynh của một học sinh cụ thể.*

- Thảo luận chung giữa các giáo viên và phụ huynh học sinh: Trong không gian trao đổi của mỗi lớp học, không gian “**Thảo luận chung**” là nơi trao đổi giữa tất cả các giáo viên đang giảng dạy lớp học đó và phụ huynh của học sinh. Để truy cập không gian “**Thảo luận chung**”, chọn nút “**Thảo luận chung**” trên thanh menu ngang. Thao tác tạo chủ đề thảo luận và trả lời một chủ đề tương tự như phần trao đổi cá nhân đã trình bày ở trên.

***Lưu ý:** các thảo luận trong mục này tất cả giáo viên và phụ huynh học sinh trong lớp học đều có thể xem và tham gia thảo luận.*

d) Tổ chức dạy học cho học sinh

Tạo bài học mới: Mô đun “**Quản lý bài học**” cho phép giáo viên: tạo một bài học hoặc chủ đề mới; chỉnh sửa lại bài học; xóa bài học; quản lý danh sách các bài học.


- Khi tạo một bài học hoặc một chủ đề mới, giáo viên cần đặt tiêu đề, chỉ rõ lĩnh vực (môn học), mô tả cụ thể chủ đề hoặc yêu cầu hoạt động cho học sinh, đặt phạm vi cho phép truy cập bài học (dành cho đối tượng nào).

- Sau khi tạo xong, giáo viên có thể upload thêm tài liệu tham khảo, giúp học sinh thuận lợi hơn trong việc tiến hành các hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

- Theo dõi quá trình đăng kí học và xác nhận đăng kí cho học sinh:

Sau khi giáo viên tạo ra bài học mới, những học sinh thuộc phạm vi cho phép sẽ có quyền đăng kí theo học. Tùy vào khóa học/chủ đề, giáo viên có thể yêu cầu học sinh làm việc cá nhân hoặc theo nhóm.

Đối với từng khóa học, giáo viên có thể theo dõi quá trình đăng kí học của học sinh, của từng nhóm học sinh:

DANH SÁCH CÁC NHÓM ĐĂNG KÝ KHÓA HỌC		THẮC MẮC CỦA HỌC SINH		THÔNG BÁO CHUNG		
STT	Nhóm	Thành viên	Sản phẩm	Quyền sửa	Điểm	Xác nhận
1.	Nhóm học sinh số 1	1. Học sinh 1 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 2			10	
2.	Nhóm 2	1. Học sinh 3 (Nhóm trưởng) 2. Học sinh 4			19	
Chọn tất cả Xóa tất cả						
Đồng ý						

Trong mục này, giáo viên có công cụ để cho phép, hoặc không cho phép học sinh/nhóm học sinh nào đó tham gia khóa học/chủ đề.

Khi giáo viên xác nhận đủ điều kiện tham gia, các học sinh/nhóm học sinh mới có quyền truy cập đến các dữ liệu khác của khóa học/chủ đề.

- Điều khiển quá trình học tập: Ra thông báo chung cho cả lớp các hoạt động, gợi ý hoặc chỉ dẫn,... trong mục “**THÔNG BÁO CHUNG**”; trả lời thắc mắc, hỗ trợ, gợi ý học sinh. Khi học sinh đặt câu hỏi, giáo viên có thể trao đổi trực tiếp trên hệ thống trong mục “**THẮC MẮC CỦA HỌC SINH**”.

- Quản lí nhóm và sản phẩm nhóm: Trong hình trên, giáo viên có thể nhìn thấy sản phẩm mà học sinh/nhóm học sinh đã upload lên. Giáo viên có thể download xuống để đọc và cho điểm.

- Chấm điểm cho sản phẩm: Sau khi đọc xong và cho điểm, giáo viên có công cụ để nhập điểm vào hệ thống để thông báo cho học sinh/nhóm học sinh.

e) Xin chuyển công tác

Học sinh/giáo viên có quyền xin chuyển sang một trường khác bằng các thao tác được mô tả dưới đây.

Trong “**Không gian trường học**”, chọn “**Xin chuyển trường**”.

Chọn trường muốn chuyển tới theo trình tự: chọn tỉnh → chọn huyện → chọn trường.

XIN CHUYỂN TRƯỜNG

1. Chọn trường chuyển tới.

Chọn tỉnh:	Bà Rịa - Vũng Tàu ✕
Chọn quận/huyện:	Bà Rịa ✕
Chọn trường:	THPT Châu Thành

2. Xác nhận xin chuyển trường.

[Xin chuyển trường](#)

Ấn nút “**Xin chuyển trường**” để xác nhận.

Sau khi xác nhận thành công, thông tin chuyển trường của học sinh/ giáo viên sẽ được gửi tới trường chuyển đến, học sinh/giáo viên chờ quản trị trường chuyển tới đồng ý thì học sinh/giáo viên đó sẽ do trường chuyển tới quản lý.

XIN CHUYỂN TRƯỜNG

Bạn đã xin chuyển đến:

Trường:	THPT Châu Thành
Địa chỉ:	Đường 27/4 - Bà Rịa - Bà Rịa - Bà Rịa - Vũng Tàu

[Hủy bỏ](#)

Học sinh/giáo viên có thể hủy bỏ lệnh xin chuyển trường trước khi trường chuyển tới đồng ý cho chuyển bằng cách chọn nút “**Hủy bỏ**”.

f) Tổ chức sinh hoạt chuyên môn

Các khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn của giáo viên được đặt trong mục “**Sinh hoạt chuyên môn**”. Khi đã đăng nhập bằng tài khoản cá nhân, giáo viên có thể lựa chọn khóa học/bài học theo môn học/hoạt động giáo dục, lớp, giáo viên; đăng kí tham gia các khóa học/bài học và thực hiện các hoạt động học theo hướng dẫn.

Giáo viên sẽ nhìn thấy danh sách những khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn do Bộ GDĐT hoặc sở GDĐT tạo ra. Kích chuột vào tiêu đề của khóa học/chủ đề, giáo viên sẽ xem được mô tả tổng thể của khóa học/chủ đề.

Quy trình tổ chức nhóm sinh hoạt chuyên môn trên hệ thống như sau:

- Bước 1: Tổ trưởng đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.
- Bước 2: Các thành viên trong tổ/nhóm trao đổi, thảo luận trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Bước 3: Tổ trưởng tập hợp, biên tập lại sản phẩm và nộp lên hệ thống.

Thao tác kỹ thuật:

Bước 1: Tổ trưởng chuyên môn đăng ký tham gia và tổ chức nhóm.

Tìm hiểu mục đích - yêu cầu của khóa học/chủ đề sinh hoạt chuyên môn trước khi đăng kí tham gia.

Tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn có trách nhiệm đăng kí tham gia và làm nhóm trưởng, sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn để thực hiện theo nhóm. Quy trình đăng kí như sau:

- Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
 - + Chọn “**Sinh hoạt chuyên môn**”.
 - + Chọn “**Lĩnh vực**” (VD: Toán).
 - + Chọn “**Lớp**” (VD: 12).
 - + Chọn chủ đề sinh hoạt chuyên môn.
- Đăng ký tham gia.


Trong không gian của chủ đề chuyên môn, chọn nút “**Đăng ký**”.

Lưu ý: người đầu tiên đăng ký sẽ tự động là nhóm trưởng, các giáo viên khác trong trường muốn tham gia chủ đề này buộc phải được người này mời vào nhóm chứ không thể đăng ký được nhóm mới. Do đó, tốt nhất tổ trưởng chuyên môn nên là người đầu tiên đăng ký tham gia cho tổ/nhóm của mình.

- Mời thành viên.
 - + Chọn nút “**Thêm thành viên**”.
 - + Không gian tìm kiếm và thêm thành viên sẽ hiện ra.

Tìm kiếm giáo viên để thêm vào nhóm

-- Chọn bộ môn --

	<p>Tài khoản: ttson</p> <p>Họ và tên: Trần Thị Sơn</p> <p>Chuyên môn: Vật lí</p> <p>Điện thoại: 0913563341</p> <p>Email: thanhhdhsphn@yahoo.com</p>	<input type="button" value="Thêm thành viên"/>
---	---	--

Lưu ý: có thể tìm kiếm giáo viên bằng các cách tìm kiếm theo chuyên môn, theo mã giáo viên (VD: GV.00012.001) hoặc theo tên giáo viên.

+ Sau khi tìm kiếm, danh sách các giáo viên thỏa mãn điều kiện tìm kiếm sẽ hiện ra. Lựa chọn và ấn nút “**Thêm thành viên**” tương ứng với mỗi giáo viên để thêm vào nhóm.

Ghi chú: Sau khi đăng kí, có thể xem được thông tin về các thành viên trong nhóm bằng cách kích vào nút “**Thông tin nhóm**”. Danh sách nhóm sẽ hiện ra như dưới đây. Tổ trưởng có quyền xóa giáo viên (nếu thêm nhầm) hoặc thêm các thành viên khác vào nhóm.

ĐĂNG KÝ THAM GIA KHÓA HỌC

1. Tên nhóm

2. Thành viên trong nhóm

<input checked="" type="checkbox"/>		<p>Tài khoản: nxtrung</p> <p>Họ và tên: Nguyễn Xuân Trung (Nhóm trưởng)</p> <p>Chuyên môn: Vật lí</p> <p>Điện thoại: 0913568506</p> <p>Email: trungthpbtd@gmail.com</p>
<input checked="" type="checkbox"/>		<p>Tài khoản: ttson</p> <p>Họ và tên: Trần Thị Sơn</p> <p>Chuyên môn: Vật lí</p> <p>Điện thoại: 0913563341</p> <p>Email: thanhhdhsphn@yahoo.com</p>

Bước 2: Tham gia trao đổi trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn.

- “**Hoạt động – Thông báo**”: khu vực trao đổi của giáo viên toàn quốc (chỉ có thể tham gia trao đổi khi Bộ Giáo dục và Đào tạo phát động một nội dung trao đổi nào đó trong chủ đề sinh hoạt chuyên môn).

Sau khi đã đăng kí thành công, giáo viên bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ học tập/sinh hoạt chuyên môn. Trong quá trình học tập/sinh hoạt chuyên môn, giáo viên cần thường xuyên xem thông báo chung của khóa học/chủ đề. Giáo viên sẽ nhận được thông báo trong mục "**Hoạt động - Thông báo**". Giáo viên có quyền đặt câu hỏi để trao đổi lại với giảng viên/ban tổ chức. Lưu ý rằng, trong thông báo chung, mọi giáo viên tham gia khóa học/chủ đề đều có thể đọc được thông tin.

- "**Trao đổi nhóm**": Thảo luận trong nhóm: Các thành viên trong nhóm có thể thảo luận trực tuyến. Những trao đổi này sẽ được giảng viên/ban tổ chức nhìn thấy, tham gia và hỗ trợ cũng như điều hành hoạt động của nhóm.

- "**Hỏi & đáp**": Đặt câu hỏi cho giảng viên/ban tổ chức và thảo luận: Để gửi câu hỏi và trao đổi giảng viên/ban tổ chức, giáo viên vào mục "**Hỏi & Đáp**" và upload câu hỏi lên hệ thống. Giảng viên/ban tổ chức sẽ nhận được câu hỏi và trao đổi riêng với từng giáo viên.

Thao tác kỹ thuật:

Trong không gian trao đổi của mỗi mục trên, thao tác như sau:

- + Gõ nội dung trao đổi.
- + Đính kèm file (nếu cần) bằng cách chọn nút "**BROWSE**".
- + Ấn nút "**Gửi**".

Bước 3: Tổ trưởng chuyên môn nộp sản phẩm

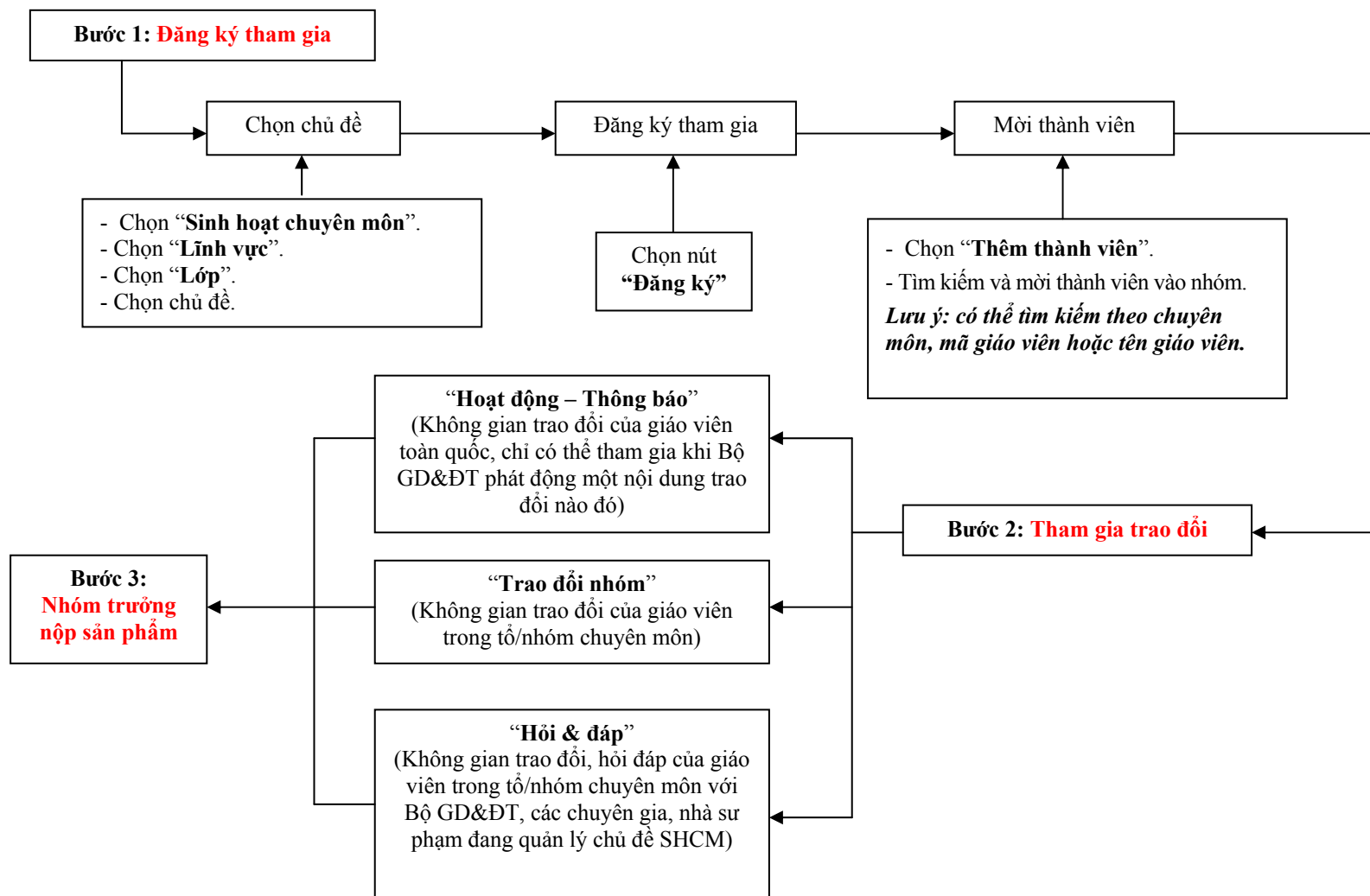
Sau quá trình làm việc, tổ trưởng/nhóm trưởng chuyên môn hoàn thành sản phẩm của mình, đại diện cho nhóm gửi sản phẩm cho giảng viên/ban tổ chức trong mục "**Sản phẩm - Kết quả**".

Trong không gian nộp sản phẩm, thao tác như sau:

- + Đính kèm file bằng cách chọn nút "**BROWSE**".
- + Ấn nút "**Gửi**".

Lưu ý: chỉ có nhóm trưởng mới có quyền nộp sản phẩm.

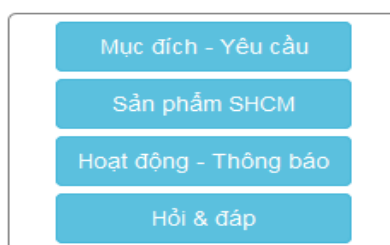
Sản phẩm này sau khi nộp lên hệ thống, các cấp quản lý từ nhà trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ nhìn thấy, theo dõi và đánh giá kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong phạm vi quản lý của mình.



1.3. Quyền chuyên gia

Với mục đích hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn của các trường phổ thông trên toàn quốc thực hiện hoạt động sinh hoạt chuyên môn theo Công văn 5555/BGDĐT-GDTrH kí ngày 08/10/2014, Bộ GD&ĐT chỉ đạo xây dựng và tổ chức **Quyền chuyên gia** trên Trường học kết nối. Quyền chuyên gia được cấp cho các nhà khoa học và các nhân tố điển hình ở khắp mọi miền để kết nối với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua hệ thống trực tuyến. Những chuyên gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định sẽ có quyền xem tất cả các sản phẩm của các tổ/nhóm chuyên môn do chuyên gia đó phụ trách, đồng thời, các chuyên gia có thể trao đổi trực tuyến với các tổ/nhóm chuyên môn thông qua mục **Hỏi&Đáp** của Trường học kết nối.

Trong “**Sinh hoạt chuyên môn**”, chọn “**Quản lý SHCM**”, sau đó lựa chọn một chủ đề cụ thể. Quyền chuyên gia sẽ có các chức năng sau:




- Chọn “**Sản phẩm SHCM**” để theo dõi kết quả Sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm chuyên môn trong toàn quốc, trong phạm vi chuyên môn của mình.

HK1.1. Vật lí 12. Năm học 2014-2015
Ngày bắt đầu đăng ký: 04/10/2014 Ngày hết hạn đăng ký: 03/11/2015 Giáo viên: Bộ Giáo dục và Đào tạo Lĩnh vực: Vật lí

DANH SÁCH TỔ / NHÓM CHUYÊN MÔN

Loại dữ liệu:
Tỉnh: -- Chọn tỉnh --
Quận/huyện: Vui lòng chọn tỉnh trước
Trường: -- Vui lòng chọn huyện trước --

* Danh sách có 248 Tổ / nhóm chuyên môn
« Trước 1 2 3 4 5 ... 13 Sau » Số lượng hiển thị: 20

STT	Tổ / nhóm chuyên môn	Thành viên	Sản phẩm
1	(Tin học) THPT GDTRH-GDTX 94 Quang Trung - Hải Dương - Hải Dương	1. Đỗ Văn Hào (Tổ / nhóm trưởng)	
2	(Vật lí) TTGD TX Tỉnh Phòng GDCN-GD TX Ngõ 185-Phường Hoàng Văn Thụ - TP Thái Nguyên - Thái Nguyên	1. Nguyễn Ngọc Hưng (Tổ / nhóm trưởng) 2. Bùi Thái An 3. Lương Thị Mai Hương 4. Nguyễn Văn Khiêm	

Bảng thống kê kết quả sinh hoạt chuyên môn của các tổ/nhóm trong chủ đề sẽ hiện ra. Cột “**Tổ/nhóm chuyên môn**” hiển thị thông tin cơ bản về đơn vị công tác, địa chỉ nơi công tác của mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Thành viên**” hiển thị danh sách các thành viên trong mỗi tổ/nhóm chuyên môn. Cột “**Sản phẩm**” hiển thị sản phẩm sinh hoạt chuyên môn của mỗi tổ nhóm. Nếu tổ/nhóm nào đã nộp sản phẩm, chuyên gia có thể download sản phẩm đó.

- Chọn “**Hoạt động – Thông báo**”: Tham gia trao đổi chuyên môn với giáo viên toàn quốc.

- Chọn “**Hỏi & đáp**”: Tham gia giải đáp, trả lời các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên toàn quốc trong quá trình sinh hoạt chuyên môn trong phạm vi chuyên môn của mình.

Danh sách các câu hỏi, thắc mắc của giáo viên sẽ hiện ra. Chuyên gia có thể sử dụng bộ lọc ở trên để tìm kiếm, trao đổi tới từng trường trong toàn quốc.

Để tham gia trao đổi, giải đáp với các tổ/nhóm chuyên môn, chọn “**Chi tiết**” tương ứng với mỗi chủ đề câu hỏi của giáo viên.

Chuyên gia có thể trao đổi bằng cách gõ nội dung vào ô nhập dữ liệu hoặc bằng file dữ liệu (nếu cần) bằng cách chọn nút “**BROWSE**”.

1.4. Tài khoản cha mẹ học sinh

Cha mẹ học sinh sau khi được giáo viên chủ nhiệm chuyển giao tài khoản và mật khẩu có thể truy cập hệ thống, xem kết quả học tập của con em mình và tham gia trao đổi, thảo luận với các giáo viên đang giảng dạy con em mình. Để truy cập không gian dành cho phụ huynh học sinh, chọn mục “**Không gian trường học**”.

LỚP HỌC THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VIỆT NAM - VNEN

NO PHOTO

HS.02753.00199

Họ và tên: Cao Hoàng Ân

Trường: THPT Châu Thành

Lớp: 10A1

Kết quả học tập: Xem chi tiết

Giáo viên chủ nhiệm: Bùi Thị Thanh Huân (Trao đổi (1))

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiên (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Văn Anh (Sinh)	Trao đổi

Để xem kết quả học tập của con em mình, chọn nút “**Xem chi tiết**” tương ứng với mục “**Kết quả học tập**”.

THÔNG TIN KẾT QUẢ HỌC TẬP				
HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2014 - 2015				
NO PHOTO HS.02753.00199		Họ và tên:	Cao Hoàng Ân	
		Trường:	THPT Châu Thành	
		Lớp:	10A1	
		Điện thoại:	0643827361	
		Email:	caohoangan1999@gmail.com	
#	Môn học	Biểu hiện nổi bật về sự tiến bộ, mức độ hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực; đạt thành tích nổi bật trong các phong trào, các hoạt động giáo dục.	Những nội dung chưa hoàn thành chương trình, nhiệm vụ cần khắc phục, giúp đỡ, bổ sung, rèn luyện thêm (nếu có)	Đánh giá định kì
1	Toán			
2	Lý			
3	Hóa			
4	Sinh			
5	Văn			
6	Sử			

Để tham gia trao đổi cá nhân với mỗi giáo viên bộ môn hoặc giáo viên chủ nhiệm, chọn nút “**Trao đổi**” tương ứng với mỗi giáo viên trong bảng giáo viên giảng dạy.

#	Môn học	Giáo viên	Trao đổi
1	Toán	Phạm Thị Nga (Toán)	Trao đổi
2	Lý	Đặng Văn Phiến (Lý)	Trao đổi
3	Hóa	Phan Thị Thủy Hương (Hóa)	Trao đổi
4	Sinh	Nguyễn Thị Vân Anh (Sinh)	Trao đổi
5	Văn	Lê Thị Trang Nhung (Văn)	Trao đổi
6	Sử	Trịnh Ngọc Thu (Sử)	Trao đổi
7	Địa	Đỗ Thị Kim Dung (Địa)	Trao đổi
8	Tin	Nguyễn Văn Thanh (Tin)	Trao đổi

Để tham gia thảo luận chung với tất cả giáo viên giảng dạy và các vị phụ huynh khác, chọn nút “**Thảo luận chung**”.

2. Tập huấn triển khai mô hình trường học mới trên mạng

Nội dung tập huấn triển khai mô hình trường học mới đối với lớp 6 trên trang mạng "Trường học kết nối" bao gồm 4 bài học sau như sau:

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn

The screenshot shows a web browser window displaying a school's online portal. The browser's address bar shows the URL: truonghocketnoi.edu.vn/sinh-hoat-chuyen-mon.html?linhvuc=18&lop=6. The page has a green header with navigation tabs: Trang chủ, Công văn, Tin tức, Tài liệu, Không gian trường học, Sinh hoạt chuyên môn, and Cuộc thi. The main content area is titled "DANH SÁCH CÁC KHÓA HỌC/CHỦ ĐỀ" and features a search filter for "Khoa học tự nhiên" and "Lớp: 6". Below the filter, there are two course listings, each with a circular logo of the school and a yellow deadline box indicating "Hạn nộp từ ngày 21/06/2015 đến hết ngày 20/08/2015". The first listing is for "(VNEN6) Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn" and the second is for "(VNEN6) Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa". On the right side, there is a sidebar titled "Thông tin cá nhân" with a user profile picture and name "nxuanthanh", and several buttons: "Thông báo (2)", "Quản lý SHCM", "Các chủ đề đã tham gia", and "Thông báo phản biện". The Windows taskbar at the bottom shows the system tray with the date and time: 12:02 PM, 6/21/2015.

Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở

a) Mục đích, yêu cầu

- Những đặc điểm nổi bật của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở;
- Ý nghĩa của mỗi Hoạt động học (Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng) trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới; Vai trò của giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động học của học sinh;
- Tổ chức lớp học theo mô hình trường học mới và vai trò của Hội đồng tự quản học sinh;
- Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng địa phương trong việc hỗ trợ hoạt động học của học sinh.

The screenshot shows a web browser window with the address bar displaying 'truonghocketnoi.edu.vn/phpsources/gv_dskhoahoc.php?kh=50guMTguMDEuMDAwNTAz'. The page has a green navigation bar with links: Trang chủ, Công văn, Tin tức, Tài liệu, Không gian trường học, Sinh hoạt chuyên môn, and Cuộc thi. The main content area is titled '(VNE6) Bài 1: Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở'. Below the title, it states 'Ngày bắt đầu đăng ký: 21/06/2015. Ngày hết hạn đăng ký: 20/08/2015. Đơn vị quản lý: Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lĩnh vực: Khoa học tự nhiên'. The content is divided into two main sections: 'I. Mục đích, yêu cầu' and 'II. Thực hiện bài học'. The 'Mục đích, yêu cầu' section lists several points, including the importance of the new school model, the role of principals, and the need for parental and community support. The 'Thực hiện bài học' section describes a training process where principals are grouped into teams and assigned as group leaders. A sidebar on the right shows a user profile for 'nxuanthanh' with a photo and buttons for 'Mục đích - Yêu cầu' and 'Đăng ký'.

b) Thực hiện bài học

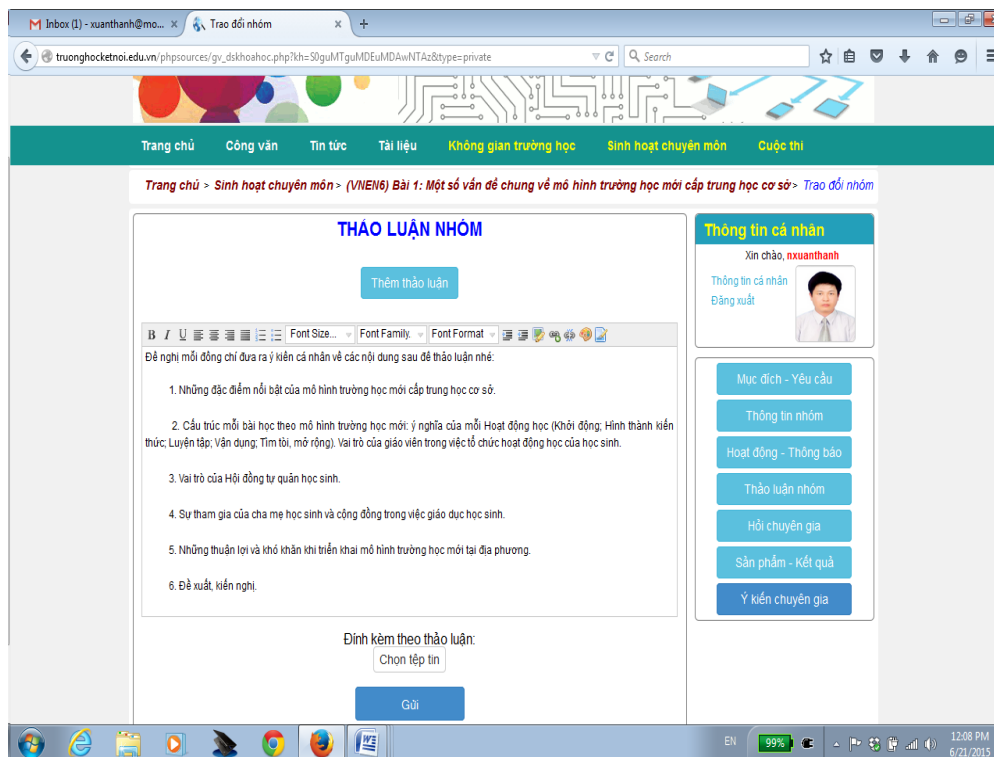
- Ngoài 02 giáo viên cốt cán tham gia tập huấn trực tiếp, mỗi sở Giáo dục và Đào tạo chọn cử thêm 10 giáo viên/môn tham gia triển khai mô hình trường học mới tạo thành 1 nhóm tập huấn trên mạng (xem như 1 tổ/nhóm chuyên môn trong nhà trường). Cử 1 trong 2 giáo viên cốt cán đang dự tập huấn trực tiếp làm nhóm trưởng. Nhóm trưởng đăng nhập vào "Trường học kết nối" bằng tài khoản của mình (Mỗi giáo viên bắt buộc phải có 01 tài khoản do nhà trường cấp từ tháng 11/2014, khai báo đầy đủ thông tin và nộp ảnh thẻ để sinh hoạt chuyên môn qua "Trường học kết nối"); đăng kí vào bài học "**Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở**"; sau đó thêm các thành viên trong tổ/nhóm chuyên môn của mình để tạo thành 01 nhóm tập huấn qua mạng. Nhóm trưởng khởi tạo bài học và chỉ huy cả nhóm (bao gồm các giáo viên đang tham gia tập huấn trực tiếp và các giáo viên tham gia qua "Trường học kết nối" tại địa phương) thảo luận để hoàn thành bài học.

+ Tạo tổ/nhóm sinh hoạt chuyên môn trên mạng:



- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau:

- + Bài phát biểu chỉ đạo của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển;
- + Bài trình bày "Một số vấn đề chung về mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở";
- + Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6.
- + Thảo luận nhóm trên mạng:



+ Hỏi ý kiến chuyên gia qua mạng:



c) Nội báo cáo lên mạng

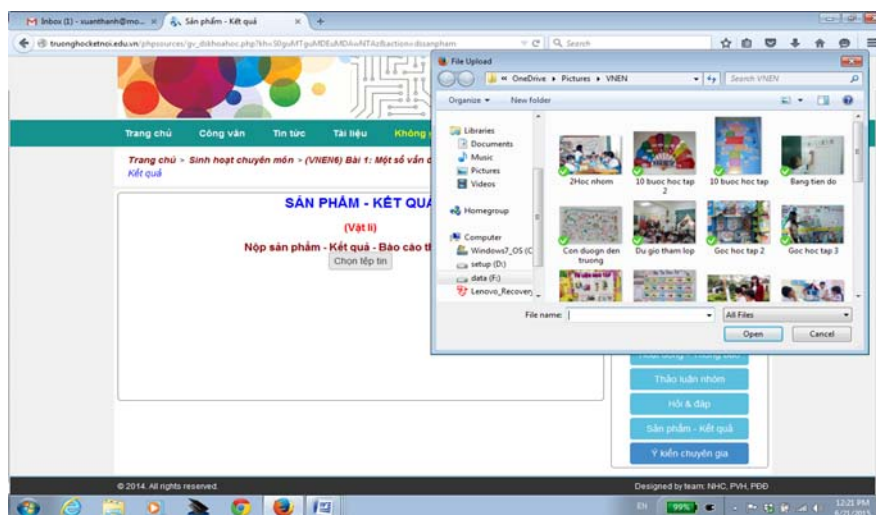
Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Những đặc điểm của mô hình trường học mới cấp trung học cơ sở.
- + Cấu trúc mỗi bài học theo mô hình trường học mới: ý nghĩa của mỗi Hoạt động học. Vai trò của giáo viên trong tổ chức hoạt động học của học sinh.
- + Vai trò của Hội đồng tự quản học sinh.
- + Sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong giáo dục học sinh.
- + Những thuận lợi và khó khăn khi triển khai mô hình trường học mới tại địa phương.
- + Đề xuất, kiến nghị.

- Nội báo cáo lên mạng:



Bài 2: Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Trình bày được tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học thông qua chuỗi Hoạt động học: Khởi động; Hình thành kiến thức; Luyện tập; Vận dụng; Tìm tòi, mở rộng;

- Trình bày được: Mục đích, nội dung, phương thức hoạt động (kỹ thuật học tích cực được sử dụng) và sản phẩm học tập của học sinh trong mỗi Hoạt động học trong bài học;

- Dự kiến được những khó khăn của học sinh khi thực hiện nhiệm vụ học tập và chuẩn bị biện pháp hỗ trợ học sinh;

- Trình bày được phương án kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh trong bài học. Ví dụ: thông qua quan sát hoạt động học của học sinh; thông qua sản phẩm học tập; cho học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau;...

b) Thực hiện bài học

- Tạo nhóm học trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu kế hoạch bài học minh họa**".

- Các học viên nghiên cứu tài liệu sau: Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới lớp 6; Tài liệu Hướng dẫn học lớp 6; Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

c) Nội báo cáo lên mạng

Nội dung báo cáo như sau:

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học, thể hiện qua nội dung, ý nghĩa của từng hoạt động học trong cả chuỗi hoạt động học của bài học.
- + Kỹ thuật học tích cực được sử dụng trong tổ chức mỗi hoạt động học thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học; đề xuất các kỹ thuật dạy học khác có thể được sử dụng phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.
- + Thiết bị dạy học, học liệu được sử dụng trong mỗi hoạt động (nếu có) đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học; Đề xuất những thiết bị dạy học, học liệu có thể thay thế.
- + Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh đã được biên soạn trong tài liệu Hướng dẫn học qua: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; cách quan sát hoạt động học của học sinh, những khó khăn mà học sinh có thể gặp...; các biện pháp giúp học sinh vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ học tập; biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; biện pháp tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận;...
- + Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật ký dạy học...); Đề xuất các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Bài 3: Nghiên cứu video bài học minh họa

a) Mục đích, yêu cầu

- Nâng cao nhận thức về ý nghĩa và cách tổ chức các hoạt động học của học sinh trong mỗi bài học theo mô hình trường học mới;

- Tăng cường năng lực sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học cho cán bộ quản lý, giáo viên;

- Thực hành vận dụng được các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Nghiên cứu video bài học minh họa**";
- + Các học viên nghiên cứu video bài học, vận dụng các tiêu chí phân tích, rút kinh nghiệm bài học theo Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 để phân tích về các hoạt động học.

c) Nộp báo cáo lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung:

- + Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học.
- + Hoạt động của giáo viên: Cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: lời nói; tài liệu, thiết bị dạy học, học liệu; Khả năng quan sát, phát hiện những khó khăn mà học sinh gặp phải trong quá trình hoạt động học; Các biện pháp đã sử dụng giúp học sinh vượt qua khó khăn; Biện pháp theo dõi, giúp đỡ học sinh hoạt động học ở ngoài lớp, ở nhà và cộng đồng; Khả năng tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận về sản phẩm học tập;... Phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh.
- + Hoạt động của học sinh: Khả năng tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học sinh; Mức độ tích cực, chủ động, hợp tác trong các hoạt động học; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập: tính chính xác, sự phù hợp, tiến độ; Khả năng và mức độ tích cực, chủ động trong báo cáo và thảo luận.

Bài 4: Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn (KTĐG?)

a) Mục đích, yêu cầu

- Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học và tài liệu Tập huấn để xây dựng Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học;

- Hoàn thành Kế hoạch dạy học và nộp lên mạng.

b) Thực hiện bài học

- + Tạo nhóm trên mạng như Bài 1, đăng kí vào bài học "**Xây dựng kế hoạch dạy học bộ môn**".

+ Nghiên cứu tài liệu Hướng dẫn học để xây dựng Kế hoạch dạy học.

c) Nộp Kế hoạch dạy học lên mạng

- Thông tin chung: Sở Giáo dục và Đào tạo; Môn học; Nhóm trưởng và các thành viên: Họ và tên; điện thoại; Email.

- Nội dung: Báo cáo chi tiết về Kế hoạch dạy học của bộ môn trong cả năm học.

G. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI THCS

I. TRÁCH NHIỆM CỦA SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các phòng Giáo dục và Đào tạo, trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên các trường tham gia dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới 6, 7 trước khi bắt đầu năm học mới 2015-2016.

- Lựa chọn và xây dựng thành cụm các trường dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới để tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo cụm trường. Cử cán bộ, chuyên viên tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục triển khai mô hình trường học mới của các phòng Giáo dục và Đào tạo; kiểm tra việc thực hiện các văn bản, chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đối với các phòng Giáo dục và Đào tạo và trường THCS trên tinh thần giao quyền chủ động cho các nhà trường trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn các phòng GDDT và các trường THCS định kỳ đánh giá, góp ý các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

- Triển khai và ban hành văn bản đề hướng dẫn, chỉ đạo các trường THCS thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo về dạy học theo mô hình trường học mới trường học mới và các văn bản liên quan.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của các trường THCS tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới .

- Xây dựng kế hoạch giáo dục đối với các trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, trình sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các cơ sở giáo dục tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới 6, 7 thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ/Sở Giáo dục và Đào tạo. Chỉ đạo các trường THCS tham gia góp ý cho các tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo

- Có các biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, nguồn học liệu,... cho các nhà trường tham gia thực nghiệm mô hình trường học mới .

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo sinh hoạt chuyên môn cấp huyện hoặc cụm trường để tạo điều kiện cho các tổ trưởng, nhóm trưởng và giáo viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, cập nhật thông tin về hoạt động dạy và học theo mô hình trường học mới, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết.

- Thường xuyên quản lý, đôn đốc, chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn các trường, cụm trường tham gia mô hình trường học mới trên mạng “Trường học kết nối”, tạo nên hệ thống kết nối trong toàn tỉnh/thành phố.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG

- Triển khai, đôn đốc, kiểm tra giáo viên và các tổ chuyên môn đối với việc thực hiện các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở và phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Phê duyệt kế hoạch giáo dục của tổ, nhóm chuyên môn; xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, trình phòng Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

- Thường xuyên chỉ đạo tổ, nhóm chuyên môn tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động nghiên cứu bài học, điều chỉnh tài liệu khi thấy cần thiết. Tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và giáo viên để triển khai công việc.

- Tổ chức một số buổi sinh hoạt chuyên môn chung cho các trường tham gia dạy thử nghiệm mô hình trường học mới trường học mới, thảo luận, rút kinh nghiệm về việc thực hiện các bài học và hoạt động giáo dục, về đánh giá học sinh trong quá trình dạy học.

- Xây dựng cơ chế động viên giáo viên tự làm thiết bị dạy học; tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục; có các biện pháp để tăng cường sự tham gia của cha mẹ học sinh vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức cho cán bộ và giáo viên tham gia góp ý các loại tài liệu của mô hình trường học mới trường học mới và phản ánh kịp thời về phòng Giáo dục và Đào tạo./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Tự Ân – Mô hình trường học mới tại Việt Nam, hỏi – đáp, NXB Giáo dục Việt Nam
2. Công văn số 7291/BGDĐT-GDTrH ngày 01/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn học 2 buổi/ngày đối với các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông.
3. Công văn số 7162/BGDĐT- GDTrH ngày 10/12/2014 về việc đánh giá kết quả bước đầu thực nghiệm mô hình VNEN cấp THCS.
4. Hướng dẫn số 73/HD-BGDĐT-BVHTTDL ngày 16/01/2013 của liên Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc dạy học thông qua di sản.
5. Công văn số 3535 /BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác.
7. Công văn số số 5555/BGDĐT-GDTrH ngày 08/10/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng.

PHẦN THỨ HAI

TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ MÔN KHTN LỚP 6 THEO MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI

I. VỊ TRÍ, ĐẶC ĐIỂM MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

1. Vị trí của môn Khoa học tự nhiên (KHTN)

Môn KHTN trong nhà trường phổ thông là một trong 8 môn học của chương trình THCS theo mô hình trường học mới Việt Nam. Môn KHTN giúp học sinh có kiến thức về những tri thức khoa học phổ thông cơ bản về các đối tượng trong tự nhiên và đời sống, tập trung vào việc tìm hiểu các khái niệm cơ bản của KHTN. Ngoài ra, môn KHTN cũng có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác như Toán học, Tin học, Công nghệ, Thể dục,...Do đó việc dạy học môn KHTN cần đặt trong mối liên quan tổng thể với các môn học khác.

KHTN là cơ sở của nhiều ngành kỹ thuật và công nghệ quan trọng. Sự phát triển của KHTN gắn bó chặt chẽ và có tác động qua lại, trực tiếp với tiến bộ của kỹ thuật và công nghệ và do vậy có giá trị to lớn trong đời sống và sản xuất. Việc giảng dạy môn KHTN có nhiệm vụ cung cấp cho học sinh trung học một hệ thống kiến thức cơ bản về KHTN ở trình độ phổ thông, bước đầu hình thành cho học sinh những kỹ năng và thói quen làm việc khoa học; hình thành và phát triển năng lực cho học sinh, rèn luyện cho học sinh tư duy logic và tư duy biện chứng, hình thành ở họ niềm tin về bản chất khoa học của các hiện tượng tự nhiên cũng như khả năng nhận biết của con người, khả năng ứng dụng khoa học để đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống; qua đó góp phần hình thành và phát triển ở họ các năng lực nhận thức, năng lực hành động và các phẩm chất và nhân cách mà mục tiêu giáo dục đề ra; chuẩn bị cho học sinh tiếp tục tham gia lao động sản xuất, có thể thích ứng với sự phát triển của KHKT, học nghề, trung cấp chuyên nghiệp hoặc trung học phổ thông.

2. Đặc điểm của môn KHTN

a) Môn học cốt lõi thuộc lĩnh vực giáo dục Khoa học Tự nhiên

Lĩnh vực giáo dục Khoa học Tự nhiên có ưu thế hình thành và phát triển cho học sinh các phẩm chất như tự tin, trung thực; các năng lực tìm hiểu và khám phá thế giới tự

nhiên qua quan sát và thực nghiệm; năng lực vận dụng tổng hợp kiến thức khoa học để giải quyết vấn đề trong cuộc sống, ứng xử với tự nhiên phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững xã hội và môi trường.

Cấu trúc nội dung môn Khoa học Tự nhiên ở cấp trung học cơ sở gồm các phân môn với các chủ đề được sắp xếp sao cho vừa bảo đảm liên hệ theo logic tuyến tính đồng thời có thêm một số chủ đề liên phân môn, vừa tích hợp đồng tâm hình thành các nguyên lý, quy luật chung của thế giới tự nhiên.

Hình thức tổ chức và phương pháp dạy học là tạo cơ hội cho học sinh được quan sát, thực nghiệm; tìm hiểu và khám phá khoa học; vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề lý thuyết và thực tiễn; thông qua đó phát triển các phẩm chất và năng lực.

Hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh; trong đó tập trung đánh giá năng lực tìm tòi khám phá tự nhiên và năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn. Sử dụng đa dạng các hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá; phối hợp đánh giá của giáo viên và học sinh, đánh giá trong nhà trường và ngoài nhà trường, bài thi (bài kiểm tra) theo hình thức tự luận và trắc nghiệm khách quan.

b) Những nét đặc trưng của môn KHTN

Là môn khoa học thực nghiệm. Thực hành thí nghiệm và tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo là nét đặc trưng có tính ưu thế trong việc rèn luyện và phát triển các phẩm chất và năng lực cho học sinh. Nội dung kiến thức được chọn đưa vào chủ yếu là những kiến thức thực phổ thông và cơ bản, cần thiết cho việc nhận thức đúng đắn các hiện tượng tự nhiên, cho cuộc sống hằng ngày và cho việc lao động trong nhiều ngành kỹ thuật.

Là môn khoa học luôn gắn với sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật. Nội dung chương trình đề cập đến một số kiến thức của khoa học hiện đại có liên quan đến nhiều dụng cụ và thiết bị kỹ thuật đang được sử dụng phổ biến trong cuộc sống và sản xuất.

Là môn học có những vấn đề thực tiễn được vận dụng giải quyết bởi các kiến thức tích hợp liên môn vật lý, hóa học, sinh học và các môn học khác.

Nội dung kiến thức trong tài liệu được sắp xếp một cách khoa học phù hợp với quy luật nhận thức giới tự nhiên về kiến thức kỹ năng vật lý, hóa học, sinh học và các môn học khác.

Nội dung trong mỗi bài của Tài liệu hướng dẫn học được trình bày một cách tinh giản phù hợp với thời lượng và khả năng tiếp thu của học sinh (gồm 5 hoạt động: Khởi động, hình thành kiến thức, luyện tập, vận dụng và tìm tòi khám phá). Khối lượng kiến thức và kĩ năng của mỗi chủ đề được cân đối và phù hợp trong các hoạt động học.

II. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

1. Hướng dẫn chung

Hướng dẫn cách thực hiện chương trình theo hướng *giao quyền chủ động cho các nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường*, đảm bảo sự phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của địa phương, nhà trường và năng lực của giáo viên, học sinh. Căn cứ vào nội dung chương trình và tài liệu Hướng dẫn học môn KHTN 6 và Hướng dẫn dạy môn KHTN 6, cũng như đội ngũ giáo viên của nhà trường để bố trí, sắp xếp phân công giáo viên dạy và thời khóa biểu cho phù hợp.

Chương trình môn KHTN gồm 3 phân môn: vật lí, hóa học và sinh học được tích hợp với nhau, làm giảm được gánh nặng cho học sinh vì không phải học lại nhiều lần cùng một nội dung kiến thức ở các môn học khác nhau. Nội dung được trình bày trong tài liệu “Hướng dẫn học” theo từng chủ đề. Trong mỗi chủ đề được viết theo hướng tích hợp nội môn, hoặc tích hợp liên môn.

Trong từng chủ đề đã chọn đưa vào những nội dung cốt lõi của chủ đề và giúp cho học sinh thấy được một “bức tranh: khái quát hơn là đưa nhiều nội dung khoa học để nhằm có sự đầy đủ, chi tiết; chính vì thế mà giảm được thời lượng học, dành thời gian cho hoạt động trải nghiệm của học sinh. Cách tiếp cận ở trên cùng với việc thực hiện tích hợp giúp học sinh có một cái nhìn bao quát, liên hệ qua lại giữa các sự vật hiện tượng trong thế giới tự nhiên hơn là chỉ được xem xét, nhận thấy từng sự vật, hiện tượng một cách tách rời cô lập.

Phần đầu tiên của sách (chủ đề 1 “Mở đầu môn KHTN” và chủ đề 2 “Các phép đo và kĩ năng thí nghiệm”) dành để giúp học sinh tìm hiểu về môn khoa học tự nhiên, rèn phương pháp học tập đặc thù bộ môn: Tiến trình khoa học; kĩ năng thao tác thí nghiệm; nhận biết các dụng cụ đo đạc (đo chiều dài, đo thể tích, đo khối lượng), kính lúp cầm tay, kính hiển vi và bộ hiển thị dữ liệu; an toàn phòng thí nghiệm. Tiếp sau đó là chủ đề 3 “Trạng thái của vật chất” (đây là một phần nội dung hóa học 8 hiện hành được đưa xuống lớp 6) là kiến thức cơ sở để học tập các chủ đề sinh học và vật lí tiếp theo.

Các chủ đề học tập môn KHTN tạo điều kiện cho việc tổ chức *hoạt động trải nghiệm sáng tạo* của học sinh, hình thành được sự tự tin và hứng thú, tích cực học tập, phát triển kỹ năng giao tiếp.

Hình thành và phát triển năng lực tự học cho HS là một trong số những mục tiêu chính của sách Hướng dẫn học môn KHTN. Kiến thức trong lĩnh vực KHTN cứ khoảng sau vài ba năm lại tăng gấp đôi. Vậy làm sao để học sinh với một lượng thời gian rất hạn chế vẫn có thể nắm bắt được những kiến thức cốt lõi và hiện đại của KHTN, một môn học đa ngành với rất nhiều phân môn? Cách tốt nhất là phải đổi mới cách học và cách dạy. Giáo viên phải dạy học sinh cách tự học hơn là tập trung vào việc truyền thụ kiến thức. Học sinh phải chủ động trong việc chiếm lĩnh kiến thức hơn là luôn bị động tiếp thu và ghi nhớ những gì có trong sách Hướng dẫn học môn KHTN, trong các bài học ở lớp. Chính vì vậy sách Hướng dẫn học môn KHTN được biên soạn theo hướng giúp học sinh tự học, tự tìm tòi khám phá với sự trợ giúp của thầy cô. Đồng thời nội dung và cách trình bày của sách Hướng dẫn học môn KHTN cũng góp phần giúp học sinh học tốt hơn, yêu thích môn học hơn. Những ý tưởng này được thể hiện như sau:

- *Coi trọng các quan sát, những thí nghiệm thực hành, tìm tòi khám phá* theo hướng nghiên cứu khoa học và vận dụng giải quyết vấn đề.

- *Lựa chọn các tình huống, những trải nghiệm*, những hình ảnh sống động từ thực tiễn để minh họa.

- *Liên hệ với thực tiễn đời sống*: Kiến thức lí thuyết luôn được gắn liền với việc giải quyết các vấn đề của đời sống. Những gì có thể gắn kiến thức của bài học với việc bảo vệ sức khỏe, bảo vệ môi trường hay có thể tác động đến đời sống xã hội đều được triết để vận dụng và khai thác để học sinh tăng thêm hứng thú và thấy được kiến thức học được thực sự có ích đối với bản thân.

- *Giúp học sinh rèn luyện các kỹ năng tư duy khoa học*: Trong từng chủ đề/bài học trong sách Hướng dẫn học môn KHTN luôn chú trọng rèn luyện cho học sinh những kỹ năng như quan sát, tiến hành thực nghiệm, kỹ năng phân loại, khái quát hoá, kỹ năng suy luận vv... Điều này được thể hiện qua nhiều cách khác nhau. Ví dụ, học sinh được giới thiệu tranh ảnh, đồ thị, hoặc hiện tượng để rồi tự mình quan sát rút ra các kết luận cần thiết.

- *Các bài học cũng chú trọng tới hướng dẫn học sinh học cách giải quyết vấn đề*. Các vấn đề của thực tiễn và các tình huống được đưa ra trong bài học đòi hỏi học sinh

tự mình vận dụng kiến thức hoặc thảo luận cùng bạn bè tìm cách giải quyết mà không đưa ra những tình huống, các vấn đề đã được giải sẵn làm ví dụ để học sinh bắt chước.

+ Hướng dẫn học sinh *cách xử lí thông tin*: Các câu hỏi “tại sao?”, “làm thế nào?” luôn được đặt ra cho học sinh trong từng bài học của sách Hướng dẫn học KHTN 6 nhằm giúp các em có thói quen xử lí thông tin để hiểu các khái niệm một cách thấu đáo qua đó có thể ghi nhớ kiến thức tốt hơn, rèn luyện cách thức thu thập thông tin, và cách thức làm việc khoa học. Cái học sinh cần biết không chỉ đó là **cái gì** mà còn là **làm thế nào** biết được điều đó, **tại sao** lại phải như vậy.

+ Học theo hướng tích hợp:

- *Tích hợp các môn học*: KHTN là một môn khoa học đa ngành, muốn hiểu được sâu sắc các khái niệm cơ bản của môn học cũng như lí giải được các hiện tượng của thế giới tự nhiên đòi hỏi học phải nắm được các khái niệm của các môn học khác như toán, tin, công nghệ,... vì các đặc điểm của thế giới tự nhiên suy cho cùng đều do vật chất cấu tạo nên. Cho nên đặc tính hoá học của các nguyên tử sẽ qui định đặc tính của các phân tử, để rồi các đặc tính lí hoá học của các nguyên tử cấu tạo nên đơn chất và hợp chất. Chính vì vậy chương trình và sách được biên soạn đi từ thành phần hoá học với cấu trúc nguyên tử và phân tử tới các bào quan rồi tới tế bào, cơ thể, ... Các kiến thức toán, tin, công nghệ được kết hợp một cách tối đa ở những nội dung có liên quan.

Ví dụ: Khái niệm S/V (diện tích/thể tích) với các công thức toán học đã được vận dụng để giải thích kích thước tế bào nhỏ đem lại lợi thế gì cho việc trao đổi chất của tế bào với môi trường hay đặc tính hoá học của nước tạo nên những đặc tính lí học và rồi các đặc tính lí, hoá học của nước làm cho nước có vai trò quan trọng như thế nào đối với sự sống. Hay như trong bài “Tìm giá trị phân số của 1 số cho trước” môn Toán học 6, ở mục Hoạt động E có yêu cầu: “*Em hãy tìm hiểu qua tài liệu, qua Internet: một quả trứng gà thường nặng khoảng bao nhiêu gam; khối lượng của mỗi thành phần của nó như vỏ, lòng trắng, lòng đỏ; lòng đỏ chiếm bao nhiêu phần trăm khối lượng của nó và tác dụng của trứng gà*”; bài học này có tác dụng kích thích tư duy rất tốt cho học sinh khi học bài 20 “Động vật có xương sống”, ở chủ đề 7 “Nguyên sinh vật và động vật” 6 môn KHTN.

- *Tích hợp nội môn trong mỗi phân môn*: sách Hướng dẫn học môn KHTN gồm 3 phân môn, vật lí, hóa học và sinh học. Mỗi phân môn lại có rất nhiều phân môn nhỏ hơn với kiến thức rất sâu và rộng. Làm thế nào để học sinh có được những kiến thức cơ bản của các phân môn một cách có hệ thống, dễ học dễ nhớ để giúp người học có thể vận dụng kiến thức một cách linh hoạt? Cách tốt nhất là phải biết dùng những chủ đề cốt lõi

để khâu nối các phân môn lại với nhau tạo nên một hệ thống kiến thức. Những chủ đề khâu nối này như những sợi chỉ xuyên suốt các lĩnh vực học tập nối chúng lại thành một hệ thống như: tính thống nhất của vật chất, tính vận động của vật chất, cấu trúc phù hợp với chức năng, ...

Ví dụ: Trong phân môn sinh học, nếu biết được cấu trúc có thể suy ra chức năng và ngược lại. Hay dùng chủ đề tiến hoá để khâu nối các lĩnh vực của sinh học lại với nhau. Thế giới sống liên tục tiến hoá tạo nên các đặc điểm và dạng sống thích nghi nhưng cũng duy trì được sự thống nhất. Học sinh cũng học được cách nhìn nhận sự việc một cách biện chứng khi trong các bài học luôn được nhắc nhở rằng sinh vật là hệ thống mở tự điều chỉnh vì thế khi học sinh học nói chung cần phải xem xét một cách tổng thể và cần tính đến sự tương tác giữa sinh vật với môi trường.

Định hướng cách tổ chức dạy học môn KHTN:

+ Sách Hướng dẫn học môn KHTN được biên soạn nhằm đổi mới cách tổ chức dạy học sao cho phát huy được tính tích cực chủ động của người học, phát huy khả năng vận dụng kiến thức, phát triển tư duy sáng tạo. Vai trò của GV là *đưa câu hỏi, thăm dò, làm rõ, theo dõi, hỗ trợ và khuyến khích học sinh* tiến bộ.

+ Chấp nhận tiến độ học tập khác nhau giữa các học sinh, nhóm học sinh. Tránh dạy học đồng loạt theo hướng định lượng thời gian. Học sinh hoặc nhóm học sinh đó hoàn thành nhiệm vụ của một hoạt động nào đó, trong khi chưa hết giờ giáo viên giao thêm nhiệm vụ học tập hoặc nhiệm vụ giúp các bạn khác, nhóm bạn khác chưa hoàn thành.

+ Tổ chức lớp học theo mô hình Hội đồng tự quản (HĐTQ). Chủ tịch HĐTQ và các ủy viên điều hành được một số hoạt động học tập trong bài học.

Định hướng tổ chức dạy học ở mỗi bài được thể hiện ở bố cục của một bài học:

- Hoạt động khởi động thu hút/tạo hứng thú học tập. Đầu tiên, các học sinh phải được khuyến khích bằng một *câu hỏi tư duy (tạo mâu thuẫn nhận thức-từ thí nghiệm; từ hiện tượng thực tế; ...)*. Điểm khởi đầu này thu hút sự quan tâm của học sinh và cung cấp một cơ hội cho học sinh thể hiện những gì học sinh biết về các khái niệm. Họ có thể nói lên ý tưởng riêng/định kiến của họ về chủ đề (giáo viên cần khuyến khích học sinh viết tất cả vào vở ghi bài học).

- Sau khi đã phát hiện ra học sinh đã biết được những gì và những gì còn thiếu, giáo viên sẽ chuyển sang hoạt động “Hình thành kiến thức mới”. Lúc này học sinh sẽ có hứng thú tiếp thu kiến thức vì thực sự cảm thấy có nhu cầu về thông tin mới để giải

quyết các “thách đố” mà bài học đặt ra. Khi cần phải cung cấp kiến thức mới thì bài học có thể được bắt đầu bằng việc giới thiệu kiến thức rồi sau đó mới đưa ra các câu hỏi để học sinh thảo luận hay vận dụng kiến thức. Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh **khám phá và giải thích** vấn đề học tập hoặc hiện tượng thực tế quan sát được và mô tả nó theo cách riêng của họ.

Người học thực hiện chuỗi các hoạt động học tập (cá nhân, cặp đôi hay nhóm, hoặc cả lớp) mà cho phép họ khám phá nội dung mới trong chủ đề. Họ được suy nghĩ và trải nghiệm với vấn đề hoặc hiện tượng và mô tả, giải thích theo cách riêng của họ. Khía cạnh quan trọng của giai đoạn này là sự giải thích theo những trải nghiệm của chính cá nhân học sinh. *Hầu hết những giải thích không được đưa ra bởi các giáo viên.* Người học đi đến kết luận riêng của họ qua các thí nghiệm. Do đó, qua sự trải nghiệm, người học cố gắng tự đi đến kết luận của riêng mình (giáo viên cần khuyến khích học sinh viết kết luận vào vở ghi bài).

- Cuối cùng để củng cố, luyện tập và nâng cao kiến thức cho học sinh giáo viên cần đưa ra những câu hỏi, tình huống có tính vận dụng và mở rộng kiến thức vừa học được. Sau khi đã chiếm lĩnh được các kiến thức mới của bài, học sinh lại được tiếp xúc với các tình huống mới, các câu hỏi nhằm vận dụng kiến thức vừa mới học được. Những câu hỏi này có thể học sinh trả lời ngay được tại lớp hay có thể để các em về nhà suy nghĩ. Trong pha đánh giá, giáo viên sử dụng các cách tiếp cận khác nhau như ra câu hỏi, nêu tình huống vv...(được thể hiện ở mục “Vận dụng” và mục “Tìm tòi mở rộng”) nhằm phát hiện và đánh giá xem học sinh đã học được những gì có liên quan đến chủ đề mà mình vừa học.

+ Môn KHTN được biên soạn nhằm khuyến khích việc hình thành các ý tưởng hơn là bắt chước hay ghi nhớ kiến thức một cách máy móc. Những tình huống, câu hỏi hay các hoạt động mà môn KHTN đưa ra đều nhằm tìm kiếm lập luận của học sinh cũng như các ý tưởng mới. Vì vậy, các tình huống và vấn đề đưa ra trong bài thường là dạng *câu hỏi mở* có thể có nhiều phương án giải quyết để học sinh bàn luận trao đổi nhằm tìm ra phương án tối ưu. Mọi lập luận logic đều được chấp nhận và khuyến khích. Giáo viên **không** khuyến khích học sinh đi tìm một câu trả lời hoặc một giải pháp duy nhất đúng **mà** khuyến khích học sinh chấp nhận nhiều câu trả lời, nhiều giải pháp hợp lí.

+ *Khuyến khích làm việc tập thể*: Học sinh được dạy cách lắng nghe và học hỏi người khác, biết cách làm việc tập thể để phát huy sức mạnh của tập thể. Vì thế các cuộc thảo luận nhóm, tổ thường xuyên được đặt ra nhằm rèn luyện các kĩ năng này. Có nhiều chủ đề/bài trong môn KHTN được tổ chức theo hình thức dạy học dự án.

+ *Rèn luyện kỹ năng diễn đạt bằng lời nói*: Thông qua việc thảo luận, phát biểu tại lớp giáo viên không chỉ chú ý đến nội dung chuyên môn mà cần chú ý đến việc diễn đạt và sử dụng các thuật ngữ khoa học. Thông tin có ở người nào đó sẽ là thông tin chết nếu người đó không có khả năng truyền đạt lại cho người khác. Đồng thời qua thảo luận học sinh sẽ học hỏi được ở bạn bè. Học thầy không tày học bạn. Thông tin học sinh thu nhận được không chỉ một chiều mà nhiều chiều.

Như vậy mỗi giáo viên, mỗi tổ/nhóm chuyên môn phải chủ động tìm hiểu, nghiên cứu chương trình và sách Hướng dẫn học môn KHTN 6 và Hướng dẫn dạy môn KHTN 6, đề xuất Ban Giám hiệu “KẾ HOẠCH DẠY HỌC” môn KHTN 6, có thể thay đổi trật tự dạy học các chủ đề cho phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, nhưng Chủ đề 1 “**Mở đầu môn khoa học tự nhiên**” thì nên dạy trước tiên (có thể bố trí giáo viên môn vật lý hay môn hóa học hoặc môn sinh học đều được – miễn là giáo viên có điều kiện tốt nhất dạy chủ đề này). Có vấn đề khác mà các giáo viên cần chú ý là: cách tiếp cận của sách giáo khoa hiện hành là tiếp cận nội dung. Trong mô hình trường học mới, cách tiếp cận của sách Hướng dẫn học môn KHTN 6 là tiếp cận năng lực, với mục tiêu rèn cho học sinh lớp 6 năng lực tự học, năng lực mô tả phân loại, năng lực quan sát, năng lực tính toán, năng lực thí nghiệm thực hành, năng lực lập kế hoạch,... nên các nội dung môn học được sắp xếp lại gọn hơn.

Ví dụ: Những tri thức chuyên sâu về cấu tạo giải phẫu và chức năng sinh lí của từng đối tượng/nhóm đối tượng sinh vật được lược bớt mà tập trung làm cho học sinh có tri thức về *nguyên tắc tổ chức thứ bậc trong sinh học* (tế bào – cơ thể - quần thể - quần xã và hệ sinh thái – sinh quyển). Nguyên tắc thứ hai được làm rõ trong Hướng dẫn học môn KHTN 6 là *nguyên tắc tính thống nhất và đa dạng của sự sống*.

Một điều cần lưu ý nữa là khi dạy Chủ đề 5 “Cây xanh”, Chủ đề 6 “Nguyên sinh vật và Động vật” và Chủ đề 7 “Đa dạng sinh học” giáo viên cần bổ sung những ví dụ cụ thể về những loài sinh vật phổ biến, nổi bật sống ở đó; thậm chí có thể thay nội dung trong tài liệu Hướng dẫn học môn KHTN 6 bằng bài soạn của giáo viên về động/thực vật địa phương.

2. Chương trình chi tiết

(I). Khung phân phối chương trình

1. Hướng dẫn chung

Khung Phân phối chương trình (PPCT) này áp dụng cho lớp 6 theo mô hình trường học mới, từ năm học 2015-2016.

Khung PPCT quy định thời lượng dạy học cho từng phần của chương trình.

Thời lượng quy định tại Khung PPCT áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày. Tiến độ thực hiện chương trình khi kết thúc học kì I và kết thúc năm học được quy định thống nhất cho tất cả các trường dạy học theo mô hình trường học mới trong cả nước.

Căn cứ Khung PPCT, các trường thí điểm mô hình trường học mới cụ thể hoá thành PPCT chi tiết sao cho phù hợp với nhà trường.

Các trường thí điểm mô hình trường học mới có điều kiện bố trí dạy học 2 buổi/ngày, có thể điều chỉnh PPCT tăng thời lượng dạy học cho phù hợp (*hiệu trưởng phê duyệt, kí tên, đóng dấu và báo cáo phòng GDĐT*).

Khung phân phối chương trình

	Số tuần thực hiện	Số tiết học					
		Tổng	Phần chung	Sinh học	Vật lí	Hóa học	Ôn tập, Kiểm tra
Cả năm	35	105	14	47	28	8	8
Học kì 1	18	54	14	28	0	8	4
Học kì 2	17	51	0	19	28	0	4

Học kì 1:

- *Học kì 1* có 54 tiết với 14 tiết học gồm 2 chủ đề chung (từ bài 01 đến bài 04), 8 tiết học chủ đề 3 và 28 tiết học chủ đề sinh học (từ bài 05 đến bài 18); có 2 tiết ôn tập cuối học kì 1 (sau khi kết thúc bài 17: Vai trò của cây xanh) với 2 tiết kiểm tra cuối kì 1.

- *Kết thúc Học kì 1:* Học sinh học xong bài 17; bài Ôn tập học kì I cần hướng dẫn học sinh ôn tập từ bài 1 đến bài 17.

Học kì 2:

- *Học kì 2* có 51 tiết với 19 tiết học chủ đề sinh học (từ bài 18 đến bài 22), 8 tiết học chủ đề vật lí (từ bài 23 đến bài 32), ; có 2 tiết ôn tập cuối năm (sau khi kết thúc bài 32) với 2 tiết kiểm tra cuối năm.

- *Kết thúc Học kì 2:* Học sinh học xong bài 32; bài Ôn tập học kì 2 cần hướng dẫn học sinh ôn tập từ bài 18 đến bài 32.

2. Gợi ý phân phối chương trình chi tiết

TT	Chủ đề	Bài, nội dung	Dự kiến thời gian
1	Chủ đề 1. Mở đầu môn khoa học tự nhiên (6 tiết)	Bài 1: Mở đầu	3 tiết
		Bài 2: Dụng cụ thí nghiệm và an toàn thí nghiệm	3 tiết
2	Chủ đề 2: Các phép đo và kỹ năng thí nghiệm (08 tiết)	Bài 3: Đo độ dài, thể tích, khối lượng như thế nào	4 tiết
		Bài 4: Làm quen với kỹ năng thí nghiệm thực hành	4 tiết
3	Chủ đề 3. Trạng thái của vật chất (08 tiết)	Bài 5: Chất và tính chất của chất	4 tiết
		Bài 6: Nguyên tử, phân tử, đơn chất, hợp chất.	4 tiết
4	Chủ đề 4. Tế bào (07 tiết)	Bài 7: Tế bào – Đơn vị cơ bản của sự sống	3 tiết
		Bài 8: Các loại tế bào	2 tiết
		Bài 9: Sự lớn lên và phân chia của tế bào	2 tiết
5	Chủ đề 5. Đặc trưng của cơ thể sống (02 tiết)	Bài 10: Đặc trưng của cơ thể sống	2 tiết
6	Chủ đề 6. cây xanh	Bài 11: Cơ quan sinh dưỡng của cây xanh	3 tiết
		Bài 12: Trao đổi nước và dinh dưỡng khoáng ở cây xanh	2 tiết

	(19 tiết)	Bài 13: Quang hợp ở cây xanh	2 tiết
		Bài 14: Hô hấp ở cây xanh	2 tiết
		Bài 15: Cơ quan sinh sản của cây xanh	3 tiết
		Bài 16: Sự sinh sản ở cây xanh	3 tiết
		Bài 17: Vai trò của cây xanh	4 tiết
7		Ôn tập học kì 1	2 tiết
		Bài kiểm tra viết học kì 1	2 tiết
8	Chủ đề 7. Nguyên sinh vật và Động vật (16 tiết)	Bài 18: Nguyên sinh vật	2 tiết
		Bài 19: Động vật không xương sống	6 tiết
		Bài 20: Động vật có xương sống	4 tiết
		Bài 21: Quan hệ giữa động vật với con người	4 tiết
9	Chủ đề 8. Đa dạng sinh học (03 tiết)	Bài 22: Đa dạng sinh học	3 tiết
10	Chủ đề 9. Nhiệt và tác động của nó đối với sinh vật (13 tiết)	Bài 23: Sự nở vì nhiệt của các chất rắn, lỏng và khí. Ứng dụng.	4 tiết
		Bài 24: Nhiệt độ. Đo nhiệt độ.	3 tiết
		Bài 25: Sự chuyển thể của các chất	3 tiết
		Bài 26: Nhiệt đối với đời sống sinh vật	3 tiết
11	Chủ đề 10. Lực và các máy cơ đơn giản (15 tiết)	Bài 27: Chuyển động cơ. Vận tốc của chuyển động	3 tiết
		Bài 28: Lực. Tác dụng của lực	3 tiết
		Bài 29: Trọng lực	1 tiết
		Bài 30: Lực đàn hồi	2 tiết

		Bài 31: Lực ma sát	2 tiết
		Bài 32: Máy cơ đơn giản	4 tiết
12		Ôn tập học kì 2	2 tiết
		Bài kiểm tra viết cuối năm	2 tiết

(II). Một số vấn đề cần lưu ý về PPCT

- Số tiết của mỗi bài trong PPCT chi tiết nêu ở trên chỉ là gợi ý, không bắt buộc các trường phải thực hiện đúng như trên, tổ (nhóm) chuyên môn có thể điều chỉnh sao cho phù hợp và trình hiệu trưởng phê duyệt.

- Nên sắp xếp dạy học theo buổi có 2 - 3 tiết liền nhau, nhưng không nhất thiết phải xếp thời khóa biểu mỗi tuần có cùng số tiết. Tổ (nhóm) chuyên môn căn cứ vào gợi ý thời lượng của từng nội dung và logic của mạch kiến thức đề xuất với hiệu trưởng quyết định xếp thời khóa biểu sao cho hợp lí.

III. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC THEO CHỦ ĐỀ

1. Những lưu ý tổ chức dạy học

(1). Hoạt động khởi động

Một số hình thức tổ chức hoạt động khởi động:

Tùy vào năng lực của GV mà lựa chọn phương pháp/kỹ thuật sao cho phù hợp. Sau đây là một số hình thức tổ chức hoạt động

Stt	Hình thức	Mô tả nội dung	Phương tiện
1.	Quan sát thí nghiệm biểu diễn	HS được quan sát thí nghiệm do GV thực hiện, từ những hiểu biết hiện có của mình, hoạt động nhóm thực hiện yêu cầu mà HS chưa đủ kiến thức để giải quyết => Nảy sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi

2.	Xem video khoa học	HS được xem video do GV thực hiện, từ những hiểu biết hiện có của mình, hoạt động nhóm để thực hiện yêu cầu mà HS chưa đủ kiến thức để giải quyết => Này sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Máy tính trình chiếu, phiếu học tập câu hỏi
3.	Làm thí nghiệm thực hành	HS được làm thí nghiệm, từ những hiểu biết hiện có của mình, hoạt động nhóm để xử lý kết quả mà chưa đủ kiến thức để giải quyết => Này sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi
4.	Tìm hiểu tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, văn bản...	HS được quan sát tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, từ những hiểu biết hiện có của mình, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi mà chưa đủ kiến thức để giải quyết => Này sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, phiếu học tập câu hỏi
5.	Quan sát mô hình, mẫu vật	HS được quan sát mô hình, mẫu vật, từ những hiểu biết hiện có của mình, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi mà chưa đủ kiến thức để giải quyết => Này sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Mô hình, mẫu vật, phiếu học tập câu hỏi
6.	Trải nghiệm thực tế, kinh nghiệm bản thân	HS được tái hiện những trải nghiệm, kinh nghiệm thực tế, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi của GV mà chưa đủ kiến thức để giải quyết => Này sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Giấy, bút vẽ; Phiếu học tập câu hỏi
7.	Trò chơi khoa học tình huống	HS được tham gia trò chơi, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi của GV mà chưa đủ kiến thức để giải quyết => Này sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Thiết bị, luật chơi, cách tổ chức

8.	Báo cáo khoa học tình huống	HS được tham gia dự án khoa học, hoạt động nhóm để báo cáo và trả lời câu hỏi của GV mà chưa đủ kiến thức để giải quyết => Nảy sinh câu hỏi cần giải quyết vấn đề.	Trình chiếu, báo cáo của các nhóm
----	-----------------------------	--	-----------------------------------

Sản phẩm cần có:

- Các câu trả lời, báo cáo trình bày của học sinh, vở ghi của HS
- Câu hỏi cần nêu vấn đề.

(2). Hoạt động hình thành kiến thức

Một số hình thức tổ chức hoạt động hình thành kiến thức:

Tùy vào năng lực của GV mà lựa chọn phương pháp/kỹ thuật sao cho phù hợp. Sau đây là một số hình thức tổ chức hoạt động:

Stt	Hình thức	Mô tả nội dung	Phương tiện
1.	Đọc và xử lý kết quả thí nghiệm	HS được đọc tài liệu và xử lý kết quả thí nghiệm đã thu thập được để giải quyết vấn đề.	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi
2.	Xem video khoa học	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ việc xem video để giải quyết vấn đề.	Máy tính trình chiếu, phiếu học tập câu hỏi
3.	Làm thí nghiệm thực hành	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ thí nghiệm để giải quyết vấn đề.	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi
4.	Tìm hiểu tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, văn bản...	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ việc đọc tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu để giải quyết vấn đề.	Tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, phiếu học tập câu hỏi

5.	Quan sát mô hình, mẫu vật	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ quan sát mô hình, mẫu vật để giải quyết vấn đề.	Mô hình, mẫu vật, phiếu học tập câu hỏi
6.	Trải nghiệm thực tế, kinh nghiệm bản thân	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ những trải nghiệm thực tế để giải quyết vấn đề.	Giấy, bút vẽ; Phiếu học tập câu hỏi...
7.	Trò chơi khoa học tình huống	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ trò chơi khoa học để giải quyết vấn đề.	Thiết bị, luật chơi, cách tổ chức
8.	Báo cáo khoa học tình huống	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập trình bày báo cáo khoa học để giải quyết vấn đề.	Trình chiếu, báo cáo của các nhóm

Sản phẩm cần có:

- Những báo cáo trình bày của các nhóm, những câu trả lời của học sinh.
- Những kết quả của các thí nghiệm hoặc quan sát...
- Những kết luận khoa học thông qua việc trả lời câu hỏi trực tiếp của học sinh.

(3). Hoạt động luyện tập

Một số hình thức tổ chức hoạt động luyện tập:

Tùy vào năng lực của GV mà lựa chọn phương pháp/kỹ thuật sao cho phù hợp. Sau đây là một số hình thức tổ chức hoạt động:

Stt	Hình thức	Mô tả nội dung	Phương tiện
1.	Thí nghiệm thực hành	HS được làm thí nghiệm thực hành thu thập kết quả thí nghiệm để giải quyết vấn đề.	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi

2.	Tìm hiểu tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, văn bản...	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ việc đọc tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu để giải quyết vấn đề tương tự bài học.	Tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, phiếu học tập câu hỏi
3.	Quan sát mô hình, mẫu vật	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ quan sát mô hình, mẫu vật để giải quyết vấn đề tương tự bài học.	Mô hình, mẫu vật, phiếu học tập câu hỏi
4.	Giải quyết vấn đề thực tiễn đơn giản	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ đề giải quyết vấn đề thực tiễn đơn giản.	Giấy, bút vẽ; Phiếu học tập câu hỏi
5.	Báo cáo khoa học tình huống	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập trình bày báo cáo khoa học để giải quyết vấn đề thực tiễn đơn giản.	Trình chiếu, báo cáo của các nhóm

Sản phẩm cần có:

- Những báo cáo trình bày của các nhóm, những câu trả lời của học sinh.
- Những kết quả của các thí nghiệm hoặc quan sát...
- Những kết luận khoa học thông qua việc trả lời câu hỏi trực tiếp của học sinh.

(4). Hoạt động vận dụng: cá nhân, cặp đôi hoặc nhóm.

Một số hình thức tổ chức hoạt động vận dụng:

Tùy vào năng lực của GV mà lựa chọn phương pháp/kỹ thuật sao cho phù hợp. Sau đây là một số hình thức tổ chức hoạt động:

Stt	Hình thức	Mô tả nội dung	Phương tiện
1.	Thí nghiệm thực hành	HS được đề xuất, làm thí nghiệm thực hành thu thập kết quả thí nghiệm để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet

2.	Đọc tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm đề xuất xử lý thông tin thu thập từ việc đọc tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu để giải quyết vấn đề tương tự trong thực tiễn đời sống và sản xuất.	Tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
3.	Quan sát hiện tượng, quá trình trong tự nhiên	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ quan sát hiện tượng, quá trình trong tự nhiên để giải quyết vấn đề của đời sống và sản xuất.	Mô hình, mẫu vật, phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
4.	Giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ đề giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất.	Giấy, bút vẽ; Phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
5.	Báo cáo khoa học tình huống	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập trình bày báo cáo khoa học để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất.	Trình chiếu, báo cáo của các nhóm Máy tính internet

Sản phẩm cần có:

- Những báo cáo trình bày của các nhóm, những câu trả lời của học sinh.
- Những kết quả của các thí nghiệm hoặc quan sát...
- Những kết luận khoa học thông qua việc trả lời câu hỏi trực tiếp của học sinh.
- Những đoạn video, tranh ảnh, mô hình....

(5). Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

Một số hình thức tổ chức hoạt động tìm tòi mở rộng:

Tùy vào năng lực của GV mà lựa chọn phương pháp/kỹ thuật sao cho phù hợp. Sau đây là một số hình thức tổ chức hoạt động:

Stt	Hình thức	Mô tả nội dung	Phương tiện
1.	Thí nghiệm thực hành	HS được đề xuất, làm thí nghiệm thực hành thu thập kết quả thí nghiệm để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất.	Thí nghiệm, phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
2.	Đọc tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm đề xuất xử lý thông tin thu thập từ việc đọc tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu để giải quyết vấn đề tương tự trong thực tiễn đời sống và sản xuất.	Tranh ảnh, biểu đồ, bảng biểu, phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
3.	Quan sát hiện tượng, quá trình trong tự nhiên	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ quan sát hiện tượng, quá trình trong tự nhiên để giải quyết vấn đề của đời sống và sản xuất.	Mô hình, mẫu vật, phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
4.	Giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập từ đề giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất.	Giấy, bút vẽ; Phiếu học tập câu hỏi Máy tính internet
5.	Báo cáo khoa học tình huống	HS được suy nghĩ cá nhân, hoạt động nhóm xử lý thông tin thu thập trình bày báo cáo khoa học để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống và sản xuất.	Trình chiếu, báo cáo của các nhóm Máy tính internet

Sản phẩm cần có:

- Những báo cáo trình bày của các nhóm, những câu trả lời của học sinh.
- Những kết quả của các thí nghiệm hoặc quan sát...
- Những kết luận khoa học thông qua việc trả lời câu hỏi trực tiếp của học sinh.
- Những đoạn video, tranh ảnh, mô hình....

2. Ví dụ minh họa dạy học

BÀI 4. LÀM QUEN

VỚI KỸ NĂNG THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH KHOA HỌC

1. Mục tiêu bài học

a) Kiến thức, kỹ năng, thái độ

- Phân biệt được các bộ phận, chi tiết của kính lúp, kính hiển vi quang học và bộ hiển thị dữ liệu.
- Tập sử dụng kính lúp, kính hiển vi quang học và bộ hiển thị dữ liệu.
- Quan sát và ghi chép được các hiện tượng khi tiến hành thí nghiệm.
- Lập được bảng số liệu khi tiến hành quan sát, thí nghiệm.
- Vẽ được hình khi quan sát mẫu vật bằng kính lúp, kính hiển vi quang học.
- Thực hiện được quy tắc an toàn khi tiến hành thí nghiệm.

b) Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

- Năng lực tự học: lập kế hoạch học tập, bố trí thí nghiệm (*Khảo sát quá trình rơi của vật; quan sát đường kính của 1 sợi tóc; ...*).
- Năng lực giải quyết vấn đề: phát hiện và giải quyết vấn đề khi tìm hiểu kính lúp cầm tay; sử dụng kính hiển vi, bộ hiển thị dữ liệu và bộ cảm biến.
- Năng lực hợp tác: Cùng hợp tác làm thí nghiệm, phân tích kết quả (*kết quả thí nghiệm khí hít vào và thở ra; quan sát vi khuẩn trong sữa chua*)...
- Năng lực sử dụng công nghệ thông tin: bộ hiển thị dữ liệu, lưu giữ số liệu,...
- Năng lực tính toán: tính toán các số liệu thu được (*đo thời gian rơi của các vật khác nhau; đường kính của 1 sợi tóc; ...*).
- Các kỹ năng sinh học cơ bản: Quan sát các nổi tượng sinh học bằng kính lúp cầm tay; Sử dụng kính hiển vi, vẽ các hình ảnh quan sát trực tiếp trên tiêu bản hiển vi (vẽ hình ảnh từ kính hiển vi).

2. Tổ chức hoạt động học của học sinh

a) Hướng dẫn chung:

Tiến trình sư phạm của phương pháp dạy học tích cực được sử dụng trong bài học: Đây là bài mà học sinh sẽ được làm quen kỹ hơn với các kỹ năng chuyên biệt của môn

khoa học tự nhiên (bố trí thí nghiệm, thực hiện thí nghiệm, sử dụng các thiết bị trong phòng thí nghiệm) mà học sinh sẽ được sử dụng nhiều trong các bài học sau cũng như trong các hoạt động nghiên cứu khoa học (kính lúp, kính hiển vi, bộ hiển thị dữ liệu và cảm biến; ngoài ra còn có đồng hồ bấm giây, dụng cụ thủy tinh...). Thông qua việc sử dụng các thiết bị này, học sinh được rèn luyện tư duy và các kỹ năng làm khoa học (kỹ năng đặt câu hỏi, hình thành giả thuyết, kỹ năng đo đạc, kỹ năng quan sát; bước đầu làm quen với kỹ năng thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu...). Do đó, giáo viên cần lưu ý một số điểm sau khi tổ chức các hoạt động học tập:

- Giáo viên chú ý đến chuỗi 5 hoạt động học *nối tiếp* trong bài. Bài học diễn ra trong khoảng 4 tiết học, hoạt động ở tiết này sẽ là tiền đề, là động lực kích thích học sinh hứng thú với tiết học tiếp theo.
- Phương pháp xuyên suốt các hoạt động trong bài là phương pháp thực hành thí nghiệm phát huy tính tích cực học tập của học sinh. Giáo viên cần chú ý bám vào tư tưởng chủ đạo của bài để sử dụng các kỹ thuật dạy học phù hợp, ví dụ kỹ thuật động não cho “Hoạt động khởi động”; kỹ thuật khăn trải bàn khi tiến hành thảo luận. Với thời lượng 4 tiết, giáo viên có thể chủ động linh hoạt trong việc thiết kế các hoạt động cho từng tiết, hoặc cũng có thể theo gợi ý sau:

Phương án 1: Thời khóa biểu xếp dạy 2 tiết liền nhau

- Tiết 1 và tiết 2: Hoạt động khởi động; Hoạt động hình thành kiến thức.
- Giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh: chuẩn bị mẫu cho giờ học tiếp theo; Tự làm kính lúp theo hướng dẫn trong sách.
- Tiết 3 và tiết 4: Hoạt động luyện tập và hoạt động vận dụng.
- Giao nhiệm vụ về nhà cho học sinh: Hoạt động tìm tòi mở rộng giáo viên có thể gợi ý học sinh tìm hiểu thêm ngoài giờ học: có thể làm một dự án nhỏ sử dụng kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu để nghiên cứu, tìm hiểu môi trường sống quê em.

Phương án 2: Thời khóa biểu xếp dạy từng tiết một

- Tiết 1: Hoạt động khởi động; Hoạt động hình thành kiến thức: kính lúp (Đưa cả phần hướng dẫn tự làm kính lúp để học sinh về nhà tự làm).
- Tiết 2: Hoạt động hình thành kiến thức: kính hiển vi (Đưa cả phần hướng dẫn thực hành quan sát vi khuẩn trong sữa chua).
- Tiết 3: Hoạt động hình thành kiến thức: Bộ hiển thị dữ liệu, bộ cảm biến và cách sử dụng. Đây là nội dung mới, hiện đại nên cần cho học sinh thời gian tìm hiểu (nếu chưa có thiết bị có thể sử dụng video và tranh để học tập).

- Tiết 4: Hoạt động vận dụng (bảo quản kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu) và hoạt động tìm tòi mở rộng: giáo viên có thể gợi ý học sinh tìm hiểu thêm ngoài giờ học: có thể làm một dự án nhỏ sử dụng kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu để nghiên cứu, tìm hiểu môi trường sống quê em.
- Trước khi học, có thể yêu cầu học sinh cùng nhắc lại về quy định an toàn phòng thí nghiệm, tên và cách sử dụng các dụng cụ trong phòng thí nghiệm đã được học ở bài 2, thao tác đo kích thước một vật đã được học ở bài 3.
- Các hoạt động làm thí nghiệm có thể thực hiện ngay tại lớp hoặc tại phòng thực hành Lý – Hóa - Sinh của trường. Khi thực hiện các phép đo và quan sát với kính lúp, bộ hiển thị dữ liệu có thể thực hiện ở ngoài thiên nhiên (vườn trường, công viên, ao, hồ, ...).
- Giáo viên chú ý hướng dẫn học sinh cách quan sát, phân biệt các hành động, thao tác thí nghiệm sao cho đúng: cách cầm kính, chỉnh kính để quan sát và đặc biệt kỹ năng vẽ những gì quan sát được qua kính hiển vi (vừa quan sát vừa vẽ).

b) Hướng dẫn tổ chức hoạt động học tập

A. Hoạt động khởi động

Hướng dẫn các cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Mục đích của hoạt động khởi động là thu hút/tạo hứng thú học tập. Đầu tiên, các học sinh phải được khuyến khích bằng một *câu hỏi tư duy* (Hãy ước lượng đường kính một sợi tóc của em là bao nhiêu? Hãy quan sát một con kiến; hoặc đường vân tay trên một ngón tay; hoặc hình huy hiệu Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trên tem thư, *vẽ hình quan sát được*). Điểm khởi đầu này thu hút sự quan tâm của học sinh và cung cấp một cơ hội cho học sinh thể hiện những gì học sinh đã học ở bài 2 (thiết bị thí nghiệm) và bài 3 (đo kích thước một vật). Học sinh có thể nói lên ý tưởng riêng /định kiến của họ về chủ đề: có thể quan sát con kiến, đường vân tay, hình huy hiệu Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong tem thư bằng mắt thường và vẽ được; Học sinh có thể đưa ra các con số về đường kính một sợi tóc (giáo viên cần khuyến khích học sinh viết tất cả vào vở ghi bài học).

1. Hoạt động cặp đôi:

Giáo viên chuẩn bị trước cho học sinh các dụng cụ làm thí nghiệm, tổ chức hoạt động theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ, nếu không có mẫu vật kiến đen, có thể thay bằng một loài sinh vật khác (nhện, cuốn chiếu,...). Các mẫu vật gần gũi với học sinh, dễ tìm.

Giáo viên không nên tập trung quá nhiều thời gian vào bài vẽ của học sinh (kỹ năng vẽ được hình thành dần qua các bài học), mà nên dành nhiều thời gian cho học sinh thảo luận, chia sẻ ý kiến về *cách quan sát* để vẽ, *dụng cụ nào* nên sử dụng giúp quan sát dễ dàng hơn, hướng học sinh tới 2 loại kính sẽ học trong bài là kính lúp và kính hiển vi. Với việc dự đoán đường kính của sợi tóc, nếu học sinh khó khăn trong việc đưa ra con số thập phân, giáo viên có thể hướng dẫn học sinh đưa ra 1 kết quả tạm thời (1 phần bao nhiêu của milimet), nhưng quan trọng hơn là liên hệ với kiến thức về các phép đo ở bài 2, sẽ được dùng như thế nào trong hoạt động này, nhằm hướng tới việc quan sát các vật nhỏ khác mà mắt thường khó hoặc không thể nhìn thấy được.

Sau khi đã phát hiện ra học sinh đã biết được những gì và những gì còn thiếu, những khó khăn gặp phải giáo viên sẽ chuyển sang hoạt động “*Khảo sát quá trình rơi của vật*”. Lưu ý không đi sâu vào tìm hiểu bản chất của thí nghiệm (sẽ được khám phá trong những bài học sau) mà cần chú ý nhiều đến thao tác khi thực hiện thí nghiệm của học sinh.

2. Hoạt động nhóm: *Khảo sát quá trình rơi của vật*

Hoạt động thực hiện thí nghiệm này không chỉ giúp không khí lớp học vui vẻ và hứng khởi, mà còn phát hiện ở học sinh các kỹ năng học tập bộ môn. Khi thực hiện, nếu học sinh khó đo thời gian với khoảng cách gần (khi học sinh đứng trên bàn hay ghế), giáo viên có thể cho học sinh ra ngoài, bố trí 1 bạn ở trên cao (ví dụ tầng 2 tòa nhà lớp học) thả các mẫu vật, các bạn còn lại ở dưới đất bấm giờ và ghi kết quả (chú ý đến an toàn trường học).

Cũng như hoạt động trước, giáo viên nên dành nhiều thời gian cho học sinh thảo luận, giúp các em chia sẻ về: thao tác khi sử dụng đồng hồ bấm giây sao cho chính xác nhất; tư duy khoa học thông qua cách đặt câu hỏi để giải thích cho sự so sánh kết quả thí nghiệm giữa các mẫu vật và các nhóm.

- *Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh*

Đánh giá bằng quan sát, nhận xét:

+ Thông qua hoạt động *quan sát* và vẽ con kiến, vân tay, ...: nhận xét kỹ năng quan sát, kỹ năng vẽ, kỹ năng thảo luận đặt và trả lời câu hỏi. Ví dụ: con kiến có kích thước rất nhỏ, chạy rất nhanh nếu chỉ quan sát tự nhiên bằng mắt thường thì rất khó; có thể dung cồn hay ête để gây mê thì sẽ dễ quan sát hơn.

+ Thông qua hoạt động *Khảo sát quá trình rơi của vật*: nhận xét cách học sinh bố trí thí nghiệm; kỹ năng thực hiện thí nghiệm; kỹ năng thu số liệu; ...

Đánh giá bằng câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập của học sinh

+ Thông qua hoạt động thảo luận: Em và các bạn đã sử dụng đồng hồ bấm giây như thế nào?

Sử dụng đồng hồ bấm giây:

Bước 1: Bật đồng hồ (sử dụng tay thuận để cầm đồng hồ), ngón tay cái hoặc ngón tay chỏ đặt tại vị trí nút “start/stop”.

Bước 2: Chuyển về chế độ màn hình hiển thị 0:00

Bước 3: Nhấn nút “start/stop”, đồng hồ bắt đầu chạy.

Bước 4: Nhấn tiếp nút “start/stop” để dừng ghi, đọc trên màn hình hiển thị số thời gian thực hiện hành động.

- Hãy nói ra cách em quan sát và đo thời gian như thế nào?

Đánh giá bằng sản phẩm học tập của học sinh:

Dựa vào hình vẽ của học sinh; bảng số liệu học sinh thu được khi *Khảo sát quá trình rơi của vật*. Tại sao có sự khác nhau về thời gian của cùng 1 tờ giấy khi để phẳng, khi vo tròn, khi cắt tua ra? (Diện tích bề mặt tiếp xúc với không khí càng lớn thì thời gian rơi đo được càng lớn hơn - sẽ học ở bài lực ma sát).

- Kết quả của nhóm em và các nhóm khác giống nhau hay khác nhau? Nếu khác nhau em hãy đưa ra lời giải thích tại sao.

B- Hoạt động hình thành kiến thức

- Hướng dẫn các cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh:

Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh **Khám phá và Giải thích** vấn đề học tập. Giáo viên cần chú ý hoạt động này được chuyển tiếp từ hoạt động khởi động (đây là nhiệm vụ học tập tiếp nối mà không phải là nhiệm vụ học tập mới tinh, độc lập với hoạt động khởi động). Nhiệm vụ học tập này phải bắt đầu từ những khó khăn, những mâu thuẫn học sinh gặp phải ở hoạt động khởi động: *thiết bị nào giúp em quan sát con kiến, vân tay, tem thư dễ dàng hơn? Làm thế nào để đo đường kính một sợi tóc của em?*

Kính lúp và kính hiển vi là 2 loại dụng cụ được sử dụng thường xuyên nhất trong nghiên cứu Khoa học tự nhiên, nên học sinh cần biết cách sử dụng 2 loại kính này một cách thành thạo để có thể thực hiện được các quan sát, các thí nghiệm dễ dàng.



1. Kính lúp và cách sử dụng

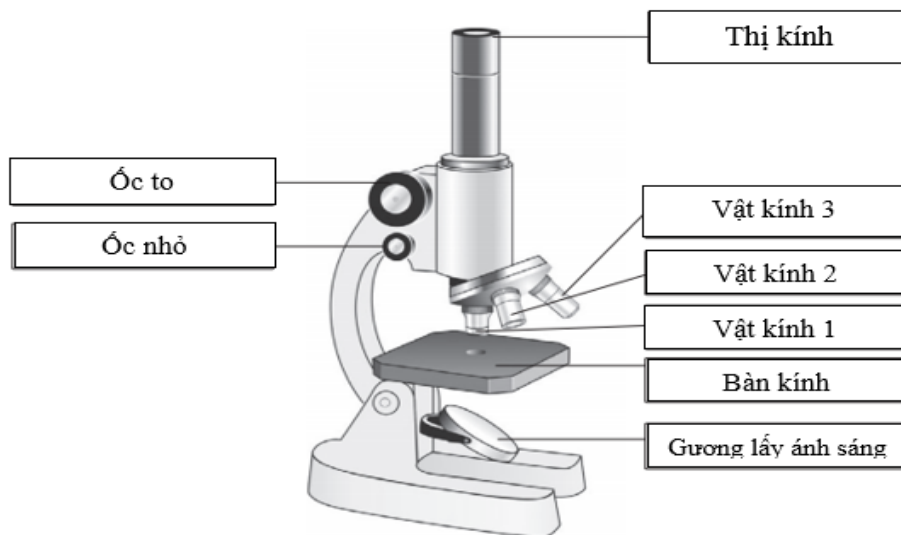
Giáo viên có thể cho học sinh tập quan sát với các vật dụng gần gũi như quan sát chữ viết trong vở, chiếc bút, cục tẩy...sau đó tập quan sát với mẫu vật: chiếc lá, nhị hoa...(chú ý đặc điểm cần quan sát). Mục tiêu là học sinh phải sử dụng được kính lúp để có thể quan sát mẫu vật (với độ phóng đại từ 3 đến 20 lần).

Chú ý: có thể giới thiệu thêm về [Robert Hooke](#) đã phát hiện các tế bào trong nút bần, ông đã quan sát tế bào bằng kính lúp (nhằm chuẩn bị cho bước D. Hoạt động vận dụng: ở những nơi không có điều kiện về kính hiển vi thì học sinh có thể quan sát tế bào bằng kính lúp).

2. Kính hiển vi và cách sử dụng

Giáo viên tổ chức cho học sinh thảo luận nhóm tìm hiểu cấu trúc của kính hiển vi, ghi chú thích từng bộ phận, cách sử dụng kính hiển vi rồi hướng dẫn học sinh làm tiêu bản quan sát đường kính của 1 sợi tóc.

Giáo viên thao tác mẫu, quan sát đường kính của 1 sợi tóc được làm sẵn rồi hướng dẫn học sinh thực hiện (Chú ý hướng dẫn học sinh kỹ năng sử dụng kính: vị trí đặt kính, tư thế quan sát, ghi chép hoặc vẽ lại những gì quan sát được...), vì để đo chính xác đường kính của sợi tóc là khó, nên giáo viên chú ý hướng dẫn các em các thao tác làm quen với kính, còn thí nghiệm giúp học sinh luyện tập thành thạo hơn.



3. Bộ kết nối, bộ cảm biến và cách sử dụng

Giáo viên giới thiệu bộ hiển thị giữ liệu và một số loại cảm biến với học sinh. Trong 22 chức năng xuất hiện trên màn hình bộ hiển thị dữ liệu, giáo viên chỉ nên tập

trung vào một số chức năng thường xuyên sử dụng (từ 1 đến 12) vì đây là tiết đầu tiên học sinh làm quen với bộ hiển thị dữ liệu. Các chức năng khác sẽ tìm hiểu dần trong các tiết học sau.

Các chức năng trên màn hình hiển thị chưa giới thiệu trong sách hướng dẫn học:

(13): Mở file từ thẻ nhớ.

(14): Tắt âm.

(15): Chỉnh độ sáng màn hình.

(16): Cài đặt ngày tháng và căn lề màn hình.

(17): Hiển thị đồ thị

(18): Đánh dấu những điểm đặc biệt.

(19): Thống kê dữ liệu.

(20): Phân tích dữ liệu theo phương pháp đạo hàm hoặc hồi quy tuyến tính.

(21): Chuẩn cảm biến về không

(22): Cân bằng các cảm biến.

Để hướng dẫn học sinh về cách sử dụng bộ hiển thị giữ liệu và bộ cảm biến có thể tổ chức cho học sinh làm thí nghiệm hô hấp từ câu hỏi: *Làm thế nào so sánh mức oxy trong khí hít vào và khí thở ra của em?* Hướng dẫn học sinh cách thu số liệu và xử lý kết quả bảng 1.

- Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh

Đánh giá bằng quan sát, nhận xét:

+ Thông qua hoạt động học sinh tập quan sát bằng kính lúp các vật dụng gần gũi: mô tả được kết quả quan sát; thao tác cầm kính và quan sát đúng.

+ Thông qua hoạt động tìm hiểu cấu trúc của kính hiển vi, ghi chú thích từng bộ phận, cách sử dụng kính hiển vi. Giáo viên ghi nhận xét kỹ năng làm việc nhóm của học sinh.

Đánh giá bằng câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập của học sinh:

+ Thông qua hoạt động thí nghiệm so sánh mức oxy trong khí hít vào và thở ra sử dụng bộ hiển thị dữ liệu và bộ cảm biến oxy. Giáo viên đánh giá năng lực tư duy khoa học thông qua câu hỏi thảo luận: Tại sao ở đây có sự khác nhau đối với mức độ khí oxy.

Đánh giá bằng sản phẩm học tập của học sinh:

+ Tiêu bản quan sát đường kính của 1 sợi tóc: tính tích cực học tập, kĩ năng khéo léo khi làm tiêu bản sợi tóc và lên kính quan sát.

+ Bảng 1. Kết quả thí nghiệm khí hít vào và thở ra

Trạng thái	Hàm lượng các chất khí	
	Ôxy (%)	Cacbonic (%)
Hít vào	20,8	0,03
Thở ra	16	04

Giáo viên có thể đặt thêm câu hỏi tư duy cho học sinh giỏi: Ngoài các khí ôxy và cacbonic có khí nào khác trong khí hít vào và thở ra của em không? (gợi ý: khí nitơ khoảng 78% khí hiếm khoảng dưới 1%).

Lưu ý: khi học sinh đo hàm lượng các chất khí bằng bộ hiển thị dữ liệu và bộ cảm biến oxy có thể có rất nhiều số liệu khác nhau (đây là cơ hội rất tốt để học tập từ sự phân tích, giải thích tại sao có số liệu đó: kĩ năng sử dụng thiết bị).

C- Hoạt động luyện tập

- Hướng dẫn các cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Mục đích của hoạt động này là giúp học sinh củng cố, hoàn thiện kiến thức, kĩ năng vừa lĩnh hội được. Giáo viên sẽ yêu cầu học sinh luyện tập các thao tác, hoạt động học ở trên.

1. Thực hành quan sát bằng kính lúp: Giáo viên có thể cho học sinh ra ngoài, sử dụng kính lúp để quan sát các loài động, thực vật có trong vườn trường; cũng có thể cho các em quan sát đọc thông tin trên bao bì một sản phẩm mà chữ rất nhỏ như vỏ nhãn gói sữa Milo (hướng dẫn học sinh về hạn sử dụng sản phẩm, nơi sản xuất, thành phần có trong sản phẩm, ...).

2. Thực hành quan sát vi khuẩn trong sữa chua: Muốn thành công ở thí nghiệm này thì cần lưu ý học sinh lấy một lượng rất nhỏ sữa chua (chỉ bằng đầu que tăm) rồi dàn đều thật mỏng trên lam kính, nhỏ 1 giọt nước cất lên phần sữa chua trên lam kính rồi đợi la men lên sao cho không có bọt khí thì quan sát mới rõ.

3. Thảo luận nêu ra tên một số dụng cụ đo trong bộ cảm biến gắn với bộ hiển thị dữ liệu, dự đoán khả năng đo được (giới hạn đo), độ chính xác có thể (độ chia nhỏ nhất) những dụng cụ đo đó.

Tập sử dụng bộ cảm biến gắn với bộ hiển thị dữ liệu đo một chỉ số của môi trường (ví dụ đo độ pH hay nồng độ oxy của nước).

- Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh

Đánh giá bằng quan sát, nhận xét:

+ Thông qua hoạt động học sinh luyện tập sử dụng kính lúp: kỹ năng quan sát, kỹ năng sử dụng kính.

+ Thông qua hoạt động học sinh luyện tập sử dụng kính hiển vi: Giáo viên ghi nhận xét kỹ năng làm việc nhóm của học sinh.

+ Thông qua hoạt động học sinh luyện tập sử dụng bộ cảm biến gắn với bộ hiển thị dữ liệu: Giáo viên ghi nhận xét kỹ năng thu số liệu và làm việc hợp tác.

Đánh giá bằng sản phẩm học tập của học sinh:

+ Tiêu bản quan sát vi khuẩn trong sữa chua: tính tích cực học tập, kỹ năng khéo léo khi làm tiêu bản và lên kính quan sát.

D- Hoạt động vận dụng

- Hướng dẫn các cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Trên cơ sở kiến thức, kỹ năng mới được hình thành, học sinh vận dụng chúng để giải quyết các tình huống có liên quan trong cuộc sống hàng ngày.

1. Tự làm kính lúp: Mục tiêu của hoạt động này nhằm kích thích tư duy, óc “tò mò” của học sinh, rèn luyện thao tác thực hành chế tạo kính lúp. Để có thể thành công cần chú ý về nguyên liệu (có thể thay tấm nhựa màu bằng tấm bìa cattông nhưng chú ý cắt lỗ tròn có kích thước lớn hơn để tránh nước ngấm vào bìa cattông)

2. Giáo viên hướng dẫn nhóm học sinh làm một dự án nhỏ sử dụng kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu để nghiên cứu, tìm hiểu môi trường ở quanh em:

2a. Dùng kính lúp quan sát 3 loài sinh vật có kích thước nhỏ sống trong vườn trường; vẽ và ghi chú thích đầy đủ các bộ phận.

2b. Lấy 1 giọt nước trong ao, hồ nơi em sống lên kính hiển vi quan sát, mô tả những gì em quan sát được.

2c. Sử dụng bộ hiển thị dữ liệu và bộ cảm biến pH đo độ pH trong nước uống hằng ngày, trong nước sạch sinh hoạt, trong nước ao hồ nơi em sinh sống. Làm báo cáo kết quả khảo sát của nhóm em.

- Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh

Đánh giá bằng sản phẩm học tập của học sinh:

- + Học sinh báo cáo sản phẩm kính lúp tự làm.
- + Học sinh báo cáo kết quả làm dự án nhỏ sử dụng kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu để nghiên cứu, tìm hiểu môi trường ở xung quanh.

E – Hoạt động tìm tòi mở rộng

- Hướng dẫn các cách chuyển giao nhiệm vụ cho học sinh: Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau, ví dụ như tìm hiểu thành phần không khí, độ pH của nước trong ao, hồ nơi em sống rồi lấy 1 giọt nước đó lên kính hiển vi quan sát, mô tả những gì em quan sát được. Cũng có thể cùng nhóm bạn lên thư viện tìm hiểu về các loại kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu (ví dụ độ phóng đại của mỗi loại kính hiển vi).

Gợi ý cấu trúc dự án học tập

TÊN DỰ ÁN

I. Tổng quan

- Mục tiêu của dự án
- Người thực hiện
- Phạm vi nghiên cứu dự án
- Thời gian

II. Nội dung dự án

1. Lí do hình thành dự án
2. Nhiệm vụ của dự án
3. Điều kiện thực hiện dự án
 - Nguồn lực
 - Các thiết bị và cơ sở vật chất
 - Tài chính
4. Tổ chức thực hiện
 - Chia nhóm
 - Thực hiện các công việc được giao
 - Thu thập số liệu, báo cáo kết quả

- Đánh giá sản phẩm
- Kế hoạch thực hiện theo thời gian

5. Sản phẩm của dự án

- Danh mục các sản phẩm dự kiến
- Tiêu chí đánh giá sản phẩm

III. Phụ lục

- Các tài liệu học tập và tham khảo
- Bài học liên quan đến dự án
- Câu hỏi định hướng người học khi thực hiện và rút ra những kết luận từ dự án.
- Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh

Đánh giá bằng sản phẩm học tập của học sinh:

- + Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề
- + Học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau.
- + Đánh giá một dự án: có thể dựa vào 10 tiêu chí trong bảng dưới đây. Mỗi tiêu chí cho điểm từ 1 đến 5. Dự án đạt loại tốt khi có tổng điểm từ 40-50; khá: 30-40; đạt: 25-30; không đạt: dưới 25.

STT	Tiêu chí	Điểm					Ghi chú
		1	2	3	4	5	
1	Những kiến thức, kỹ năng thu được sau dự án						
2	Lượng kiến thức gắn với môn học trong dự án						
3	Tạo điều kiện cho mọi thành viên tham gia						
4	Chỉ rõ những công việc người học cần làm						
5	Tính hấp dẫn với người học của dự án						
6	Phù hợp với điều kiện thực tế						
7	Phù hợp với năng lực của người học						
8	Áp dụng công nghệ thông tin						

9	Sản phẩm có tính khoa học						
10	Sản phẩm có tính thực tiễn, thiết thực						

Làm tiêu bản và quan sát tảo, nguyên sinh động vật (sẽ học ở chủ đề 7)

Dùng rom khô, cỏ tươi hoặc rễ bèo cắt thành đoạn ngắn khoảng 10 cm, cho vào cốc thủy tinh và lấy nước ao có màu xanh đỏ vào, để từ ngày thứ 4 trở đi là có thể quan sát được các vi sinh vật sống trong bình nuôi cấy.

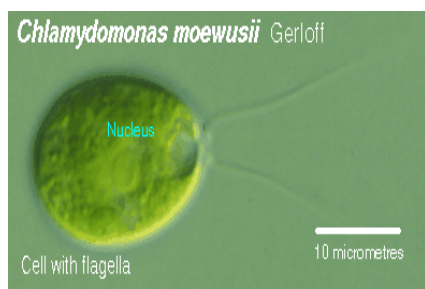
Giáo viên quan sát dịch nuôi cấy trước khi thực hành và chuẩn bị một số hình ảnh về Động vật nguyên sinh và Tảo có trong mẫu nuôi cấy để học sinh quan sát, đối chiếu.

Cách tiến hành:

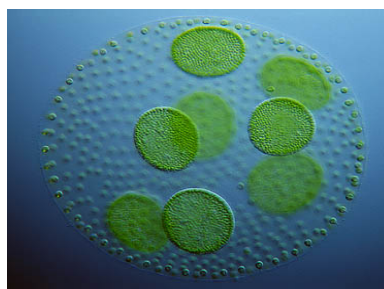
- Dùng ống hút hút nước có lớp váng của bình nuôi cấy rồi nhỏ 1 giọt lên lam kính.
- Đậy lá kính lên giọt dịch nuôi cấy và dùng giấy thấm hút bớt nước dư ở phía ngoài.
- Đưa lam kính lên bàn kính hiển vi sau đó chỉnh vùng có mẫu vật vào chính giữa hiển vi trường rồi quay vật kính x10 để quan sát vùng có mẫu vật.
- Mắt quan sát, tay phải di chuyển tiêu bản, tay trái chỉnh kính hiển vi sao cho luôn nhìn rõ được đối tượng cần quan sát (vì động vật nguyên sinh có thể di chuyển rất nhanh) → phát hiện được các đại diện điển hình cho ngành Động vật nguyên sinh và Tảo.
- Chuyển sang vật kính x40 để quan sát được rõ hơn về hình dạng và cấu tạo.

Giáo viên cung cấp một số hình ảnh Động vật nguyên sinh và Tảo để học sinh quan sát, đối chiếu.

Giáo viên định hướng quan sát: Các em có thể nhìn thấy các đại diện thuộc 2 lớp trùng roi và trùng cỏ, lớp trùng roi thường gặp là trùng roi xanh còn trùng cỏ có rất nhiều đại diện với nhiều hình dạng khác nhau.



a



b

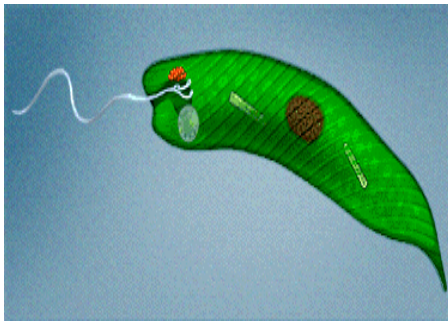


c

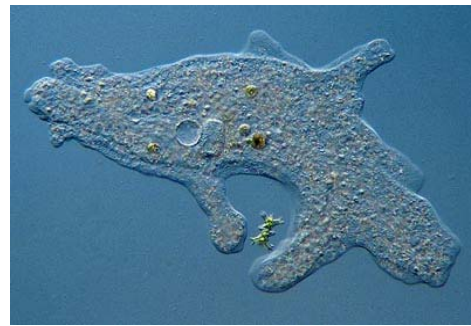
Một số nguyên sinh thực vật:

- a. Tảo lục đơn bào hình cầu
- b. Tập đoàn tảo lục (tập đoàn vônvôc)
- c. Tảo lục đơn bào hình thoi

Một số nguyên sinh động vật



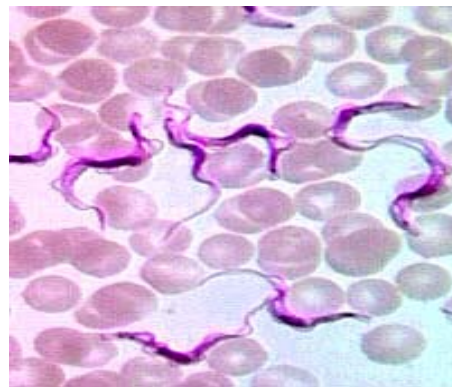
d. Trùng roi



e. Trùng biến hình



f. Trùng cỏ



g. Trùng bào tử

Thu hoạch: Giáo viên yêu cầu học sinh viết thu hoạch và vẽ hình dạng các vi sinh vật đã quan sát được.

BÀI 5. CHẤT VÀ TÍNH CHẤT CỦA CHẤT

(4 tiết)

1. Mục tiêu bài học:

a) Kiến thức, kĩ năng, thái độ:

Về kiến thức:

-Vật thể có ở mọi nơi, ở đâu có vật thể là ở đó có chất như vậy chất có ở khắp nơi.

-Tùy thuộc điều kiện về nhiệt độ và áp suất, có ba trạng thái tồn tại của chất là rắn, lỏng, khí và mỗi trạng thái có một số đặc tính chung.

- Mỗi chất có những tính chất nhất định (Tính chất vật lý được thể hiện ở trạng thái hay thể (rắn, lỏng, khí), nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi,...Khả năng biến đổi thành chất khác, ... là những tính chất hóa học).

Về kĩ năng:

- Phân biệt được vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo;

- Phân biệt được chất nguyên chất (tinh khiết) và hỗn hợp.

Về thái độ:

- HS có hứng thú, có tinh thần say mê trong học tập.

- Tích cực tự lực phát hiện và thu nhận kiến thức .

b) Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

Năng lực hợp tác ; năng lực đọc hiểu; năng lực xử lý thông tin; năng lực tìm tòi nghiên cứu khoa học; năng lực vận dụng kiến thức.

2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học

a) Hướng dẫn chung:

Đây là bài học đầu tiên hình thành cho HS một số khái niệm cơ bản ban đầu về chất, tính chất của chất. Với mục đích giúp cho HS có một cái nhìn tổng quan, có sự quan sát về thế giới tự nhiên, về cuộc sống xung quanh muôn hình muôn vẻ nhưng đều được tạo nên từ các chất. Vì vậy trong hoạt động khởi động GV cần huy động vốn kiến thức, vốn kinh nghiệm HS đã có để chỉ ra được các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo và chúng được tạo nên chất nào. Nhưng để trả lời được câu hỏi chất có ở đâu, chất có những tính chất gì? Các em phải chuyển sang hoạt động hình thành kiến thức.

Trong hoạt động hình thành kiến thức, GV vẫn tiếp tục hướng dẫn HS quan sát các vật thể xung quanh để chỉ ra được đâu là vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, chúng được tạo nên từ những chất nào để từ đó hình thành kiến thức: *Vật thể được tạo nên từ các chất. Ở đâu có vật thể ở đó có chất. Chất có ở khắp mọi nơi.* Huy động vốn kiến thức đã học ở môn KHTN 5 (ba trạng thái tồn tại của nước) để nghiên cứu và hiểu được trạng thái (thể) tồn tại của chất. Thông qua quan sát, thông qua làm thí nghiệm HS hiểu được thể nào là tính chất vật lý, tính chất hóa học, hỗn hợp, chất tinh khiết, cách tách chất ra khỏi hỗn hợp như thế nào.

Hoạt động luyện tập sẽ giúp các em củng cố khắc sâu kiến thức, phân biệt được vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo; Phân biệt được chất nguyên chất (tinh khiết) và hỗn hợp thông qua các bài tập làm cá nhân.

Hoạt động vận dụng: HS không phải làm tại lớp các em sẽ hoạt động theo nhóm hoặc hoạt động cộng đồng. HS vận dụng được các kiến thức đã học phân biệt được các chất nguyên chất hay hỗn hợp, phân biệt tính chất vật lý, tính chất hóa học, cách tách chất ra khỏi hỗn hợp ở một số hiện tượng trong thực tiễn.

Hoạt động tìm tòi mở rộng sẽ kích thích HS muốn tìm hiểu xem vật thể được tạo nên từ chất, vậy chất có từ đâu? Điều đó đặt ra tình huống có vấn đề kích thích các em nhu cầu tìm tòi, mở rộng.

b) Hướng dẫn tổ chức hoạt động học tập

A. Hoạt động khởi động

Vào bài GV có thể đặt câu hỏi: Xung quanh chúng ta có rất nhiều vật thể, chúng được tạo thành từ những vật liệu nào? Chất nào? Vật thể có ở đâu, chất có ở đâu? Các em học theo nhóm, nhìn vào các hình ảnh đã cho và điền các từ thích hợp vào chỗ trống trong các hình ảnh đó.

Hoạt động này nhằm mục đích huy động những hiểu biết trong thực tiễn của HS, HS biết được các vật thể có ở xung quanh chúng ta, các vật thể được làm từ vật liệu nào? (như bát được làm bằng sứ, bàn được làm bằng gỗ, cốc được làm bằng thủy tinh. Thân cây mía có chứa đường, nước, xenlulozo... núi đá vôi có chứa thành phần chính là canxi cacbonat, trong nước biển có hòa tan muối ăn...) HS có thể diễn tả bằng những từ khác như: Thân cây mía có xenlulozo là bã mía hoặc núi đá vôi được tạo thành từ đá vôi. Các em có thể tự sửa sau khi học xong nội dung 1

B. Hoạt động hình thành kiến thức

Căn cứ vào mục tiêu của bài, hoạt động hình thành kiến thức được tổ chức để HS huy động vốn kinh nghiệm đã có, vốn kiến thức đã học để tìm tòi tự thu nhận kiến thức về chất có ở đâu, trạng thái của chất. Thông qua tiến hành TN, quan sát thí nghiệm, nhận xét, rút ra được kết luận về tính chất của chất, phân biệt được chất tinh khiết, hỗn hợp và cách tách các chất ra khỏi hỗn hợp. Đồng thời với việc tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm kết hợp với sử dụng kĩ thuật “ Khăn trải bàn”, kĩ thuật “hợp tác theo nhóm”, hoạt động cá nhân đọc thông tin, làm việc độc lập hoặc làm việc theo cặp đôi, để HS tự thu nhận được các kiến thức mới .

Nội dung 1: Vật thể có ở đâu ? Chất có ở đâu ?

GV yêu cầu các em làm việc theo cặp đôi, các em trao đổi kể được tên một số vật thể tự nhiên và chỉ ra được các thành phần chính có trong vật thể tự nhiên đó, kể được tên vật thể nhân tạo và chỉ ra được vật thể đó được làm từ vật liệu (chất hay hỗn hợp chất) nào? Sau đó các em tự điền vào bảng (ghi vào vở). Từ đó HS trả lời được câu hỏi : Vật thể có ở đâu? Chất có ở đâu?

Khi HS báo cáo kết quả GV lưu ý xem HS kể tên vật thể có nhầm lẫn giữa vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo hay không đặc biệt thành phần chính gồm các chất tạo nên vật thể tự nhiên và vật liệu (chất hoặc hỗn hợp chất) được dùng để làm các vật thể nhân tạo.

GV có thể gọi 1-2 em đứng tại chỗ báo cáo kết quả làm việc. Các bạn khác bổ sung.

Nội dung 2: Trạng thái (thể) của chất.

GV cần yêu cầu các em làm việc cá nhân. Từng em đọc đoạn thông tin, nếu chỗ nào chưa hiểu em có thể hỏi bạn hoặc nhờ sự trợ giúp của GV.

Trên cơ sở nhớ lại kiến thức đã học ở lớp dưới, *nước có thể tồn tại ở ba trạng thái rắn, lỏng, khí. Nước ở trạng thái lỏng và trạng thái khí không có hình dạng nhất định. Nước ở trạng thái rắn có hình dạng nhất định.*

HS đọc thông tin để biết một chất có thể tồn tại ở một trong ba trạng thái rắn, lỏng, khí tùy theo điều kiện về nhiệt độ, áp suất và chúng có một số đặc tính chung được mô tả trong bảng và biết được sự khác nhau giữa các trạng thái của chất.

Để trả lời được câu hỏi: “Tại sao có sự khác nhau như vậy ?” GV yêu cầu các em làm việc theo nhóm: đọc thông tin như trong sách hướng dẫn và trao đổi hai câu hỏi:

- + Khoảng cách giữa các hạt ở mỗi trạng thái;
- + Các hạt ở mỗi trạng thái chuyển động như thế nào?

Sau khi hoàn thành xong hoạt động này GV đề nghị đại diện nhóm lên trình bày 2 câu hỏi thảo luận và bài tập 3. Các nhóm khác bổ sung.

Đáp án bài 3 như sau (GV có thể chiếu đáp án nếu dùng máy chiếu vật thể hoặc máy chiếu hắt hoặc máy chiếu projector hoặc treo bảng phụ)

Khi chất ở trạng thái rắn các hạt sắp xếp **khít nhau (d)** và dao động **tại chỗ (b)**, ở trạng thái lỏng các hạt ở **gần sát nhau (a)** và chuyển động **trượt lên nhau (đ)** còn ở trạng thái khí các hạt ở **rất xa nhau (c)** và chuyển động **nhANH hơn (e)** về nhiều phía (hỗn độn).

Nội dung 3: Tính chất của chất

Xét tính chất của một chất là xét đến tính chất vật lý và tính chất hóa học của chất đó, trong nội dung của chủ đề này HS không nghiên cứu một chất cụ thể nào vì vậy cần cung cấp cho HS thông tin .

GV cần yêu cầu các em làm việc cá nhân. Từng em đọc đoạn thông tin, nếu chỗ nào chưa hiểu em có thể hỏi bạn hoặc nhờ sự trợ giúp của GV.

Chuyển sang câu hỏi : Làm thế nào để biết được tính chất của chất?

*GV yêu cầu các em làm việc theo nhóm bài tập 1 và trả lời được ý a của bài tập 2. GV tổ chức cho các em báo cáo kết quả . Đáp án ý a bài tập 2 là:

a) Bằng cách **quan sát** em có thể biết được hình dạng bề ngoài, màu sắc, trạng thái (rắn, lỏng, khí) ... của một vật thể/chất .

*GV yêu cầu các em thảo luận tiếp các ý b, c, d và tổ chức cho các em báo cáo.

b) *Thông qua thông tin đã cung cấp* : Người ta có thể dùng các dụng cụ đo, như dùng nhiệt kế (dụng cụ đo nhiệt độ) để đo được nước sôi ở 100 °C; nước đá nóng chảy ở 0 °C (ở áp suất 1 atm).

Vậy: Để có thể xác định được nhiệt độ nóng chảy, nhiệt độ sôi, khối lượng riêng của một chất cần phải **có các dụng cụ đo**.

c) Làm thế nào để biết một chất (như đường, muối ăn, đá vôi,...) có tan trong nước hay không? Với câu hỏi này bằng những kinh nghiệm thực tế trong đời sống các em có thể trả lời được là phải ***làm thử*** (tức là phải ***làm thí nghiệm***)

d) Dấu hiệu nào nhận ra tính chất hóa học của chất? Với câu hỏi này là khó hiểu đối với các em nên GV có thể gợi ý các em chú ý quan sát hình ảnh trong sách đã đưa ra ở bài tập trên, đó là hình ảnh :



Các em nhắc lại nhận xét:

Trước khi đun nóng : đường có màu trắng , vị ngọt.

Sau khi đun nóng đường có màu nâu, vị đắng

GV có thể đưa thêm câu hỏi vì sao lại có sự khác nhau như vậy? Các em có thể trả lời được hoặc không trả lời. GV gợi ý : do đường cháy tạo ra chất mới có màu và mùi khác với chất ban đầu như vậy là đường biến đổi thành chất khác. *Vậy dấu hiệu nhận ra tính chất của chất là khả năng biến đổi thành chất khác.*

*GV yêu cầu các em hoàn thành bài tập 3 và báo cáo kết quả.

Nội dung 4: Chất nguyên chất (tinh khiết), hỗn hợp. Cách tách chất ra khỏi hỗn hợp.

GV yêu cầu các em nhận dụng cụ hóa chất thí nghiệm theo nhóm và kiểm tra xem đã đầy đủ chưa.

HS làm việc theo nhóm tiến hành thí nghiệm như sách đã hướng dẫn và điền các thông tin vào bảng.

GV yêu cầu đại diện báo cáo kết quả và đưa ra kết luận thông qua bài tập 2.

Để biết cách tách chất ra khỏi hỗn hợp, các em cần phải được cung cấp thông tin về tính chất của chất tinh khiết.

*GV yêu cầu các em làm việc cá nhân. Đọc đoạn thông tin đó phải trả lời được câu hỏi: Chất như thế nào mới có tính chất nhất định? Chất tinh khiết mới có những tính chất nhất định.

Để tách một chất ra khỏi hỗn hợp, các em sẽ tiến hành thí nghiệm theo nhóm như sách hướng dẫn

*GV yêu cầu các nhóm nhận khay thí nghiệm và kiểm tra xem đã đầy đủ dụng cụ và hóa chất chưa. Sau đó tiến hành thí nghiệm và điền các thông tin vào bảng.

*Hoạt động cả lớp: GV yêu cầu đại diện các nhóm lên trình bày kết quả tiến hành thí nghiệm. Các nhóm khác bổ sung .

C. Hoạt động luyện tập

HS làm việc cá nhân, GV theo dõi giúp đỡ HS, có thể đánh giá HS qua việc HS làm các bài tập để củng cố khắc sâu kiến thức.

Bài tập 1. Ví dụ về 3 vật thể được làm bằng:

- a) nhôm (ví dụ : ca, chậu, xô ...)
- b) thủy tinh (ví dụ: cốc, lọ hoa, bình thủy....)
- c) nhựa (ví dụ: chậu, rổ, rá, ...)

Bài tập 2. Hãy chỉ ra đâu là vật thể, đâu là chất:

Câu	Vật thể	Chất
a	<i>Cơ thể người</i>	nước
b	<i>bút chì</i>	<i>than chì</i>
c	<i>dây điện</i>	<i>nhựa dẻo ; đồng.</i>
d	<i>Áo</i>	<i>xenlulozơ; nilon</i>

Bài tập 3. Cho thí dụ về:

- a) một loại vật thể nhân tạo có thể được làm bằng nhiều vật liệu khác nhau (chất khác nhau).

Ví dụ : Xe đạp được làm từ sắt, yên xe bằng nhựa, lốp làm từ cao su....

b) các vật thể nhân tạo khác nhau có thể được làm từ một vật liệu (cùng một chất).

Ví dụ: Vật liệu là nhựa các vật thể có thể là ca nhựa, chậu nhựa

Với bài tập này HS có thể đưa ra bằng các ví dụ rất khác nhau, GV nên chú ý quan sát HS có thể nhầm lẫn giữa vật thể với chất.

Bài tập 4.

– Nước khoáng và nước cất giống nhau ở điểm gì ?

HS phải chỉ ra được một số điểm cơ bản về sự giống nhau: đều là chất lỏng, không màu, không vị, uống được...

– Thành phần của nước khoáng và nước cất khác nhau như thế nào ?

Khác : Nước khoáng là nước có chứa một số các khoáng chất có lợi cho sức khỏe

Nước cất là nước tinh khiết

– Trong cuộc sống nước khoáng và nước cất được sử dụng như thế nào ?

HS chọn phương án bạn B và có thể bổ sung thêm ý kiến riêng của mình.

D. Hoạt động vận dụng

Hoạt động này HS không phải làm trên lớp, GV hướng dẫn HS về nhà trao đổi trong nhóm hoặc trao đổi với người thân để vận dụng kiến thức đã học vào các tình huống có trong thực tiễn.

Từ câu 1 đến câu 5 các em trao đổi trong nhóm và có báo cáo kết quả cho GV trong buổi học sau.

Hoạt động cộng đồng (trao đổi với người thân) HS không cần phải báo cáo kết quả.

E. Hoạt động tìm tòi mở rộng

Mục “em có biết”, HS đọc thêm để mở rộng thông tin và chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

Gợi ý phương án đánh giá kết quả hoạt động của học sinh

Đánh giá kiến thức, kĩ năng thông qua việc HS thực hiện các hoạt động. GV tranh thủ nhận xét hoạt động của cá nhân hoặc nhóm và ghi nhận xét vào vở của các em. GV có thể đánh giá HS qua hoạt động luyện tập.

GV sử dụng Bảng tiến độ của HS trong nhóm hoặc sử dụng bảng kiểm quan sát để đánh giá năng lực hợp tác của HS thông qua hoạt động nhóm

Ví dụ :

Bảng kiểm quan sát năng lực hợp tác của HS

Trường	Họ tên GV đánh giá		
Lớp	Họ tên HS:		
Các tiêu chí	Mức độ		
	Mức 1 1đ	Mức 2 2đ	Mức 3 3đ
1. Chia sẻ hiểu biết và cùng xác định nhiệm vụ chung của nhóm			
2. Nhận nhiệm vụ và thực hiện các nhiệm vụ do nhóm giao cho theo cá nhân, theo cặp hoặc nhóm nhỏ.			
3. Trình bày, chia sẻ kết quả với các thành viên trong nhóm.			
4. Lắng nghe các ý kiến của thành viên khác và tham gia thảo luận để đưa ra kết luận chung của nhóm.			
5. Trình bày, chia sẻ các nhiệm vụ học tập, tiếp thu ý kiến trao đổi của nhóm khác			
6. Tự đánh giá kết quả của nhóm mình và các nhóm khác trong lớp			

HƯỚNG DẪN DẠY HỌC

SỰ CO GIãn VÌ NHIỆT CỦA CHẤT RẮN, CHẤT LỎNG VÀ CHẤT KHÍ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ

a) Kiến thức:

- Mô tả được tính chất nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí;
- So sánh được sự nở vì nhiệt khác nhau của chất rắn, chất lỏng và chất khí.

b) Kỹ năng:

- Kỹ năng thí nghiệm: thiết kế phương án và tiến hành thí nghiệm;
- Giải thích được các ứng dụng của sự nở vì nhiệt trong thực tế.

c) Thái độ:

- Chăm thận, trung thực, đoàn kết, hợp tác;
- Ham học hỏi, chia sẻ và tranh thủ sự giúp đỡ của gia đình trong học tập;
- Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.

2. Hình thành và phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề;
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ nói và viết;
- Năng lực hợp tác và giao tiếp.

II. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học

1. Hướng dẫn chung

Bài "Sự nở vì nhiệt của các chất" được cấu tạo từ 4 bài trong chương trình Vật lí lớp 6 hiện hành, có tổng thời lượng 4 tiết học. Cụ thể là:

Bài 18: Sự nở vì nhiệt của chất rắn

Bài 19: Sự nở vì nhiệt của chất lỏng

Bài 20: Sự nở vì nhiệt của chất khí

Bài 21: Một số ứng dụng của sự nở vì nhiệt

Các bài này có chung một chủ đề là sự co giãn vì nhiệt của các chất và vì thế nội dung có liên quan mật thiết với nhau. Để thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động học tích cực, tự lực của học sinh, nội dung học của 4 tiết nói trên được thiết kế trong một bài học "Sự co giãn vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí". Các hoạt động học được thiết kế tuân theo tiến trình sư phạm của phương pháp thực nghiệm trong dạy học vật lí.

Thông tin về việc co giãn vì nhiệt của các chất đã được nêu rõ ngay từ tên bài học và mục tiêu của bài học. Vì vậy vấn đề cần đặt ra cho học sinh không phải là "Nóng - nở ra; lạnh - co lại" mà "nở ra và co lại như thế nào". Vì vậy bài học bắt đầu bằng việc giao cho học sinh dự đoán hiện tượng có thể xảy ra trong thí nghiệm đốt nóng băng kép và làm nóng các bình đựng các chất lỏng khác nhau. Dự đoán của học sinh được hình thành trên cơ sở thí nghiệm tưởng tượng (chưa tiến hành thí nghiệm), trên cơ sở vốn hiểu biết ban đầu của học sinh về sự nở vì nhiệt của các chất.

Tùy vào đối tượng học sinh mà hoạt động này có thể được hoàn thành nhanh, chậm khác nhau. Với bố trí thí nghiệm mà học sinh quan sát được trong hình vẽ (hoặc ảnh chụp), học sinh có thể đưa ra một số dự đoán, có thể đúng hoàn toàn, đúng một phần hoặc có thể sai. Lời giải thích của học sinh cho dự đoán của mình bộc lộ quan niệm (hiểu biết) ban đầu mà học sinh đang có. Dự đoán của học sinh có thể đa dạng như sau:

- Băng kép bị đen vì khói;
- Băng kép bị nóng đỏ;
- Băng kép bị quăn lại vì nóng lên;
- Bình chứa chất lỏng bị méo đi do có nước nóng đổ vào;
- Cột chất lỏng trong các ống dâng cao lên;

...

Cho dù dự đoán là thế nào thì học sinh cũng có nhu cầu được tiến hành thí nghiệm để kiểm tra. Dù dự đoán và lời giải thích đúng hay sai, học sinh đều thấy cần thiết phải kiểm chứng bằng cách làm thí nghiệm và đối chiếu với kiến thức trong sách để khẳng định, sửa đổi hay bác bỏ lời giải thích của mình. Qua đó học sinh học được kiến thức, kĩ năng mới mà chúng ta cần dạy cho học sinh.

Sau khi tiến hành thí nghiệm, học sinh quan sát, đối chiếu với dự đoán lúc đầu và khẳng định hiện tượng đã quan sát được trong thí nghiệm; hoàn thành đoạn văn bản "điền khuyết" trên cơ sở đối chiếu với hiện tượng quan sát được trong thí nghiệm;

phân tích một bảng số liệu cho trước về sự nở vì nhiệt của một số chất để học kiến thức mới về tính chất nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí.

Để rèn luyện cho học sinh về tư duy khoa học, những kiến thức mà học sinh vừa học cần được kiểm chứng qua thí nghiệm. Các thí nghiệm kiểm chứng sự nở vì nhiệt của quả cầu sắt và không khí trong chai ở hoạt động "Luyện tập" nhằm mục đích đó. Giáo viên cần giúp đỡ học sinh trình bày được các bước tiến hành thí nghiệm trước khi cho học sinh thực hiện, ghi lại hiện tượng quan sát được và nêu kết luận. Tiếp theo, học sinh cần được luyện tập việc vận dụng kiến thức đã học được để giải quyết một số câu hỏi, bài tập liên quan đến những hiện tượng và ứng dụng của sự nở vì nhiệt trong cuộc sống. Qua hoạt động này, học sinh nắm chắc hơn kiến thức về sự nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí, bao gồm cả kiến thức về sự xuất hiện lực rất lớn khi chất rắn co giãn vì nhiệt; so sánh được tính chất nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí; vận dụng được kiến thức về sự nở vì nhiệt để giải thích các hiện tượng liên quan trong thực tế.

Các hoạt động "Vận dụng" và "Tìm tòi, mở rộng" nhằm yêu cầu học sinh biết tìm hiểu và đề xuất 1 việc trong sinh hoạt hằng ngày cần phải chú ý để tránh tác hại của sự nở vì nhiệt; tìm hiểu thêm trong thực tế về các ứng dụng của sự nở vì nhiệt để giải thích.

Như vậy, qua 5 hoạt động trên, học sinh đã được trải qua đầy đủ tiến trình sư phạm của phương pháp thực nghiệm: vấn đề - giả thuyết - thí nghiệm - kết luận - vận dụng.

2. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học

a) Hoạt động khởi động

Bắt đầu bài học, học sinh chưa có dụng cụ thí nghiệm mà sử dụng sách Hướng dẫn học để đọc và thực hiện nhiệm vụ được giao. Giáo viên nêu Tên bài học và Mục tiêu của bài học, giao cho học sinh sử dụng sách Hướng dẫn học để đọc và thực hiện nhiệm vụ.

Để đảm bảo cho tất cả học sinh đều hiểu nhiệm vụ phải làm, giáo viên quan sát hoạt động của các nhóm học sinh để phát hiện những khó khăn, lúng túng của học sinh và có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Mục đích là giúp cho tất cả học sinh đều hiểu rõ

- Dự đoán nghĩa là thế nào?

- Phải trả lời được tại sao mình lại "nghĩ" như vậy?

Giáo viên cũng cần lưu ý quan sát và hướng dẫn để nhóm trưởng biết điều hành hoạt động nhóm sao cho từng học sinh viết được dự đoán của mình vào vở rồi mới chia sẻ, thảo luận với các bạn trong nhóm; biết ghi chép lại các ý kiến khác nhau của các bạn trong nhóm và ý kiến thống nhất của cả nhóm. Trong quá trình các nhóm học sinh hoạt động, giáo viên cần quan sát, đến thăm một vài nhóm để trao đổi thêm với học sinh, đưa ra những nhận xét, định hướng cụ thể khi cần; tranh thủ ghi nhận xét vào vở học tập của một vài học sinh.

Với mỗi nhóm đã hoàn thành hoạt động và có yêu cầu được báo cáo, giáo viên cần ghi nhận kết quả, nhận xét, gợi ý để học sinh có thể hoàn thiện; nếu nhóm học sinh nào đã có dự đoán và lời giải thích tương ứng thì cho phép nhóm đó thực hiện hoạt động tiếp theo, không chờ các nhóm khác.

Cá biệt nếu có nhóm nào hết tiết 1 vẫn chưa hoàn thành hoạt động này thì sẽ được tiến hành thí nghiệm vào tiết 2. Khi đó giáo viên cần quan tâm hướng dẫn, giúp đỡ cụ thể hơn để các em về nhà tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ để sẵn sàng cho giờ học tiếp theo.

b) Hoạt động hình thành kiến thức

- Nhóm nào xong Hoạt động khởi động trước thì chuyển sang Hoạt động hình thành kiến thức trước, không cần chờ cả lớp phải xong đồng loạt.

- Chú ý hướng dẫn học sinh về quy tắc an toàn khi thí nghiệm; cách quan sát và ghi kết quả quan sát được; đối chiếu kết quả quan sát được với dự đoán ban đầu; đọc nội dung kiến thức về sự giãn nở vì nhiệt của chất rắn và chất lỏng trong sách Hướng dẫn học để thảo luận và thống nhất việc giải thích cho hiện tượng quan sát được trong thí nghiệm.

- Khi học sinh báo cáo kết quả, bao gồm hiện tượng quan sát được và vận dụng được kiến thức về sự nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng để giải thích, giáo viên cần nhận xét và gợi ý để học sinh hoàn thiện.

- Học sinh cần nêu được hiện tượng quan sát được trong thí nghiệm; trên cơ sở hiện tượng quan sát được để chọn các từ điền vào chỗ trống và hoàn thành nội dung về sự nở vì nhiệt trong sách Hướng dẫn học:

+ Khi bị đốt nóng, băng kép bị bẻ cong về phía thanh thép, chứng tỏ khi bị đốt nóng, thanh thép và thanh đồng giãn nở khác nhau, cụ thể là đồng giãn nở nhiều hơn thép.

+ Khi đổ nước nóng vào chậu, chất mực chất lỏng trong cả 3 bình dâng lên; mực chất lỏng trong bình rượu cao nhất, rồi đến bình dầu hỏa và thấp nhất là nước, chứng tỏ các chất lỏng khác nhau nở vì nhiệt khác nhau, cụ thể rượu nở nhiều hơn dầu hỏa và dầu hỏa nở nhiều hơn nước nên mực rượu cao nhất, sau đó đến dầu hỏa và thấp nhất là nước.

Từ đó học sinh hoàn thành được nội dung trong khung về sự nở vì nhiệt.

Trường hợp hết tiết học thứ hai, nếu có nhóm học sinh chưa hoàn thành hoạt động này, giáo viên cần hướng dẫn để các em hoàn thành tiếp ở nhà; các em có thể nhờ thêm sự hỗ trợ của gia đình để đến tiết học thứ sau báo cáo với giáo viên trước khi chuyển sang hoạt động "Luyện tập".

c) Hoạt động luyện tập

Nhóm nào đã xong hoạt động hình thành kiến thức và báo cáo với giáo viên, đã được giáo viên nhận xét, đánh giá, chỉnh sửa thì có thể chuyển sang hoạt động luyện tập.

Giáo viên cần hướng dẫn học sinh biết tự học ở nhà; thực hiện độc lập, ghi vào vở câu trả lời cho từng câu hỏi; có thể nhờ thêm sự giúp đỡ của bố, mẹ, người thân trong gia đình.

Đến tiết học trên lớp, giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp tục trao đổi, thảo luận để thống nhất câu trả lời trước khi báo cáo với giáo viên. Trong quá trình đó, giáo viên cần tranh thủ xem xét vở học tập của một số học sinh để nhận xét, đánh giá và có thể cho điểm nếu thấy cần thiết. Tuy nhiên, cần chú ý rằng điểm này chỉ cho sau khi đã có nhận xét, đánh giá và định hướng để học sinh hoàn thiện bài làm, đồng thời nói rõ là không tính vào điểm cuối kì của môn học để học sinh và gia đình được biết.

Hoạt động "Luyện tập" hết sức quan trọng, giúp cho học sinh vừa nắm chắc được kiến thức, vừa có kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống nêu ra trong các câu hỏi, bài tập, giúp cho học sinh đáp ứng được các bài kiểm tra, thi sau này.

Để hướng dẫn cho học sinh giải thích được các ứng dụng của sự nở vì nhiệt trong thực tế, giáo viên cần lưu ý giúp học sinh xác định được:

- Vật chịu sự giãn nở vì nhiệt trong ứng dụng là gì?
- Khi nhiệt độ tăng, vật đó giãn nở như thế nào?
- Điều gì sẽ xảy ra nếu có sự cản trở đối với sự giãn nở của vật đó?

- Để tránh tác hại do sự giãn nở vì nhiệt của vật đó thì phải làm gì? Làm rõ tác dụng của bộ phận được chế tạo để thực hiện điều đó.

...

d) Hoạt động vận dụng và tìm tòi, mở rộng

Giao nhiệm vụ này cho học sinh về nhà thực hiện, giáo viên có thể gợi ý một số hoạt động trong gia đình như nấu ăn, rót nước, pha trà... cũng như các ứng dụng khác của sự nở vì nhiệt trong thực tế để học sinh lưu ý, tìm hiểu. Nhắc học sinh có thể hỏi bố, mẹ và người thân trong gia đình để được giúp đỡ.

Một số lưu ý cần tránh có thể là:

- Không rót nước sôi vào cốc thủy tinh;
- Không đổ nước đầy ấm trước khi đun;
- Không đổ nước đầy chai;
- Tại sao tôn lợp nhà có hình lượn sóng?
- Tại sao ống dẫn nước có chỗ cong?

...

Yêu cầu học sinh có thể lựa chọn một trong số các hành động cần tránh để viết và nộp cho giáo viên vào giờ học tiếp theo.

Sau khi học sinh nộp bài, tùy vào điều kiện cụ thể, giáo viên có thể:

- Tổ chức cho học sinh báo cáo và thảo luận toàn lớp;
- Trực tiếp nhận xét, đánh giá và trả bài cho học sinh;
- Giao cho các nhóm học sinh đánh giá lẫn nhau và xem xét lại các nhận xét, đánh giá của học sinh;
- Yêu cầu học sinh đưa các bài viết vào "góc học tập" hoặc "góc thư viện"; giao cho mỗi học sinh tìm đọc và chọn một bài viết của bạn khác trong lớp để nhận xét, đánh giá và nộp cho giáo viên; giáo viên đánh giá học sinh thông qua bài viết của học sinh, kết hợp với phần nhận xét, đánh giá bạn của học sinh đó...

Đối với bài "Sự co giãn vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí", thời lượng trên lớp có thể được sử dụng là 4 tiết. Vì vậy giáo viên có thể sử dụng những tiết còn lại để học sinh hoạt động trên lớp như: báo cáo, thảo luận; tìm hiểu về bài

viết của bạn để nhận xét, đánh giá... Cũng trong thời gian này, giáo viên cần quan tâm giúp đỡ những học sinh còn yếu kém, chưa hoàn thành các hoạt động học; cần lưu ý giao cho học sinh giúp đỡ lẫn nhau.

Cuối cùng, giáo viên cần dành thời gian để tổng kết bài học chung cho toàn lớp và chuẩn bị cho bài học tiếp theo.

Như vậy, có thể tóm tắt tiến trình dạy học như sau:

Tiết 1: Khởi động - Dự đoán - Thí nghiệm

Tiết 2: Hình thành kiến thức về sự co giãn vì nhiệt

Tiết 3: Luyện tập: thí nghiệm kiểm chứng + ứng dụng

Tiết 4: Báo cáo, thảo luận về kết quả "Vận dụng", "Tìm tòi, mở rộng".

Nếu bố trí môn KHTN học 2 tiết/tuần (không nên bố trí 2 tiết liền nhau) thì bài này học sinh học trong 2 tuần. Trong khoảng thời gian giữa các tiết lên lớp, giáo viên cần hướng dẫn cho học sinh biết trao đổi với bố, mẹ và người thân trong gia đình để được hỗ trợ hoàn thành các nhiệm vụ học tập./.

IV. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

1. Những lưu ý kiểm tra đánh giá

a) Mục đích

- Đánh giá sự tiếp thu bài của từng học sinh và các nhóm học sinh so với yêu cầu đã đề ra

b) Nội dung

Đánh giá quá trình thông qua vấn đáp, theo dõi quá trình các hành vi và thái độ học tập của học sinh

Đánh giá sự hoàn thành nhiệm vụ học tập thông qua nhiệm vụ được giao

c) Phương thức

- Theo dõi tiến sự tích cực của học sinh trong khi làm việc cá nhân, làm việc nhóm thông qua quan sát, vở ghi

- Theo dõi tiến độ và hiệu quả công việc của học sinh

- Theo dõi sự chuẩn bị bài, thiết bị dạy học và học liệu
- Học sinh tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau
- Đánh giá sự phản hồi tương tác của cá nhân học sinh với bạn, với thầy và cộng đồng...
- Kết quả làm bài, trả lời câu hỏi.

d) Sản phẩm

- Những lời nhận xét, động viên khen ngợi cho từng em, từng nhóm
- Ghi nhận xét và cho điểm bài kiểm tra (nếu có)
- Ghi kết quả đánh giá vào sổ nhật kí đánh giá

1.1. Đánh giá trên lớp

Hướng dẫn phương án đánh giá kết quả hoạt động học của học sinh đã được thể hiện trong tài liệu Hướng dẫn học (đánh giá bằng quan sát, nhận xét; cách biên soạn câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập; cách đánh giá sản phẩm học tập của học sinh; xây dựng rubric đánh giá; cách tổ chức cho học sinh tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng; cách ghi nhật kí dạy học...); Gợi ý các phương án đánh giá khác có thể sử dụng.

Xem công văn hướng dẫn đánh giá xếp loại học sinh theo mô hình trường học mới. Có các hình thức đánh giá trong quá trình học tập của học sinh:

a) Đánh giá bằng quan sát, nhận xét cá nhân và nhóm: Thái độ làm việc, ghi chép và hợp tác nhóm...

b) Đánh giá bằng câu hỏi/bài tập/nhiệm vụ học tập: Thái độ làm việc, ghi chép và hợp tác nhóm....

c) Đánh giá thông qua sản phẩm :

- Báo cáo thực hành (Phiếu học tập), vở ghi của HS.
- Quan sát bảng tiến độ học tập của các nhóm.
- Thái độ làm việc, sự hoàn thành công việc

d) Kiểm tra viết

1.2. Đánh giá bằng kiểm tra viết

Cả năm HS được kiểm tra viết 2 lần vào cuối mỗi học kì. Kết quả kiểm tra viết học kì 2 được lấy để đánh giá kết quả bằng điểm số cả năm.

Trong quá trình học tập, GV vẫn có thể kiểm tra viết bằng các hình thức khác như kiểm tra 5 phút, 15 phút... để điều chỉnh sự học tập của học sinh.

Khi ra đề kiểm tra viết học kì, giáo viên cần tuân thủ quy trình ra làm rõ mục tiêu kiểm tra, đảm bảo các mức độ kiến thức nhận thức trong đó phải có những câu hỏi, tình huống gắn liền với thực tiễn giúp các em vận dụng kiến thức tổng hợp để làm bài.

Việc xây dựng ma trận đề kiểm tra cần thống nhất trong tổ/nhóm bộ môn, không ra đề tùy tiện. Đề thi phải có ma trận và phải được BGH nhà trường phê duyệt.

2. Minh họa câu hỏi và đề kiểm tra viết theo định hướng phát triển năng lực

2.1. Một số câu hỏi kiểm tra

Chủ đề: Chất và trạng thái của chất.

Câu 1. Hãy kể tên 3 vật thể tự nhiên và 3 vật thể nhân tạo.

Câu 2. Hãy lấy 3 ví dụ để minh họa về một loại vật thể nhân tạo có thể được làm bằng nhiều vật liệu/chất khác nhau.

Câu 3. Căn cứ vào tính chất nào cho sau đây để xác định nến (làm từ parafin) là chất tinh khiết hay hỗn hợp ?

- a) Nến là chất rắn không màu.
- b) Nến không có nhiệt độ nóng chảy cố định.
- c) Nến không tan trong nước.
- d) Nến có thể bị đốt cháy tạo ra khí cacbonic và hơi nước.

Hãy giải thích.

Câu 4. Trong số các tính chất sau của nước (H_2O), đâu là tính chất vật lí ? Đâu là tính chất hóa học ?

- a) Nước đá nóng chảy ở $0^{\circ}C$.
- b) Nước là chất duy nhất trên Trái Đất đồng thời tồn tại ở cả ba trạng thái rắn, lỏng và khí.
- c) Nước tác dụng với vôi sống (CaO) tạo thành vôi tôi ($Ca(OH)_2$).
- d) Nước có thể hòa tan được nhiều chất.
- e) Nước tác dụng với khí cacbonic (CO_2) tạo thành axit cacbonic (H_2CO_3).

Câu 5. Một ống nghiệm có chứa một chất lỏng ở nhiệt độ thường. Nhúng ống nghiệm này vào trong cốc thủy tinh đựng nước đang sôi, nhận thấy chất lỏng sôi tức thì. Hỏi nhiệt độ sôi của chất lỏng ứng với phương án nào dưới đây là đúng nhất ?

- A. Trên 100°C B. Giữa 0°C và nhiệt độ phòng
C. Giữa nhiệt độ phòng và 100°C . D. 100°C .

Câu 6. Cho biết nhiệt độ sôi của một số chất: axit axetic (118°C), nước (100°C), ancol metylic ($64,7^{\circ}\text{C}$), nitơ (-196°C). Chất nào sau đây chỉ tồn tại ở trạng thái khí ở nhiệt độ và áp suất thường?

- A. Axit axetic B. Ancol metylic
C. Nitơ D. Nước

Câu 7. Dùng các từ hoặc cụm từ thích hợp điền vào các chỗ trống sau:

- a) là một nhóm gồm hai hay nhiều nguyên tử liên kết với nhau.
b) Những chất được tạo nên từ một loại nguyên tử gọi là.....
c) Phân tử khí oxi gồm có haioxi liên kết với nhau. Khí oxi là.....chất.
d) Hợp chất là những chất được tạo nên từ hai.....trở lên.
đ) Khí cacbonic là.....vì nó được tạo bởi hai loại nguyên tử là C và O.
e) Nước cất dùng để pha chế thuốc tiêm là chất.....
g) Nước máy dùng trong sinh hoạt hàng ngày (nấu ăn, tắm, giặt...) là.....

Câu 8. Cho công thức phân tử của các chất như sau: khí ozon (O_3); khí nitơ (N_2); khí lưu huỳnh đioxit (SO_2); glucozơ ($\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$). Em hãy cho biết chất nào là đơn chất, chất nào là hợp chất? Giải thích?

2.2. Đề kiểm tra viết minh họa

(1). Ma trận đề kiểm tra

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I- LỚP 6

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Chủ đề kiểm tra	Các mức độ nhận thức			
	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
Chủ đề 1: Mở đầu môn khoa học tự nhiên Quy trình nghiên cứu khoa học	Kể tên được các bước của quy trình nghiên cứu khoa học			
<i>10 % = 1 điểm</i>	<i>10% = 1 điểm</i>			
Chủ đề 2: Các phép đo, kỹ năng thực hành thí nghiệm: - Đơn vị đo - Kính hiển vi: Cấu tạo và cách sử dụng	Kể tên được các bộ phận của kính hiển vi trên hình vẽ	Chuyển đổi được giữa các đơn vị đo.		
<i>15 % = 1,5 điểm</i>	<i>10% = 1 điểm</i>	<i>5% = 0,5 điểm</i>		
Chủ đề 3: Trạng thái của vật chất - Chất và tính chất của chất - Nguyên tử, phân tử, đơn chất, hợp chất		Phân biệt được một số tính chất vật lí và tính chất hóa học của chất.	Vận dụng đặc điểm của nguyên tử, phân tử, đơn chất, hợp chất để phân loại được các chất thường gặp.	
<i>15% = 1,5 điểm</i>		<i>5% = 0,5 điểm</i>	<i>10% = 1 điểm</i>	
Chủ đề 4: Tế bào			Phân loại được	

Cấu tạo tế bào thực vật và tế bào động vật.			tế bào thực vật và tế bào động vật qua hình vẽ quan sát dưới kính hiển vi.	
15 % = 1,5 điểm			15% = 1,5 điểm	
Chủ đề 5: Đặc trưng của cơ thể sống	Liệt kê được các đặc điểm đặc trưng của cơ thể sống.			
5 % = 0,5 điểm	5 % = 0,5 điểm			
Chủ đề 6: Cây xanh - Cơ quan của cây: rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt - Cơ quan sinh sản của cây: các loại quả và phát tán quả và hạt - Quá trình quang hợp và quá trình hô hấp. - Điều kiện cần cho hạt nảy mầm	Kể tên và mô tả được chức năng các cơ quan của cây.	Xác định được các loại quả và hình thức phát tán của quả căn cứ vào đặc điểm vỏ quả.	Bố trí được thí nghiệm chứng minh nước (độ ẩm) cần cho quá trình nảy mầm của hạt.	Vận dụng kiến thức quang hợp và hô hấp để giải thích cho một số hiện tượng quan sát được trong thực tế.
40 % = 4 điểm	10% = 1 điểm	10% = 1 điểm	10% = 1 điểm	10% = 1 điểm
100% = 10 điểm	35% = 3,5 điểm	20% = 2 điểm	35% = 3,5 điểm	10 % = 1 điểm

(2). Nội dung đề kiểm tra và đáp án

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 6

Môn: Khoa học tự nhiên

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

Học sinh làm bài trực tiếp vào đây!

Họ và tên học sinh: _____ Lớp: _____

Câu 1 (1,0 điểm): Em hãy kể tên các bước của quá trình nghiên cứu khoa học:



Câu 2 (1,5 điểm)

1. Hãy chuyển đổi giữa các đơn vị đo:

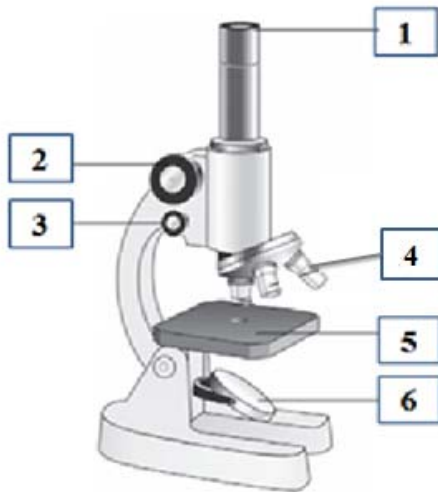
Độ dài: $2015\text{m} =$ _____ cm .

Khối lượng: $54\text{kg} =$ _____ g .

Thể tích: $2,4\text{m}^3 =$ _____ cm^3 .

Thời gian: $2\text{h} =$ _____ min .

2. Em hãy chú thích các bộ phận của kính hiển vi quang học dưới đây:



1 _____
 2 _____
 3 _____
 4 _____
 5 _____
 6 _____

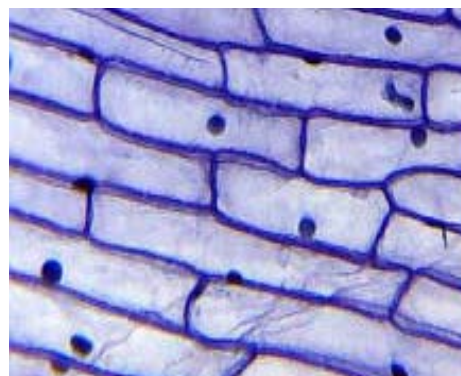
Câu 3 (1,5 điểm)

1. Trong các tính chất sau của nước (H_2O), hãy khoanh tròn vào chữ cái mô tả tính chất vật lí:

- A. Nước đá nóng chảy ở $0^\circ C$
- B. Nước là chất duy nhất trên Trái Đất đồng thời tồn tại ở cả ba trạng thái rắn, lỏng, khí
- C. Nước tác dụng với vôi sống (CaO) tạo thành vôi tôi ($Ca(OH)_2$)
- D. Nước có thể hòa tan được nhiều chất
- E. Nước tác dụng với khí cacbonic (CO_2) tạo thành axit cacbonic (H_2CO_3).

2. Cho công thức phân tử của các chất như sau: Khí ozon (O_3); khí nitơ (N_2); khí lưu huỳnh đioxit (SO_2); glucozo ($C_6H_{12}O_6$). Em hãy cho biết chất nào là đơn chất, chất nào là hợp chất? Giải thích vì sao?

Câu 4 (1,5 điểm): Đây là hình ảnh quan sát 1 loại tế bào dưới kính hiển vi:



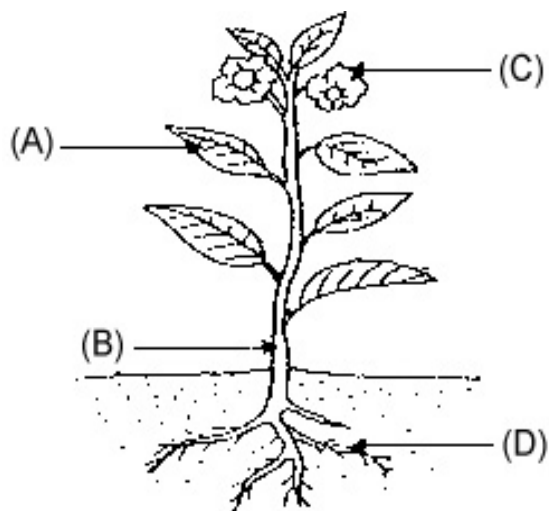
1. Hãy cho biết đây là tế bào động vật hay tế bào thực vật?

2. Giải thích vì sao?

Câu 5 (0,5 điểm): Em hãy liệt kê các đặc điểm đặc trưng của một cơ thể sống?

Câu 6 (2 điểm)

1. Em hãy chú thích cho hình vẽ sau và hoàn thành bảng bên dưới:



Cơ quan	Chức năng
(A)	
(B)	
(C)	
(D)	

2. Em hãy cho biết những loại quả sau thuộc loại quả gì và nêu hình thức phát tán của quả.

Tên quả	Phân loại	Hình thức phát tán
Quả xoài		
Quả cải		
Quả chò		

Câu 7 (2 điểm):

1. Em hãy giải thích:

a. Tại sao khi nuôi cá cảnh trong bể kính, người ta thường thả thêm vào bể các loại rong?

b. Vì sao ban đêm ta không nên đặt nhiều cây xanh trong phòng ngủ đóng kín cửa?

2. Em hãy mô tả cách bố trí thí nghiệm chứng minh sự nảy mầm của hạt cần điều kiện có nước (độ ẩm)?

(3). Đáp án

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I - LỚP 6

Môn: Khoa học tự nhiên

ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu 1 (1,0 điểm):	
Bước 1: Xác định vấn đề (câu hỏi nghiên cứu)	0,25
Bước 2: Đề xuất giả thuyết (dự đoán)	
Bước 3: Thiết kế và tiến hành thực nghiệm kiểm chứng giả thuyết	0,25
Bước 4: Thu thập, phân tích số liệu thực nghiệm	0,25
Bước 5: Thảo luận rút ra kết luận	
Bước 6: Báo cáo kết quả	0,25
Câu 2 (1,5 điểm)	
1.	
Độ dài: $2015\text{m} = 201500\text{ cm}$ Khối lượng: $54\text{ kg} = 54000\text{ g}$	0,5
Thể tích: $2,4\text{ m}^3 = 2400000\text{ cm}^3$ Thời gian: $2\text{h} = 120\text{ min}$	
2. Cấu tạo kính hiển vi:	
1- Thị kính	0,25
2- Ốc to	0,25

3- Ốc nhỏ	
4- Vật kính	0,25
5- Bàn kính	
6- Gương phản chiếu ánh sáng	0,25
Câu 3 (1,5 điểm).	
1. Các tính chất vật lí của nước:	
A. Nước đá nóng chảy ở 0°C	0,25
B. Nước là chất duy nhất trên Trái Đất đồng thời tồn tại ở cả ba trạng thái rắn, lỏng, khí	0,25
D. Nước có thể hòa tan được nhiều chất	0,25
2.	
- Đơn chất: N ₂ , O ₃	0,25
- Hợp chất: lưu huỳnh đioxit (SO ₂); glucozo (C ₆ H ₁₂ O ₆)	0,25
- Giải thích:	
+ N ₂ , O ₃ là các đơn chất vì phân tử của mỗi chất đều chỉ có một loại nguyên tử	0,25
+ SO ₂ , C ₆ H ₁₂ O ₆ là các hợp chất vì phân tử của chúng có từ 2 loại nguyên tử trở lên.	
Câu 4 (1,5 điểm)	
1. Tế bào thực vật (Tế bào Biểu bì hành)	0,5
2. <i>Giải thích:</i> Vì tế bào có hình dạng xác định (hình chữ nhật, ngũ giác, lục giác) do có thành tế bào.	1
Câu 5 (0,5 điểm): Các đặc điểm đặc trưng của một cơ thể sống: Sinh trưởng, sinh sản, dinh dưỡng, di chuyển, bài tiết, cảm ứng và hô hấp	0,5
Câu 6 (2 điểm):	
1. Các cơ quan của cây:	
(A) Lá: Có chức năng quang hợp và thoát hơi nước cho cây	0,25

(B) Thân: Có chức năng nâng đỡ cho tán lá và vận chuyển các chất	0,25												
(C) Hoa: Có chức năng sinh sản: hình thành quả và hạt	0,25												
(D) Rễ: Có chức năng hút nước và muối khoáng cho cây	0,25												
2.													
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Tên quả</th> <th>Phân loại</th> <th>Hình thức phát tán</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Quả xoài</td> <td>Quả hạch</td> <td>Nhờ động vật</td> </tr> <tr> <td>Quả cải</td> <td>Quả khô nẻ</td> <td>Tự phát tán</td> </tr> <tr> <td>Quả chò</td> <td>Quả khô</td> <td>Nhờ gió</td> </tr> </tbody> </table>	Tên quả	Phân loại	Hình thức phát tán	Quả xoài	Quả hạch	Nhờ động vật	Quả cải	Quả khô nẻ	Tự phát tán	Quả chò	Quả khô	Nhờ gió	0,5 0,5
Tên quả	Phân loại	Hình thức phát tán											
Quả xoài	Quả hạch	Nhờ động vật											
Quả cải	Quả khô nẻ	Tự phát tán											
Quả chò	Quả khô	Nhờ gió											
<p>Câu 7 (2 điểm)</p> <p>1. a. Khi nuôi cá người ta thường thả thêm các loại rong vào trong bể kính vì Rong thực hiện quá trình quang hợp, giải phóng oxi, làm tăng lượng oxi trong nước, cung cấp cho quá trình hô hấp của cá.</p> <p>b. Không nên đặt cây trong phòng đóng kín cửa vào ban đêm do ban đêm cây không quang hợp mà chỉ hô hấp (hút khí oxi và thải khí cacbonic), nên sẽ làm giảm lượng oxi trong phòng, gây khó khăn cho quá trình hô hấp của con người, thậm chí dẫn đến ngạt thở.</p> <p>2. Thí nghiệm chứng minh hạt cần nước để nảy mầm:</p> <p>a. Chuẩn bị 2 cốc thủy tinh (cốc A và cốc B), bông và 100 hạt đậu xanh</p> <p>b. Gieo vào 2 cốc A, B mỗi cốc 50 hạt đậu xanh trên bông: Cốc A là bông khô, cốc B bông được tưới nước ẩm.</p> <p>c. Hằng ngày tưới nước đủ ẩm cho cốc B, cốc A để nguyên</p> <p>d. Sau vài ngày đến 1 tuần, quan sát sự sinh trưởng hạt đậu ở 2 cốc: cốc A hạt không nảy mầm, cốc B hạt nảy mầm.</p> <p>Chứng tỏ: Hạt cần nước (độ ẩm) để nảy mầm</p>	0,5 0,5 0,25 0,25 0,25 0,25												

MINH HỌA DẠY HỌC THEO DỰ ÁN

Tên dự án: SỰ NỞ VÌ NHIỆT CỦA CHẤT RẮN, CHẤT LỎNG VÀ CHẤT KHÍ. ỨNG DỤNG.

I. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng, thái độ

- Mô tả được hiện tượng nở vì nhiệt của các chất rắn, lỏng, khí.
- Nhận biết được các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.
- Nêu được ví dụ về các vật khi nở vì nhiệt, nếu bị ngăn cản thì gây ra lực lớn.
- Vận dụng kiến thức về sự nở vì nhiệt để giải thích được một số hiện tượng và ứng dụng thực tế.
- Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học, thực hành thí nghiệm.

2. Các năng lực có thể hình thành và phát triển cho học sinh

- Năng lực tự học: lập kế hoạch học tập, thí nghiệm thực hành.
- Năng lực giải quyết vấn đề: phát hiện và giải quyết vấn đề khi đo tìm hiểu sự nở vì nhiệt của chất rắn, lỏng và khí.
- Năng lực hợp tác: Cùng hợp tác làm thí nghiệm, phân tích kết quả,...
- Năng lực phân tích, so sánh, tính toán thông qua bảng biểu.
- Các kĩ năng quan sát, đo và phẩm chất nghiên cứu khoa học.

II. Chuẩn bị điều kiện

Các bộ thí nghiệm trong phòng học bộ môn hoặc phòng thí nghiệm của nhà trường:

+ Bộ 1: Một quả cầu nhỏ bằng kim loại có dây treo, một vòng kim loại có đường kính trong vừa bằng đường kính của quả cầu, một đèn cồn, bật lửa/diêm.

+ Bộ 2: Ba bình kích thước giống nhau chứa chất lỏng dầu, rượu và nước có các ống ban đầu có mực các chất lỏng như nhau, một chậu nước nóng.

+ Bộ 3: Một bình cầu thủy tinh có ống thủy tinh xuyên qua nút, cốc nước màu.

+ Máy tính trình chiếu (nếu có), máy quay video.

+ Giấy A0, bút dạ.

III. Các bước tiến hành

1. Xác định các chủ đề

Mỗi nhóm HS tìm hiểu một chủ đề sau đây:

- + Chủ đề 1 : Sự nở vì nhiệt của chất rắn
- + Chủ đề 2: Sự nở vì nhiệt của chất lỏng
- + Chủ đề 3: Sự nở vì nhiệt của chất khí

2. Các nhóm xây dựng kế hoạch làm việc

- + Phác thảo kế hoạch
- + Phân công công việc cho các thành viên trong nhóm
- + Xác định công việc cần làm:
 - Tìm hiểu các hiện tượng liên quan đến sự nở vì nhiệt của các chất.
 - Nghiên cứu đặc điểm, tính chất nở vì nhiệt của chất rắn, lỏng và khí (thí nghiệm)
 - Tìm hiểu các ứng dụng của sự nở vì nhiệt (có lợi, có hại).
 - Viết báo cáo; trình bày kết quả.

3. Tổ chức thực hiện

Stt	Công việc	Thời lượng	Địa điểm	Ghi chú
1.	Giao nhiệm vụ, các nhóm xây dựng kế hoạch	1 tiết	Lớp học hoặc phòng học bộ môn	Có GV hướng dẫn
2.	Các nhóm thực hiện theo kế hoạch	1 tuần	Phòng học bộ môn, ở nhà	Tự học, có tư vấn của cộng đồng
3.	Nghiệm thu kết quả	2 tiết	Lớp học hoặc phòng học bộ môn	Có GV hướng dẫn

Hướng dẫn minh họa: GV gợi ý, hướng dẫn nội dung và phương pháp là việc cho các nhóm, phân công nhiệm vụ và thời điểm hoàn thành sản phẩm.

Ví dụ chủ đề 1: **Tìm hiểu sự nở vì nhiệt của chất rắn**

Trong khi thực hiện dự án cần làm rõ các vấn đề chính của chủ đề:

1. Những hiện tượng liên quan đến sự nở vì nhiệt của chất rắn.
2. Tìm hiểu khi nở vì nhiệt chất rắn có những tính chất gì? Các ví dụ và thí nghiệm minh họa.
3. Vận dụng giải thích các hiện tượng trong thực tiễn liên quan đến sự nở vì nhiệt.
4. Ảnh hưởng của sự nở vì nhiệt đối với môi trường và hành tinh.
5. Các sản phẩm của nhóm: Kế hoạch, phân công thực hiện, sổ tay ghi chép, báo cáo, tranh ảnh, mẫu biểu, video...

4. Giới thiệu sản phẩm trước lớp

Mỗi nhóm cử một số đại diện lên trình bày có các sản phẩm sau:

- Báo cáo bằng powerpoint:
- Tranh ảnh, số liệu,
- Video nghiên cứu.
- Thí nghiệm biểu diễn

5. Đánh giá

a) Tổ chức nghiệm thu

- Tổ chức cho HS tự đánh giá hoặc đánh giá lẫn nhau về kết quả làm việc của từng nhóm.

- GV tổng kết, đánh giá về phương pháp tiến hành, nội dung và kết quả của các vấn đề đã được nghiên cứu và trình bày của từng nhóm.

b) Mẫu Phiếu học tập và tiêu chí đánh giá

PHIẾU HỌC TẬP 1 – Chủ đề 1

a) Dụng cụ thí nghiệm: 01 quả cầu kim loại. 01 vòng tròn sắt, 01 đèn cồn, chậu nước.

b) Dự đoán:

- Khi nhiệt độ tăng lên thì kích thước của vật rắn sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Khi nhiệt độ giảm đi thì kích thước của vật rắn sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

c) Tiến hành thí nghiệm:

+ Thảo luận đưa ra phương án thí nghiệm và thực hiện theo các bước sau đây:

d) Thảo luận, báo cáo kết quả theo nhóm:

- Giải thích hiện tượng xảy ra:

- Hoàn thành Bảng 23.1:

đ) Khẳng định lại kết quả:

- Khi nhiệt độ tăng lên thì kích thước của vật rắn sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Khi nhiệt độ giảm đi thì kích thước của vật rắn sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

PHIẾU HỌC TẬP 2 – Chủ đề 2

a) Dụng cụ thí nghiệm: 03 bình cầu như nhau (chứa nước, rượu, dầu có mực chất lỏng như nhau). 01 chậu nước nóng, khăn bông, bút dạ.

b) Dự đoán:

- Khi nhiệt độ tăng lên thì của thể tích chất lỏng sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Khi nhiệt độ giảm đi thì của thể tích chất lỏng sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Các chất lỏng khác nhau, với cùng một nhiệt độ thay đổi như nhau thì thể tích thay đổi:

+ Giống nhau [] + Khác nhau [] + Không đổi []

c) Tiến hành thí nghiệm:

+ Thảo luận đưa ra phương án thí nghiệm và thực hiện theo các bước sau đây:

d) Thảo luận, báo cáo kết quả theo nhóm:

- Giải thích hiện tượng xảy ra:

- Hoàn thành Bảng 23.2:

đ) Khẳng định lại kết quả:

- Khi nhiệt độ tăng lên thì của thể tích chất lỏng sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Khi nhiệt độ giảm đi thì của thể tích chất lỏng sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Các chất lỏng khác nhau, với cùng một nhiệt độ thay đổi như nhau thì thể tích thay đổi:

+ Giống nhau [] + Khác nhau [] + Không đổi []

PHIẾU HỌC TẬP 3 – Chủ đề 3

a) Dụng cụ thí nghiệm: 01 bình cầu, nút đậy có ống; 01 một ca chứa nước màu, bút dạ.

b) Dự đoán:

- Khi nhiệt độ tăng lên thì của thể tích chất khí sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Khi nhiệt độ giảm đi thì của thể tích chất khí sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

c) Tiến hành thí nghiệm:

+ Thảo luận đưa ra phương án thí nghiệm và thực hiện theo các bước sau đây:

d) Thảo luận, báo cáo kết quả theo nhóm:

- Giải thích hiện tượng xảy ra:

- Hoàn thành Bảng 23.3:

đ) Khẳng định lại kết quả:

- Khi nhiệt độ tăng lên thì của thể tích chất khí sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

- Khi nhiệt độ giảm đi thì của thể tích chất khí sẽ:

+ Tăng lên [] + Giảm đi [] + Không đổi []

**BẢNG HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
BÀI TRÌNH THÍ NGHIỆM/THỰC HÀNH**

Nội dung	Mức 4 Làm được đầy đủ, chính xác, thành thạo (9-10 điểm)	Mức 3 Làm được đầy đủ, chính xác nhưng chưa thành thạo (7-8 điểm)	Mức 2 Làm được đầy đủ, nhưng chưa chính xác, thành thạo (5-6 điểm)	Mức 1 Không làm được (dưới 5 điểm)
1. Mục đích		Nêu chính xác, đầy đủ mục đích thí nghiệm	Nêu chưa chính xác, đầy đủ mục đích thí nghiệm	Không nêu được mục đích thí nghiệm
2. Phương án thí nghiệm	Tối ưu	Khả thi	Không khả thi	Sai
3. Thực hiện phương án thí nghiệm				
3.1. Lựa chọn dụng cụ thí nghiệm	Lựa chọn đầy đủ và nhanh chóng	Lựa chọn đầy đủ	Lựa chọn không đầy đủ	Không lựa chọn được
3.2. Lắp đặt các dụng cụ thí nghiệm	Lắp đặt hợp lí, nhanh chóng	Lắp đặt hợp lí	Lắp đặt không hợp lí	Không lắp đặt được
3.3. Tiến hành thí nghiệm, thu thập số liệu	Làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu và nhanh chóng đo được các số liệu	Làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu và đo được các số liệu	Làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu nhưng không đo được các số liệu	Không làm xảy ra hiện tượng vật lí cần nghiên cứu

4. Xử lý số liệu và kết luận	Từ số liệu đã thập được, tính toán thành thạo, nhận xét và rút ra được kết luận	Từ số liệu đã thập được, tính toán, nhận xét và rút ra được kết luận	Từ số liệu đã thập được, tính toán, nhận xét được nhưng không rút ra kết luận	Từ số liệu đã thập được, không tính toán, nhận xét để rút ra kết luận
-------------------------------------	---	--	---	---

PHIẾU ĐÁNH GIÁ BÀI TRÌNH CHIẾU POWERPOINT/ÁN PHẨM

Nhóm thực hiện: Ngày:

Nhóm đánh giá:

Nội dung	Tiêu chí	Điểm	Đánh giá của bạn	Đánh giá của giáo viên
<i>1. Bố cục</i>	- Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem	0,75		
	- Cấu trúc mạch lạc, logic. - Nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung	0,75 0,5		
<i>2. Nội dung</i>	- Sử dụng thông tin chính xác.	1		
	- Thể hiện được kiến thức cơ bản, có chọn lọc. xác định được trọng tâm.	1		
	- Có sự liên hệ mở rộng kiến thức	1		
<i>3. Hình thức</i>	- Thiết kế sáng tạo, màu sắc nhã nhặn, sáng sủa....	0,5		
	- Phong chữ, màu chữ và cỡ chữ hợp lý. Số lượng slide đúng quy định	0,5		
	- Nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung	0,5		
	- Hiệu ứng trình chiếu sinh động, hấp dẫn	0,5		

4. <i>Trình bày của học sinh</i>	- Trình bày rõ ràng, mạch lạc, có điểm nhấn, thu hút người nghe.	1		
	- Trả lời được hết các câu hỏi thêm từ phía giáo viên hoặc bạn học.	0,5		
	- Duy trì được giao tiếp bằng mắt, xử lý tình huống linh hoạt.	0,5		
	- Không bị lệ thuộc vào phương tiện, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa diễn giảng và trình chiếu.	0,5		
	- Phân bố thời gian hợp lý.	0,5		
Tổng điểm		10		

**BẢNG HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
BÀI TRÌNH BÀY TRÊN MS POWERPOINT/ẤN PHẨM**

Mức đạt Tiêu chí	Giỏi (9-10 điểm)	Khá (7-8 điểm)	Trung bình (5-6 điểm)	Không đạt (Dưới 5 điểm)
Bài trình chiếu trên MS PowerPoint				
1. Bố cục (2 điểm)	- Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem. - Cấu trúc mạch lạc, logic. - Nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung.	- Tiêu đề rõ ràng, hấp dẫn người xem. - Cấu trúc khá rõ, nhưng một số tiêu đề chưa logic. - Còn có điểm chưa nhất quán trong cách trình bày tiêu đề và nội dung.	- Tiêu đề rõ ràng. - Cấu trúc chưa được logic. - Tiêu đề chưa nhất quán.	- Tiêu đề không rõ - Bố cục thiếu logic, các tiêu đề lộn xộn.

<p>2.Nội dung. (3 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề được trình bày một cách đầy đủ, có trọng tâm. - Các thông tin về con số, hình ảnh minh hoạ đầy đủ, phù hợp làm nổi bật nội dung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề được trình bày một cách đầy đủ. Còn một số vấn đề chưa rõ lắm. - Các thông tin về con số, hình ảnh minh hoạ khá đầy đủ, phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các vấn đề trình bày dàn trải, chưa có trọng tâm. - Các thông tin về con số, hình ảnh minh hoạ chưa phù hợp.. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung nghèo nàn, thiếu nhiều nội dung quan trọng. - Các thông tin về con số, hình ảnh minh hoạ ít, chưa phù hợp.
<p>3. Hình thức. (2 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo, có tính thẩm mỹ cao trong cách trình bày. - Phong chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý. - Số lượng slide (PowerPoint)/ trang (Word) đúng quy định. - Hiệu ứng trình chiếu trên Powerpoint sinh động, hấp dẫn, hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo tính tính thẩm mỹ trong thiết kế. - Phong chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lý. - Số lượng slide (PowerPoint)/trang (Word) đúng quy định. - Hiệu ứng trình chiếu trên Powerpoint hợp lí. 	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc phong chữ, màu chữ, cỡ chữ còn đôi chỗ chưa hợp lý. - Số lượng slide (PowerPoint)/trang (Word) ít hơn so với quy định. - Hiệu ứng trình chiếu trên Powerpoint không hiệu quả 	<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc, phong chữ gây khó khăn khi đọc. - Số lượng sile quá ít. - Chưa sử dụng được các tính năng cơ bản của Powerpoint
<p>Phần trình bày sản phẩm</p>				
<p>5. Cách trình bày. (3 điểm)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tự tin, bình tĩnh, thoải mái, ngôn ngữ lưu loát, linh hoạt, có điểm nhấn, cuốn hút 	<ul style="list-style-type: none"> - Khá tự tin khi trình bày, thu hút người nghe, nói to, rõ ràng, song đôi chỗ chưa rõ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các thông tin to, rõ ràng nhưng chưa có điểm nhấn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày còn ngập ngừng, nói nhỏ.

	<p>người nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện giao tiếp bằng ánh mắt, cử chỉ, nét mặt với người nghe một cách thân thiện. - Không bị lệ thuộc vào phương tiện, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa đi, đứng, nói và trình chiếu. - Phân bố thời gian hợp lý cho trình chiếu các nội dung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thể hiện giao tiếp bằng ánh mắt, cử chỉ, nét mặt với người nghe đôi khi chưa thân thiện. - Không bị lệ thuộc vào phương tiện, có sự phối hợp khá tốt giữa đi, đứng, nói và trình chiếu. - Phân bố thời gian khá hợp lý cho trình chiếu các nội dung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tập trung sự chú ý vào bài trình bày, chưa bao quát người nghe. - Còn lúng túng trong sử dụng kỹ thuật trình chiếu. - Phân bố thời gian chưa hợp lý cho trình chiếu các nội dung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ nhìn vào màn hình để trình bày. - Thao tác trình chiếu chậm, lúng túng. - Thời gian quá dài hoặc quá ngắn.
Tổng điểm (10 điểm)				

MẪU BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TRONG NHÓM:.....

Nội dung công việc: (Mô tả nội dung công việc của nhóm, sản phẩm của nhóm)

Phương pháp và điều kiện làm việc của nhóm và từng thành viên.

Phân công nhiệm vụ: Từng thành viên

Tên thành viên	Nhiệm vụ	Phương tiện	Thời hạn hoàn thành	Sản phẩm dự kiến

MẪU BIÊN BẢN LÀM VIỆC NHÓM
(LẬP KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU)

1. Thời gian, địa điểm, thành phần

- Địa điểm:
- Thời gian:
- Số thành viên:
- Số thành viên có mặt:
- Số thành viên vắng mặt:

2. Nội dung công việc: (Ghi rõ nội dung thảo luận hoặc thực hành)

3. Bảng phân công cụ thể

STT	Họ và tên thành viên	Công việc được giao	Thời hạn hoàn thành	Ghi chú

4. Kết quả làm việc (yêu cầu, sản phẩm)

5. Thái độ tinh thần làm việc (từng thành viên và hợp tác nhóm)

6. Đánh giá chung (nhiệm vụ được giao, quá trình thực hiện, sản phẩm và thái độ học tập)

7. Ý kiến đề xuất (tổ chức, điều kiện làm việc)

....., ngày tháng năm ...

Thư kí

Nhóm trưởng

PHỤ LỤC

BÀI 4. LÀM QUEN VỚI KỸ NĂNG THÍ NGHIỆM THỰC HÀNH KHOA HỌC

Mục tiêu:

- Phân biệt được các bộ phận, chi tiết của kính lúp, kính hiển vi quang học và bộ hiển thị dữ liệu.
- Tập sử dụng kính lúp, kính hiển vi quang học và bộ hiển thị dữ liệu.
- Quan sát và ghi chép được các hiện tượng khi tiến hành thí nghiệm.
- Lập được bảng số liệu khi tiến hành thí nghiệm.
- Vẽ được hình khi quan sát mẫu vật bằng kính lúp, kính hiển vi quang học
- Thực hiện được quy tắc an toàn khi tiến hành thí nghiệm.

A HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG



Hình 4.1. Kiến đen



Hình 4.2. Ngón tay trở



Hình 4.3. Tem thư Việt Nam

a. Hãy quan sát một con kiến (Hình 4.1); hoặc đường vân tay trên một ngón tay (Hình 4.2); hoặc hình huy hiệu Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trên một tem thư (Hình 4.3), vẽ hình quan sát được.

b. Hãy ước lượng đường kính một sợi tóc của em là bao nhiêu?

c. Thảo luận:

+ Xem lại bài 2, thiết bị nào giúp em quan sát những hình ảnh trên dễ dàng hơn?

+ Làm thế nào để đo đường kính một sợi tóc của em?



Khảo sát quá trình rơi của vật: đo thời gian rơi của các vật khác nhau.

a. Chuẩn bị:

- 3 tờ giấy A4 (Tờ giấy phẳng; Tờ giấy vo tròn; Tờ giấy cắt tua), thước, vỏ hộp bút, quả bóng...

(lưu ý: các vật không vỡ).

- Đồng hồ bấm giây.

b. Bố trí thí nghiệm như trong hình vẽ: 1 bạn đứng trên cao (bàn hoặc ghế), thả vật xuống; 1 bạn khác sử dụng đồng hồ bấm giây đo thời gian vật rơi (lưu ý: thả các vật từ cùng một độ cao); các bạn khác theo dõi, quan sát ghi số liệu thí nghiệm.



Hình 4.4. Thí nghiệm khảo sát quá trình rơi của vật

c. Lập bảng ghi lại kết quả thí nghiệm.

Mẫu vật	Độ cao (mét)	Thời gian (giây)
1. Tờ giấy phẳng		
2. Tờ giấy vo tròn		
3. Tờ giấy cắt tua		
...		

d. Thảo luận

- Em và các bạn đã sử dụng đồng hồ bấm giây như thế nào?
- Hãy nói ra cách em quan sát và đo thời gian như thế nào? Tại sao có sự khác nhau về thời gian của cùng 1 tờ giấy khi để phẳng, khi vo tròn, khi cắt tua ra?
- Kết quả của nhóm em và các nhóm khác giống nhau hay khác nhau? Nếu khác nhau em hãy đưa ra lời giải thích tại sao.

B HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Kính lúp và cách sử dụng

Quan sát, thảo luận nhóm chỉ ra các bộ phận của kính lúp cầm tay.

Sử dụng kính lúp cầm tay để quan sát một vật thể nhỏ bất kỳ ở khoảng cách gần và đưa dần ra xa, em rút ra nhận xét gì?



Hình 4.5. Kính lúp cầm tay



Hình 4.6. Quan sát vân ngón tay

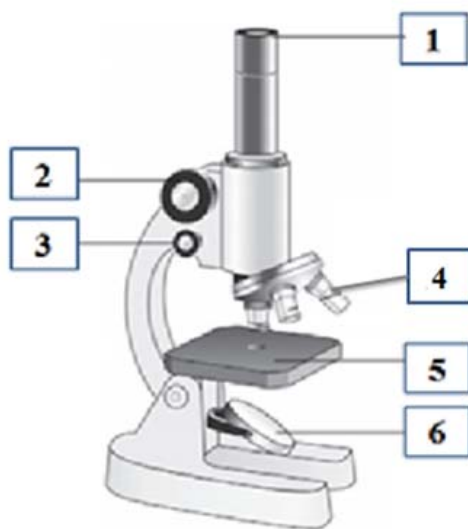
2. Kính hiển vi và cách sử dụng

Thảo luận nhóm ghi chú thích cho từng bộ phận của kính hiển vi trong hình 4.7:

Kính hiển vi gồm các bộ phận:

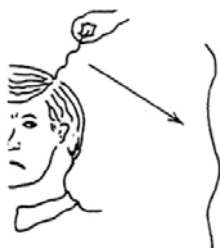
- Chân kính

- Thân kính: gồm 2 phần:
 - + Ống kính: gồm thị kính (vị trí mắt nhìn trực tiếp để quan sát) và vật kính (kính chiếu trực tiếp lên vật) có ghi độ phóng đại : 10x; ...
 - + Ốc điều chỉnh: gồm ốc to và ốc nhỏ (điều chỉnh sự di chuyển của ống kính theo chiều lên, xuống)
- Bàn kính: vị trí đặt mẫu vật lên để quan sát, có kẹp giữ mẫu vật
- Gương phản chiếu ánh sáng giúp quan sát vật tốt hơn.

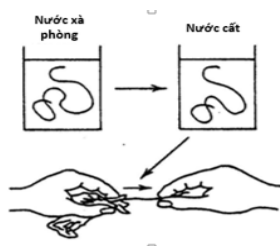


Hình 4.7. Kính hiển vi quang học

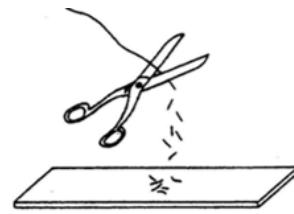
Làm tiêu bản quan sát đường kính của 1 sợi tóc:



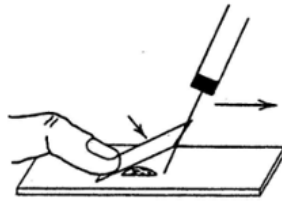
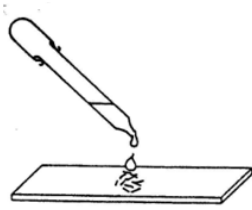
1. Lấy 1 sợi tóc bất kỳ



2. Rửa sợi tóc qua nước xà phòng (hoặc nước tẩy), rồi rửa lại bằng nước cất, lau khô bằng giấy mềm.



3. Cắt khoảng 20 mẫu sợi tóc có kích thước 5mm lên trung tâm lam kính



4. Nhỏ 1 giọt nước cất to (hoặc 2 giọt nhỏ) lên lam kính tại vị trí có các mẫu sợi tóc

5. Đậy lamen lên sao cho không có bọt khí bên trong (gợi ý: đặt 1 mũi kim nghiêng ở đầu lamen và vẽ ra theo chiều mũi tên trong hình để hạ lamen xuống)

6. Lên kính và quan sát (các mẫu sợi tóc)

Các bước sử dụng kính hiển vi:

- Bước 1: Mắt nhìn vào thị kính, tay chỉnh gương lấy ánh sáng sao cho nhìn rõ nhất (*lưu ý: tránh lấy trực tiếp ánh sáng mặt trời vì có thể làm hỏng mắt*).

- Bước 2: Đặt tiêu bản lên bàn kính và cố định tiêu bản bằng kẹp (nếu có).

- Bước 3: Dùng ốc to (xoay theo chiều kim đồng hồ) chỉnh vật kính có độ phóng đại nhỏ nhất xuống sát với tiêu bản trên bàn kính (*lưu ý không làm vỡ tiêu bản*).

- Bước 4: Mắt nhìn vào thị kính, tay vặn ốc to ngược chiều kim đồng hồ nâng dần vật kính lên cho đến khi nhìn rõ vật nhất.

- Bước 5: nhấp nháy ốc nhỏ để nhìn rõ nhất vật cần quan sát.

- Bước 6: Mắt vừa nhìn vào mẫu vật trong kính, vừa vẽ lại những gì quan sát được vào vở thực hành.

3. Bộ hiển thị dữ liệu, bộ cảm biến và cách sử dụng

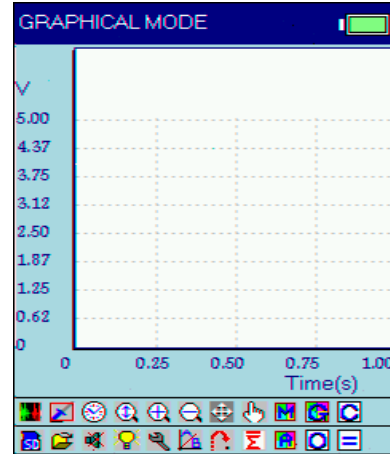
a. Bộ hiển thị dữ liệu (MGA)

- Bật MGA bằng cách đẩy nút trượt lên phía trên.

- Màn hình hiển thị như hình 4.9, tình trạng pin hiển thị trên góc phải màn hình.

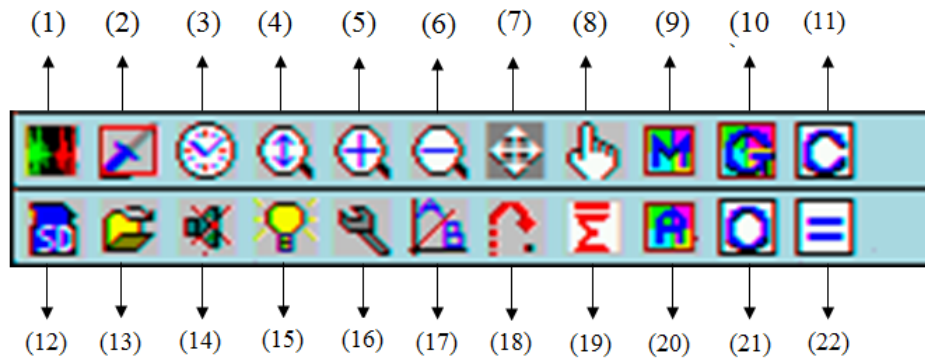


Hình 4.8. Bộ kết nối



Hình 4.9. Màn hình hiển thị

Các chức năng trên màn hình hiển thị:



Hình 4.10. Các chức năng trên màn hình hiển thị

- (1): Bật/ tắt quá trình đo.
- (2): Chọn cảm biến (không cần ghi nhớ vì MGA tự động chọn cảm biến)
- (3): Đặt thời gian đo và tốc độ lấy mẫu
- (4): Giãn đồ thị theo chiều thẳng đứng.
- (5): Phóng to đồ thị
- (6): Thu nhỏ đồ thị.
- (7): Cuộn đồ thị lên, xuống, sang phải, sang trái.
- (8): Chọn điểm cần phân tích
- (9): Hiển thị kết quả ở dạng đồng hồ kim.

(10): Hiển thị kết quả ở dạng đồ thị.

(11): Xóa dữ liệu.

(12): Lưu dữ liệu

...

b. Bộ cảm biến



Hình 4.11. Cảm biến oxy



Hình 4.12. Cảm biến khí cacbonic



Hình 4.13. Cảm biến pH



Hình 4.14. Cảm biến ánh sáng

c. Cách sử dụng bộ hiển thị dữ liệu và bộ cảm biến



Làm thế nào so sánh mức oxy trong khí hít vào và khí thở ra của em?

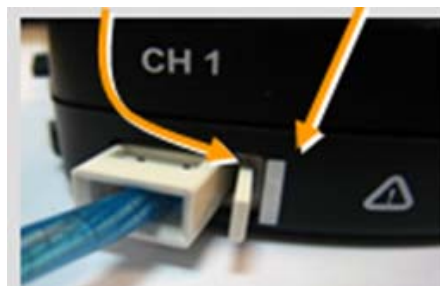
Dụng cụ thí nghiệm:

- Thiết bị cầm tay MGA.
- Cảm biến khí oxy (gồm đầu dò oxy và bộ khuếch đại oxy).

Các bước thí nghiệm:



Hình 4.15. Bộ cảm biến oxy kết nối với bộ khuếch đại

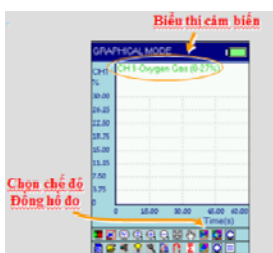


Hình 4.16. Kết nối cảm biến

Bước 1: Kết nối đầu dò oxy với bộ khuếch đại, chờ 15 phút cho cảm biến ấm lên.

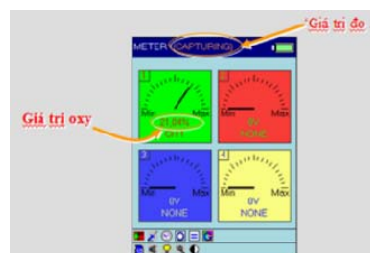
Bước 2: Bật MGA màn hình xuất hiện như hình 4.9.

Bước 3: Kết nối cảm biến khí oxy vào Kênh 1 của MGA (Hình 4.16).





Hình 4.17. Màn hình hiển thị của MGA


Bước 4: Khi kết nối, dòng “Kênh 1: Cảm biến khí Ôxy (0-27%)” xuất hiện (Hình 4.17).



Hình 4.18. Chọn chế độ đồng hồ đo

Bước 5: Chuyển sang chế độ Đồng hồ đo dạng kim bằng cách chọn nút số 9, biểu tượng  (Hình 4.18).

Bước 6: Chọn ô  để bắt đầu thu thập dữ liệu (hoặc ấn nút màu xanh trên thiết bị MGA). Bạn sẽ nhìn thấy chữ đang chạy “Giá trị đo ...” khi các dữ liệu đã thu thập được vẽ đồ thị. Giá trị đo khí oxy sẽ được hiển thị ở phần trên cùng đồ thị.

- Bước 7. Sau 5 giây, đọc và ghi lại giá trị đo khí oxy khi hít khí vào trong bảng 1.
- Bước 8. Thổi khí thở ra vào trong cảm biến.
- Bước 9. Ngay sau khi ngừng thổi khí, chọn ô  để dừng thu thập dữ liệu.
- Bước 10. Đọc và ghi lại giá trị đo khí oxy khi thở khí ra vào trong bảng 1.
- Bước 11. Kết thúc thí nghiệm, ngắt kết nối đầu dò oxy với bộ khuếch đại oxy.

Lặp lại từ bước 1 đến 11 với cảm biến cacbonic, ghi kết quả vào bảng 1

Bảng 1. Kết quả thí nghiệm khí hít vào và thở ra

Trạng thái	Hàm lượng các chất khí	
	Ôxy (%)	Cacbônic (%)
Hít vào		
Thở ra		

Câu hỏi thảo luận:

1. So sánh mức oxy đối với khí hít vào và thở ra?
2. Tại sao có sự khác nhau về hàm lượng khí oxy hít vào và thở ra?

C HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP



1. Thực hành quan sát bằng kính lúp

Em hãy dùng kính lúp để quan sát rồi vẽ hay viết lại kết quả quan sát một trong các đối tượng sau: Con sâu; Vân móng tay; Nhị hoa (ví dụ hoa bưởi, hoa hồng); vỏ nhãn gói sữa Milo (Hình 4.19); ...



Hình 4.19. Gói sữa Milo

2. Thực hành quan sát vi khuẩn trong sữa chua

- + Chuẩn bị: 1 hộp sữa chua; kính hiển vi quang học; lam kính; lamén; nước cất.
- + Tiến hành
 - Dùng que tăm lấy 1 lượng rất nhỏ sữa chua đặt lên lam kính, dàn mỏng.
 - Nhỏ 1 giọt nước cất lên phần sữa chua trên lam kính
 - Đặt lamén lên phần sữa chua trên lam kính
 - Lên kính và quan sát: trước tiên quan sát ở vật kính nhỏ (x 10); chuyển sang quan sát ở vật kính lớn (x 40).

+ Thảo luận: Em đã quan sát thấy những gì? Vẽ hình em quan sát được. Từ hình quan sát được, em có câu hỏi hay thắc mắc gì không?

3. Hãy thảo luận chỉ ra tên một số dụng cụ đo trong bộ cảm biến gắn với bộ hiển thị dữ liệu, dự đoán khả năng đo được (giới hạn đo), độ chính xác có thể (độ chia nhỏ nhất) những dụng cụ đo đó mà em biết. Tập sử dụng bộ cảm biến gắn với bộ hiển thị dữ liệu đo một chỉ số của môi trường (ví dụ đo độ pH hay nồng độ oxy của nước).

D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG



1. Tự làm kính lúp

a. Chuẩn bị:

- 1 tấm nhựa màu (hoặc tấm gỗ) và 1 tấm nhựa trong có kích thước bằng nhau
- Băng dính
- Dụng cụ nhỏ giọt (hoặc thìa nhựa nhỏ)

b. Cách làm:

- Khoét 1 lỗ tròn có đường kính 2-3cm tại vị trí trung tâm của tấm bìa nhựa màu (hoặc tấm gỗ).
- Dùng băng dính dán 2 tấm nhựa vào nhau.
- Dùng dụng cụ nhỏ giọt hoặc thìa nhựa nhỏ, nhỏ vài giọt nước vào vị trí trung tâm của hình tròn trên tấm bìa màu (như trong hình 4.20).
- Đưa vào vị trí quan sát như kính lúp.

2. Bảo quản kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu

- Sử dụng và bảo quản kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu một cách thận trọng.
- Đặt thiết bị ở trên bàn vững chắc, nơi khô thoáng; khi không sử dụng đặt vào hộp có gói hút ẩm silicagel để tránh bị mốc.



Hình 4.20. Kính lúp tự làm

- Lau hệ thống giá đỡ bằng khăn lau sạch, lau vật kính dầu bằng giấy mềm chuyên dụng có tấm xylene hoặc cồn.

- Bảo dưỡng kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu định kỳ.

3. Em cùng nhóm bạn có thể làm một dự án nhỏ sử dụng kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu để nghiên cứu, tìm hiểu môi trường sống quê em.

E HOẠT ĐỘNG TÌM TÀI MỞ RỘNG



1. Tìm hiểu thêm về an toàn khi làm thí nghiệm, vệ sinh môi trường trong phòng thí nghiệm hoặc phòng học bộ môn của nhà trường.

2. Học sinh tự đặt ra các tình huống có vấn đề nảy sinh từ nội dung bài học, từ thực tiễn cuộc sống, vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết bằng những cách khác nhau, ví dụ như tìm hiểu thành phần không khí, độ pH của nước trong ao, hồ nơi em sống rồi lấy 1 giọt nước đó lên kính hiển vi quan sát, mô tả những gì em quan sát được. Cũng có thể cùng nhóm bạn lên thư viện tìm hiểu về các loại kính hiển vi, kính lúp và bộ hiển thị dữ liệu (ví dụ độ phóng đại của mỗi loại kính hiển vi).

SỰ CO GIãn VÌ NHIỆT CỦA CHẤT RẮN, CHẤT LỎNG VÀ CHẤT KHÍ.

Mục tiêu

- Mô tả được tính chất nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí.
- Nêu được sự giống và khác nhau về sự nở vì nhiệt của chất rắn, chất lỏng và chất khí.
- Giải thích được các ứng dụng của sự nở vì nhiệt trong thực tế.
- Vận dụng được tính chất nở vì nhiệt trong sinh hoạt hằng ngày.

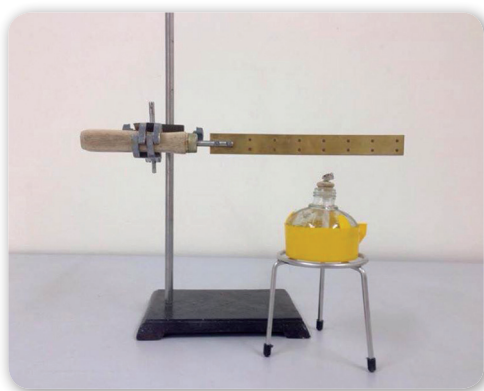
A

HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

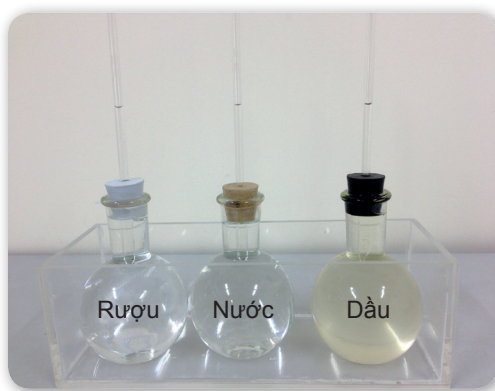


Dự đoán

- Băng kép gồm thanh đồng và thanh thép được gắn chặt vào nhau như hình a sẽ thay đổi hình dạng thế nào nếu đốt ngọn lửa đèn cồn ? Tại sao ?
- Chiều cao cột chất lỏng trong các bình ở hình b sẽ thay đổi thế nào nếu rót nước nóng vào chậu ? Tại sao ?



a)



b)



- Thống nhất dự đoán của nhóm và giải thích.
- Nếu thống nhất được, ghi tóm tắt dự đoán của nhóm vào vở.



- Báo cáo với giáo viên về kết quả hoạt động.
- Lắng nghe và cố gắng nhớ lấy những nhận xét, gợi ý của giáo viên.

B HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC



1. Thí nghiệm

- Tiến hành lần lượt các thí nghiệm và quan sát hiện tượng xảy ra với băng kép và chiều cao của các cột chất lỏng trong các ống.
- Hiện tượng quan sát được trong thí nghiệm có gì giống/khác với dự đoán ban đầu ?
- Thống nhất mô tả hiện tượng quan sát được.
- Tìm từ điền vào chỗ trống trong khung dưới đây và giải thích hiện tượng quan sát được đối với băng kép và chiều cao cột chất lỏng trong các ống.

Sự nở vì nhiệt của chất rắn

– Nói chung, khi nhiệt độ tăng thì kích thước hay thể tích của các vật rắn cũng Sự kích thước hay thể tích của các vật khi nhiệt độ tăng lên được gọi là vì nhiệt.

– Các chất rắn thì nở vì nhiệt khác nhau.

Sự nở vì nhiệt của chất lỏng

– Nói chung, khi nhiệt độ, các chất lỏng đều nở ra.

– Các chất lỏng khác nhau thì nở vì nhiệt



2. Bảng dưới đây là độ tăng thể tích của 1000 cm³ một số chất khi nhiệt độ của nó tăng thêm 50°C :

Chất khí		Chất lỏng		Chất rắn	
Không khí	183 cm ³	Rượu	58 cm ³	Nhôm	3,45 cm ³
Hơi nước	183 cm ³	Dầu hỏa	55 cm ³	Đồng	2,55 cm ³
Khí ôxi	183 cm ³	Nước	16 cm ³	Sắt	1,80 cm ³

– Hãy so sánh độ nở vì nhiệt của các chất khí khác nhau, các chất lỏng khác nhau và các chất rắn khác nhau

– Sự nở vì nhiệt của chất khí có đặc điểm gì khác với chất lỏng và chất rắn?



Tìm từ điền vào chỗ trống trong khung dưới đây :

Sự nở vì nhiệt của chất khí :

– Các chất khí cũng khi nhiệt độ tăng và khi nhiệt độ giảm.

– Các chất khí khác nhau thì nở vì nhiệt

– Các chất khí nở vì nhiệt hơn các chất lỏng và chất rắn.

– Nói chung các chất lỏng nở vì nhiệt nhiều hơn các



– Báo cáo với giáo viên về kết quả hoạt động.

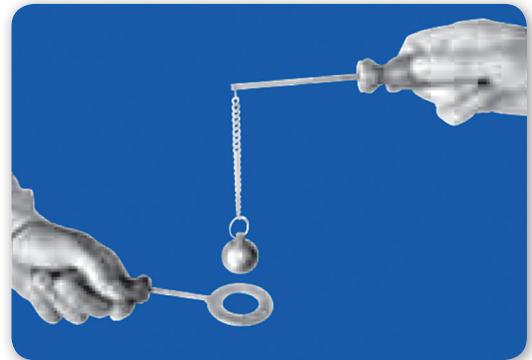
– Lắng nghe và cố gắng nhớ lấy những nhận xét, gợi ý của giáo viên.

C**HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

1. Trong hình vẽ là những dụng cụ dùng để tiến hành thí nghiệm kiểm chứng sự nở vì nhiệt của vật rắn

– Em hãy trình bày cách tiến hành thí nghiệm này.

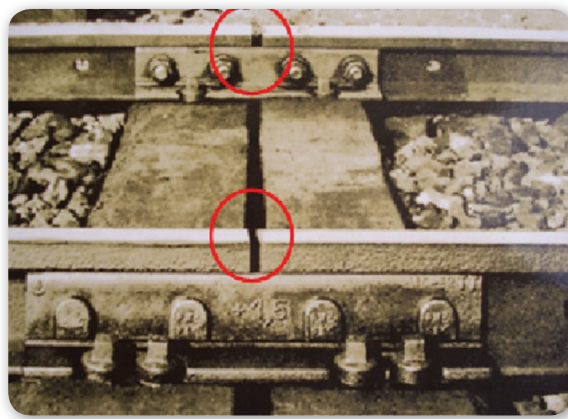
– Tiến hành thí nghiệm, nêu kết quả quan sát được và giải thích.



2. Trong hình vẽ a là một đoạn đường sắt ngày xưa bị biến dạng vào mùa hè. Để khắc phục hiện tượng đó, ngày nay đường sắt được làm từ nhiều thanh ray nối với nhau có chỗ nối giữa các thanh ray như hình b. Hãy giải thích tại sao ?



a)



b)

3. Trong hình vẽ là những dụng cụ dùng để tiến hành thí nghiệm kiểm chứng sự nở vì nhiệt của chất khí

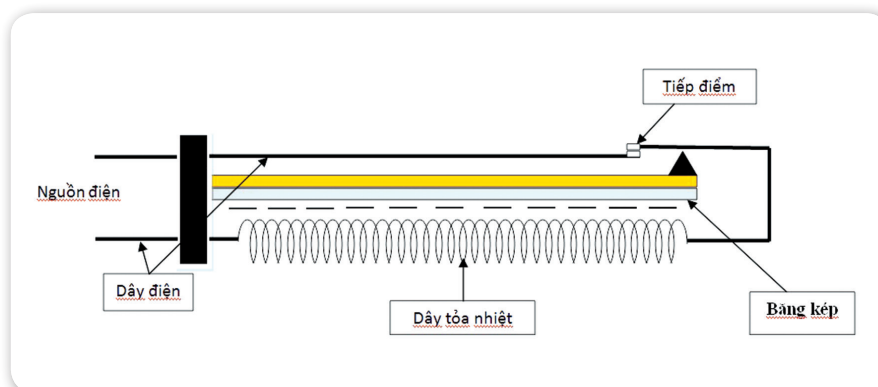
– Em hãy trình bày cách tiến hành thí nghiệm này.

– Tiến hành thí nghiệm, nêu kết quả quan sát được và giải thích.



4. Hình dưới đây là sơ đồ cấu tạo của mạch tự ngắt điện trong role điều nhiệt (role dùng để ổn định nhiệt độ).

- Em hãy giải thích về hoạt động của nó.
- Trong gia đình em có những thiết bị nào sử dụng role điều nhiệt.



D HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

– Em hãy đề xuất một việc trong sinh hoạt hằng ngày tại gia đình mà em thấy cần phải chú ý để tránh tác hại của sự nở vì nhiệt, viết một bài giới thiệu về việc đó và giải thích tại sao. (Nếu cần, em có thể nhờ đến sự gợi ý của bố, mẹ hoặc người thân trong gia đình để hoàn thành bài viết của mình).

– Nộp bài viết cho giáo viên vào bài học tiếp theo để được nhận xét, đánh giá và chia sẻ với các bạn trong lớp.

E HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

– Sự nở vì nhiệt của nước khá đặc biệt, em hãy tìm hiểu và viết một bài giới thiệu về sự đặc biệt đó.

– Em hãy tìm hiểu thêm các ứng dụng của sự nở vì nhiệt trong thực tế. Em hãy chọn và viết một bài giới thiệu để đưa vào góc học tập chia sẻ với các bạn trong lớp.

– Đọc bài giới thiệu của các bạn khác để bổ sung thêm kiến thức cho mình.

– Viết lời nhận xét về bài viết của một bạn và chia sẻ với bạn đó qua "hộp thư chia sẻ" hay "điều em muốn nói".

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hướng dẫn học môn Khoa học tự nhiên lớp 6 – Tài liệu thí điểm mô hình trường học mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- [2] Chương trình Giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.
- [3] Sách giáo khoa lớp 6, lớp 7, lớp 8, lớp 9 hiện hành. NXBGD Việt Nam.
- [4] Tài liệu tập huấn giáo viên và cán bộ quản lý về xây dựng chuyên đề dạy học và sinh hoạt chuyên môn trên mạng “Trường học kết nối”.
- [5] Tài liệu tập huấn giáo viên và cán bộ quản lý về Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo mô hình Trường học mới Việt Nam.
- [6] Các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn nhiệm vụ năm học, hướng dẫn dạy học và kiểm tra đánh giá hàng năm.
- [7] Một số tài liệu về phương pháp dạy học kiểm tra đánh giá, hoạt động trải nghiệm khoa học sáng tạo trong trường phổ thông của các Hội thảo và Dự án giáo dục.